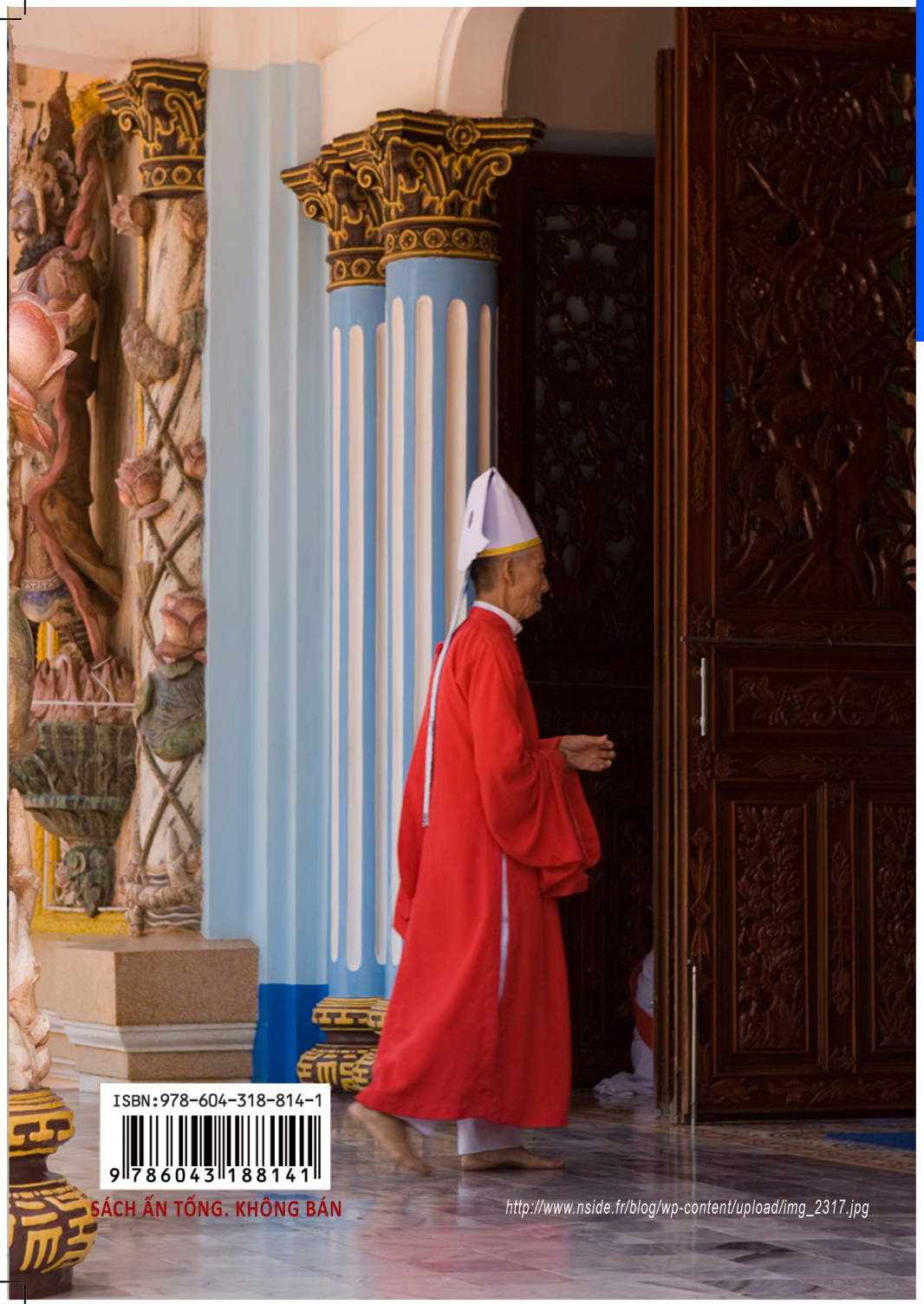

ISBN:978-604-318-814-1

SÁCH ẤN TỐNG. KHÔNG BÁN

http://www.nside.fr/blog/wp-content/upload/img_2317.jpg

40

ĐẠO UYỂN ĐÔNG 2021

NXB HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

# ĐẠO UYỂN

## ĐÔNG 2021

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**Trên**: Trong hội trường Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn, các đại biểu đưa tay chào những vị tham dự Hội Ngộ Liên Tôn XI trực tuyến.
**Dưới**: Tưởng nhớ và cầu nguyện cho các bậc tiền nhân, những người đã qua đời vì dịch bệnh trên toàn thế giới. *Ảnh: Vĩnh Thân (tgpsaigon.net)*

**Trên**: Đức Tổng Giám Mục Giuse Nguyễn Năng khai mạc Hội Ngộ Liên Tôn XI.
**Dưới**: Đức Tổng Giám Mục Giuse Nguyễn Năng và linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc Trưởng Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn TGP) tiếp đón đại biểu các tôn giáo bạn trong phòng khách Trung Tâm Mục Vụ. *Ảnh: Vĩnh Thân (tgpsaigon.net)*

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

**HUỆ KHẢI** *chủ biên*

# ĐẠO UYỂN

# ĐÔNG 2021

*Hiệp tuyển thơ văn đạo lý* – **Tập 40**

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2021



1

## NỘI DUNG

**▶ THÁNH GIÁO**

Theo Thầy Học Đạo Hưởng Ân Hồng – **Ngô Tùng Châu** 3

Làm Người là Chiếm Được Tiên – **Hưng Đạo Đại Vương** 15

**▶ SỰ KIỆN | KHẢO CỨU | SÁNG TÁC | TRAO ĐỔI**

Thiên Nhơn Hiệp Nhứt – **Diệu Nguyên** 27

Thực Trạng Sử Dụng Đất Của Đạo Cao Đài Tại Quy Nhơn – **Tài liệu** 45

Những Bức Ảnh Cũ – **Đại Cơ Minh** 55

Đâu Chỉ Là Con Ngựa Đau! | Sài Gòn Ơi! – **Đỗ Thị Kết** (thơ) 68, 71

Đạo Có Sẵn – **Từ Ánh** 69

Đi Và Về – **Trần Bửu Long** (thơ) 70

Con Về | Bài Ca Dao Đất Trời – **Huỳnh Văn Mười** (thơ) 72, 94

Kiếp Hư Vân – **Thích Tánh Tuệ** (thơ) 73

Lịch Sử Và Cấu Trúc Chu Dịch – **Lê Anh Minh** 74

Ghi Chú Về Các Hào Trong Quẻ Dịch – **Lê Anh Minh** 85

Áo Trắng | Vô Tình – **Trần Dã Sơn** (thơ) 94, 95

Cây Ớt Hiểm – **Nguyễn Quốc Huân** 96

Thoáng Chút Duyên Với Thầy Thanh Tuệ – An Tiêm – **Huệ Khải** 99

Nên Chào Công Chúng Thế nào? – **Đỗ Duy Ngọc** 107

Chiếc Kệ Sách Của Cha – **Trần Nhật Hạ** 109

Quê Nhà Yêu Dấu – **Hồ Ngạc Ngữ** (thơ) 111

Những Bậc Thềm Xưa | Mẹ Quê – **Trần Dã Sơn** (thơ) 98, 112

Từ Tờ Chiếu Cần Vương . . . – **Nguyễn Duy Chính** 113

Đến Với Nhau | Kinh Sách Mới In | Phương Danh Ấn Tống 142, 143

Ảnh bìa 1: Brian Graney chụp tại thánh thất Vũng Tàu (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh). Cảm ơn hiền huynh Sử Kiến Nguyên tặng ảnh.

***Thánh giáo***

# THEO THẦY HỌC ĐẠO HƯỞNG ÂN HỒNG

*Thánh thất Kim Quang Minh Đài (Phù Cát, Bình Định)*
*ngày 22-6 Canh Tuất (Thứ Sáu 24-7-1970)*

TIẾP ĐIỂN
THI

*VIỆT bang nào phải có ba kỳ* [1]

[1] **Việt bang** 越邦 (*Viet state*): Nước Việt. — **ba kỳ** (tam kỳ 三圻: *three territories*): Tức là *Bắc Kỳ* 北圻, *Trung Kỳ* 中圻, *Nam Kỳ* 南圻, theo chánh sách chia để trị của thực dân Pháp sau khi đã thôn tính 吞併 trọn vẹn nước Nam. — **Việt bang nào phải có ba kỳ**: Nước Việt thời xưa chẳng bị chia cắt ra ba kỳ như trong thời Pháp thuộc. Thật vậy, dưới triều Minh Mạng thì phủ Thừa Thiên là kinh kỳ, tức là nơi vua đóng đô (*kinh* 京 là kinh đô: *capital*) và những vùng đất chung quanh kinh đô (*kỳ* 畿: *territories around the capital*). Lãnh thổ ở phía bắc kinh kỳ gọi là Bắc Kỳ 北圻(畿), ở phía nam kinh kỳ gọi là Nam Kỳ 南圻(畿); hai chữ 畿 và 圻 dùng thông với nhau. Bấy giờ chưa có tên gọi Trung Kỳ. Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* 大南寔錄正編 (đệ nhị kỷ, quyển 127) của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, năm 1834 triều đình gọi Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nam Trực; gọi Quảng Trị, Quảng Bình là Bắc Trực; từ Bình Định đến Bình Thuận gọi là Tả Kỳ; từ Hà Tĩnh đến Thanh Hoa (năm 1843 đổi tên thành Thanh Hóa) gọi là Hữu Kỳ; từ Biên Hòa đến Hà Tiên gọi là Nam Kỳ; từ Ninh Bình đến Lạng Sơn gọi là Bắc Kỳ. Bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình gọi chung là Tứ Trực. Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (đệ nhị kỷ, quyển 143), năm 1835, triều đình lại gọi Quảng Trị, Quảng Bình là Hữu Trực; gọi Quảng Nam, Quảng Ngãi là Tả Trực; gọi Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoa là Hữu Trực Kỳ; gọi Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa là Tả Trực Kỳ.

*NAM, Bắc, Trung Kỳ do Pháp ly* [2]
*CÔNG nghĩa* [3] *hy sinh vì tổ quốc*
*THẦN trung tuẫn tiết lúc lâm nguy* [4]

[2] **ly** 劙 (*dividing sth*): Chia cắt, chia tách cho rời ra. Trong thời kỳ Pháp thuộc (1887-1945), thực dân Pháp chia cắt nước Nam ra ba kỳ, gọi là Bắc Kỳ (*Tonkin*), Trung Kỳ (*Annam*) và Nam Kỳ (*Cochinchine*). Pháp áp dụng ba chế độ cai trị khác nhau cho ba kỳ. Đó là chánh sách chia để trị (*la politique du diviser pour régner; the divide and rule policy*) và nọc độc của nó gây mầm chia rẽ dân tộc. Não trạng kỳ thị vùng miền, phân biệt đối xử Nam, Trung, Bắc dường như hãy còn di căn qua nhiều thế hệ, kể cả khi ách thực dân Pháp không còn trên quê hương Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua. Vì thế, hai câu thánh thi đầu tiên nhằm cảnh tỉnh người Việt về nọc độc này.

[3] **công nghĩa** 公義 (*righteousness*): Cũng là *nghĩa*, đạo Chúa gọi là *công chính,* tức việc phải làm vì nó đúng với đạo lý, lẽ phải.

[4] **thần trung** (trung thần 忠臣: *loyal official*): Bề tôi trung thành. — **tuẫn tiết** 殉節 (*sacrificing one's life by loyalty*): Hy sinh mạng sống vì lòng trung thành. — **Ngô Tùng Châu** (1752-1801) là người thôn Thái Thuận, làng Cát Tài, huyện Phù Cát, trấn Quy Nhơn (nay là xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Năm 1764, ông theo cha là Ngô Tùng Trang vào sống ở Gò Công (nay thuộc xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Là học trò giỏi của danh nho Võ Trường Toản (?-1792), Ngô Tùng Châu được Chúa Nguyễn Ánh trọng dụng. Năm 1799, Ngô Tùng Châu theo Chúa Nguyễn đem quân ra Bắc đánh quân Tây Sơn. Chiếm được thành Quy Nhơn, Chúa Nguyễn đổi tên là thành Bình Định, giao cho Võ Tánh (1768-1801) và Ngô Tùng Châu trấn giữ. Tháng 02-1800, Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem quân bao vây thành Bình Định. Là quan văn, Ngô Tùng Châu vẫn sát cánh cùng với tướng Võ Tánh tử thủ thành Bình Định

*NGÔ thân bất độ, hà thân độ* [5]
*TÙNG Đạo, tùng Thiên, chánh pháp quy* [6]
*CHÂU thỉ phục hoàn, đời mạt kiếp* [7]
*Giáng phân lý sự rõ, tường tri.*[8]

Lão Thần chào chư Thiên mạng Hội Thánh Tiên Thiên. Mừng chư chức sắc các cấp Hội Thánh Truyền Giáo. Mừng trong các cháu tộc Ngô của Lão.

Giờ nầy Lão vâng Thiên sắc [9] giáng đàn, để đôi lời đàm đạo cùng chư Thiên mạng trong việc hành đạo, sau để đôi lời với các cháu.

Những dĩ vãng chứng minh huyền linh của Đạo Trời, vì thế từ ngày khai Đạo, các bậc công thần văn võ các triều vua cùng quy phục dưới chân Thầy để lo bồi công lập đức, lãnh thánh sắc giúp phần hữu hình trên đường hành đạo. Vì vậy, ý Lão không muốn cho thân tộc của Lão hưởng phần tế tự.[10]

---

trong khoảng một năm rưỡi, mục đích cầm chân quân Tây Sơn, tạo cơ hội cho Chúa Nguyễn theo đường biển chiếm được kinh đô Phú Xuân của Tây Sơn ngày 15-6-1801. Khi thế cùng lực kiệt, Ngô Tùng Châu mặc triều phục chỉnh tề, uống thuốc độc tuẫn tiết ngày 05-7-1801. Hai ngày sau, Võ Tánh lên lầu bát giác tự thiêu.

[5] **Ngô thân bất độ, hà thân độ** 吾身不度, 何身度? (*If we do not save ourselves, who else should be saved?*): Thân ta không cứu độ thì cứu độ thân ai?

[6] Câu này ý nói: Theo Đạo, theo Trời, và quay về với chánh pháp.

[7] **Châu thỉ**: Châu (chu) nhi phục thỉ (thủy) 周而復始 (*The cycle comes back to the start*): Hết một chu kỳ thì trở lại chỗ ban đầu; cũng có nghĩa *tuần hoàn bất đoạn* 循環不斷 (liên tục xoay vần: *moving in cycles*). — **Châu thỉ phục hoàn** 周始復圜: Cũng như *châu nhi phục thỉ.* Câu này ý nói: Tiếp nối đời hạ nguơn mạt kiếp là đời thượng nguơn thánh đức, đúng theo quy tắc hễ đi hết một chu kỳ thì trở lại chỗ ban đầu.

[8] **lý sự** 理事: Là một cặp tương quan đối lập (*opposite relation*). Lý và sự là bản thể 本體 và hiện tượng 現象 (*substance and phenomena*); là tánh 性 và tướng 相 (*nature and appearance*); là tuyệt đối 絕對 và tương đối 相對 (*the absolute and the relative*); là nguyên lý 原理 và thực hành 實行 (*principle and practice*), là tiềm năng 潛能 và hiện thực 現實 (*the potential and the actual*), v.v… Thí dụ: Nước không có hình dạng cố định (là lý), khi đựng trong chai thì nước có hình cái chai, đựng trong ly thì nước có hình cái ly, v.v… (là sự). Nước trong suốt, không màu (là lý) nhưng nhìn nước biển thì thấy xanh (là sự) nên người đời nói là biển xanh, nhưng nước biển múc lên thì không nhìn thấy xanh nữa. — **tường tri** 詳知 (*knowing sth thoroughly*): Biết rõ. Câu này ý nói: Giáng đàn phân dạy rõ ràng về lý và sự để mọi người hiểu biết rõ, không còn mơ hồ.

[9] **Thiên sắc** 天敕 (*God's decree, Heaven's edict*): Sắc chỉ, chiếu chỉ của Thượng Đế.

[10] Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (đệ nhứt kỷ, quyển 16), năm 1802, vua Gia Long hỏi Tham Tri Lại Bộ: "Ngô Tùng Châu có con không?" Phạm Ngọc Uẩn tâu: "Có người cháu họ xa là Ngô Tòng Hoảng làm kế tự." Vua nói: "Nên hậu đãi người con [nuôi] ấy để báo đền kẻ trung thần." Theo *Thực Lục* (đệ nhứt kỷ, quyển 25), năm 1804 vua Gia Long ban cho Tùng Hoảng bảy mươi lăm mẫu ruộng để dùng vào việc thờ phượng (*tự điền* 祀田), cắt năm mươi dân làng giúp việc thờ cúng (*tự dân* 祀民). Tùng Hoảng còn được triều đình ban thưởng phẩm tước, giao việc hương khói lăng miếu. Theo *Thực Lục* (đệ nhị kỷ, quyển 10), năm 1821 vua Minh Mạng cấp cho bà Ngô Tùng Châu (Võ Thị Lội, là em gái Võ Tánh) mỗi năm là năm mươi quan tiền và năm mươi phương gạo. *Phương* 方 là cái hộc gỗ vuông đong gạo. Theo *Thực Lục* (đệ nhứt kỷ, quyển 27), năm 1805 đời vua Gia Long, quy định một phương gạo bằng mười ba thăng 升 (người Việt còn gọi là *thưng*) hay ba mươi bát.

Có câu: *Lưu hữu dư bất tận chi công dĩ hoàn Tạo Hóa. Lưu hữu dư bất tận chi lộc dĩ hoàn triều đình. Lưu hữu dư bất tận chi tài dĩ hoàn bá tánh. Lưu hữu dư bất tận chi phúc dĩ hoàn tử tôn.*[11] Vì yếu lý của bốn câu "lưu" ấy mà Lão không muốn cho một cháu nào thụ hưởng phần vật chất của triều đình ban cấp tế tự lăng miếu của Lão.

Bởi câu: *Thế thượng vạn ban đô thị giả. Nhơn gian đạo đức quả vi chơn.*[12] Lão muốn để phúc đức cho con cháu mà thôi. Vậy, cháu Ngô Tùng Du là phần hiện tại trong trưởng tộc, cháu nghe lời Lão Tổ, nhắn với các cháu nam nữ, lão ấu rán hồi đầu hướng thiện, quy y vào Đại Đạo, để hưởng được ân xá Kỳ Ba.

Các cháu nên tin tưởng rằng về phần thiêng liêng, các đấng vô hình còn phải tu công lập quả để được tiến bộ trên

Lăng mộ Đức Ngô Tùng Châu ở Gò Tháp, thôn Thái Định
(nay là thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).
*Ảnh: Bình Định Online (02-7-2013)*

(11) 留有餘不盡之功以還造化. 留有餘不盡之祿以還朝廷. 留有餘不盡之財以還百姓. 留有餘不盡之福以還子孫. Giữ cái công dư thừa (của mình) để trả lại cho Tạo Hóa (tức là hiến cho xã hội). Giữ bổng lộc dư thừa (của mình) để trả lại triều đình. Giữ tài sản dư thừa (mình chưa dùng hết) để trả lại bá tánh (tặng cho dân chúng). Giữ phước dư thừa (mình chưa hưởng hết) để trả lại con cháu (truyền cho con cháu hưởng). Câu đầu tiên có dị bản là: *Lưu hữu dư bất tận chi xảo dĩ hoàn Tạo Hóa.* (Xảo 巧 là sự khéo léo.) Bốn câu này là nội dung bài minh nhan đề *Tứ Lưu* 四留 (Bốn Điều Lưu Giữ) của Vương Bá Đại 王伯大 đời Tống 宋. (*Minh* 銘 là bài viết khắc vào một đồ vật, thường đặt nơi hay nhìn thấy để tự khuyên răn bản thân: *an inscribed motto used to advise oneself.*)

(12) **Thế thượng vạn ban đô thị giả.** 世上萬般都是假. (*Everything in the world is fake.*): Muôn thứ trên đời đều giả dối. — **Nhơn gian đạo đức quả vi chơn.** 人間道德果爲眞. (*Virtuousness in life is actually true.*): Đạo đức ở đời quả thực là thật.

đường đạo đức, tăng phẩm thiêng liêng thay, huống hồ [13] các cháu mang phần thể xác, một kiếp đời sống là bao. Danh lợi mà chi, tiền của mà chi, chết chỉ nắm hai bàn tay trắng, chỉ có đem theo tội hay phước mà thôi.

Nay ông đã được tăng phần phẩm vị, nhưng ngày kia sẽ rõ. Hiện giờ các cháu chẳng cần biết mà chi, chỉ rán nhắc nhở, kêu gọi nhau trên đường tu học, lập đức bồi công thì Tổ được vui lòng lắm vậy.

THI

*Ngô Tùng Du,*[14] *cháu rán tin ông*
*Lời dạy đơn sơ gắng nhớ lòng*
*Lập chí, lập tâm, chơn chánh nghĩa*
***Theo Thầy học đạo hưởng ân hồng***.[15]

[13] **huống hồ** (*let alone, much less, still less*): Khi nêu ra hai vế, đặt trước vế thứ hai để nhấn mạnh rằng vế thứ hai có tính chất khẳng định nhiều hơn vế thứ nhất.

[14] Ông Ngô Tùng Du (là hậu duệ đời thứ sáu) vâng theo tôn ý Đức Ngô Tùng Châu đã hiến tỉnh đạo Bình Định (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) một số mẫu ruộng trích trong phần tự điền được vua Gia Long ban tặng năm 1804. Tỉnh đạo Bình Định hoàn thành thủ tục pháp lý và được chánh quyền cấp bằng khoán. Tỉnh đạo đã xây lăng miếu thờ Đức Ngô (là Thần bảo hộ cho tỉnh Bình Định) tại xã Cát Tài, quận Phù Cát (nay là huyện Phù Cát). Lễ khánh thành tổ chức rất long trọng. Hằng năm tỉnh đạo đều tổ chức lễ cúng giỗ. Sau tháng 4-1975, nhà cầm quyền địa phương trưng dụng số ruộng này và lấy lăng miếu làm trụ sở của xã. Vì vậy, từ đó tới nay, lễ giỗ hằng năm được tỉnh đạo tổ chức tại thánh đường Quy Nhơn (số 55 Hàm Nghi, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định).

[15] Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.





Sau đây Lão để lời tri ân tấm lòng nhiệt thành tâm đạo của chư Thiên sắc [16] đã để hết tâm thành, lo việc kiến thiết lăng miếu của Lão. Điều ấy Lão ghi ân, song Lão để đôi lời, hãy tùy tiện [17] mà tạo tác, không nên làm quá sức, bởi sự hữu hình thì hữu hoại, Lão không thích. Mong sao chư Thiên sắc tạo lăng rồi thì tùy phương tiện tạo cơ sở chung. Về Phật đường hay thánh đường cùng các cơ sở lợi ích chung cho Đạo, cho nhơn sanh là Lão rất đồng ý, tán thành và chúc tụng. Chớ [18] tạo đồ sộ mà làm chi. Cung kính bất như phụng mạng.[19]

Lão cũng để đôi lời cầu chúc các vị quan khách, ngày trí thạch [20] sắp đến sớm được thành công, có Lão chứng minh. nhưng Lão mong sao mỗi mỗi rán lập tâm trung can, nghĩa khí, chánh chơn phụng sự cho dân cho nước hầu [21] đem lại cảnh trật tự an lạc thái bình cho dân tộc, cho nhân quần.[22] Đó là mỹ ý [23] của Lão hằng mong muốn.

[16] **Thiên sắc** 天色: Thiên phong chức sắc, người nhận lịnh Trời.

[17] **tùy tiện** 隨便: *Tùy nghi* 隨宜; tùy theo điều kiện hay hoàn cảnh, miễn sao thuận tiện, không nên bó buộc.

[18] **chớ** (*don't do sth*): Đừng.

[19] **Cung kính bất như phụng mạng** 恭敬不如奉命 (*Deference is no substitute for obedience*): Cung kính không bằng vâng lịnh.

[20] **trí thạch** 置石 (*the foundation laying ceremony*): (Lễ) đặt viên đá đầu tiên. Lưu ý: Người Hoa không nói "trí thạch", mà nói: 奠基儀式 (*điện cơ nghi thức*), 動工儀式 (*động công nghi thức*), 第一次奠基 儀式 (*đệ nhất thứ điện cơ nghi thức* — The first groundbreaking ceremony: lễ đặt viên đá đầu tiên).

[21] **hầu** (*in order to*): Ngõ hầu, để mà.

[22] **nhân quần** 人群 (*people in general*): Con người nói chung.

[23] **mỹ ý** 美意 (*goodwill; kindness*): Ý tốt, lòng tốt.

Lão chẳng muốn có sự nguy nga vì phần tư lợi, tư kỷ [24] thì không bao giờ được như ý. Bởi Đạo là lẽ chung, phải làm sự lợi ích chung. Vì tư riêng mới sanh lòng gian trá, đua tranh, nghịch lẫn nhau. Ý Lão thì muốn bấy nhiêu thôi.

Trong hàng Thiên sắc cứ y đồ án và y theo ngày đã định khởi công. Phần hữu hình có chư hiền; phần vô vi có Lão hộ trợ trong ngoài các thánh đường thuộc tỉnh nhà đây vậy.

THI

*Lời thật nói ra rán nhớ ghi*
*Đừng mong lời dạy quá cao kỳ*
*Thiên cơ đã rõ, từ xưa dạy*
*Nay rán hành y mới kịp kỳ*.

BÀI

*Được hân hạnh làm dân nước Việt*
*Giống Tiên Rồng rõ biết việc xưa*
*Tinh thần truyền thống có thừa*
*Anh hùng bất khuất, hơn thua chẳng màng*.

*Quyết bảo vệ giang san một dải*
*Nước Việt Nam hiện tại còn đây*
*Được hành thánh sự hiệp vầy*
*Công trình hiển hách* [25] *đến ngày tương lai*.

*Nay được Đức Cao Đài Thượng Đế*
*Nơi thánh đình chẳng trễ thời kỳ*
*Cứu đời trong lúc loạn ly*

[24] **tư kỷ** 私己 (*private*): Riêng tư (cũng như *tư hạ* 私下).

[25] **hiển hách** 顯赫 (*illustrious*): Vẻ vang, rực rỡ.



*Phải tường đạo pháp của Thầy mới an*.

*Đất linh kiệt* [26] *vẻ vang tốt đẹp*
*Sanh anh tài liên tiếp xưa nay*
*Để lo bảo vệ giống nòi*
*Non sông gấm vóc đến ngày bình thanh*.[27]

*Phần vô vi điển lành hộ trợ*
*Chư thiêng liêng giúp đỡ mọi hiền*
*Hữu hình Thiên sắc cần nên*
*Lo toan mọi việc vững bền thành công*.

*Bởi thời kỳ Hoa Long đại hội*
*Cơ tuyển chọn gạo cội trên sàng*
*Phân phàm chọn thánh rõ ràng*
*Ai người trung liệt, trung can danh đề*.

*Dòng lịch sử lời phê linh diệu*
*Trên bốn ngàn năm chịu thăng trầm*
*Ngày nay còn phải gia tăng*
*Nhiều điều khổ khó mới rằng đáng trang*.[28]

*Công oanh liệt, chiến tràng đắc thắng*
*Được vẻ vang mới đặng lộc Trời*
*Lộc Trời ban thưởng cho người*
*Nhờ người vẹn giữ rạng ngời nhứt tâm*.

[26] **đất linh kiệt**: Tức là *địa linh nhân kiệt* 地靈人傑 (*a remarkable place producing outstanding people*); nói đủ là "địa linh sinh nhân kiệt" (đất linh thiêng sản sinh những người hào kiệt có tài năng, ý chí, và dũng cảm hơn mọi người).

[27] **bình thanh**: *Thanh bình* 清平 (*peaceful*).

[28] **đáng trang**: Xứng đáng là trang hướng đạo.

*Chữ nhứt tâm cao thâm huyền bí*
*Bậc anh hùng, chí sĩ đạo đời*
*Nếu ai đắc nhứt, nên người*
*Nếu tu đắc nhứt, về Trời khó chi*.

*Chư Thiên sắc trí tri cách vật* [29]
*Đã tâm thành, ý thật từ lâu*
*Tu thân đã được tròn câu*
*Tề gia, hành đạo ngõ hầu hưởng chung*.

*Sự trị quốc tương phùng nhờ đó*
*Chữ nhứt tâm gắn bó Đạo Trời*
*Mới bình thiên hạ kịp thời*
*Thượng nguơn thánh đức nơi nơi thanh bình*.[30]

[29] **trí tri cách vật**: (*cách vật trí tri* 格物致知: *investigating things thoroughly in order to attain thorough knowledge*): Nghiên cứu, tìm hiểu tới cùng để hiểu biết thật rõ sự vật.

[30] **Chư Thiên sắc trí tri cách vật . . . nơi nơi thanh bình**: Tám câu này nhắc lại một đoạn trong sách *Đại Học* 大學: *Trí tri tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri chí. Tri chí nhi hậu ý thành. Ý thành nhi hậu tâm chánh. Tâm chánh nhi hậu thân tu. Thân tu nhi hậu gia tề. Gia tề nhi hậu quốc trị. Quốc trị nhi hậu thiên hạ bình*. 致知在格物. 物格而後知至. 知至而後意誠. 意誠而後心正. 心正而後身修. 身修而後家齊. 家齊而後國治. 國治而後天下平. (*Thorough knowledge results from investigating things. Things being investigated, knowledge becomes thorough. Knowledge being thorough, thoughts are sincere. Thoughts being sincere, mind is then rectified. Mind being rectified, humans are cultivated. Humans being cultivated, their families are regulated. Their families being regulated, their state is rightly governed. Their state being rightly governed, all citizens enjoy peace*.) Sự hiểu biết cặn kẽ có được nhờ nghiên cứu sự vật tới cùng. Nghiên cứu sự vật tới cùng rồi thì hiểu biết mới cặn kẽ. Hiểu biết cặn kẽ rồi thì ý nghĩ



*Lời Lão tỏ đinh ninh* [31] *ghi nhớ*
*Trong họ Ngô khá sợ khá tu* [32]
*Chớ nên lơ lảng phận tu*
*Lập tâm chánh nghĩa thiên thu sử đề*.[33]

*Lão hứa lời, lệnh phê* [34] *đã dạy*
*Hộ điển lành cả thảy tỉnh nhà*
*Ai người hành đạo gần xa*
*Dù gặp khổ khó, tưởng mà Lão đây*.

*Lão sẽ đến cứu ngay mọi việc*
*Vì mạng Trời chí quyết độ đời*
*Độ đời thoát khỏi họa tai*
*Non sông tổ quốc mới rày bình an*.

*Lão giã từ, ân ban nam nữ*
*Cùng tinh thần trọn chữ nhứt tâm*
*Ngày đêm tưởng niệm tu thân*
*Cho cơ Đạo được hóa hoằng khắp nơi*.

Lão xin từ giã chư Thiên sắc. Lão thăng.

mới thành thật. Ý nghĩ thành thật rồi thì lòng dạ mới ngay chánh. Lòng dạ ngay chánh rồi thì bản thân mới tu sửa được. Tu sửa bản thân rồi thì mới quản lý được việc nhà. Quản lý việc nhà rồi thì mới an trị đất nước. An trị đất nước rồi thì thiên hạ (bá tánh) mới thanh bình.

[31] **đinh ninh ghi nhớ**: Ghi nhớ mãi không quên.

[32] **khá sợ khá tu**: Hãy nên sợ (luật Trời) và hãy nên tu hành.

[33] **thiên thu sử đề**: Được tiếng thơm muôn đời chép vào sử sách.

[34] **lệnh phê**: Lịnh Trời trao phận sự cho Đức Ngô Tùng Châu bảo hộ tỉnh Bình Định.

**HUỆ KHẢI** *chú thích* — **LÊ ANH MINH** *hiệu đính*

***Thánh giáo***

# LÀM NGƯỜI LÀ CHIẾM ĐƯỢC TIÊN

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)*
*ngày 24-6 Canh Tuất (Chủ Nhật 26-7-1970)*

Bản Thánh, HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG, chào chư liệt vị Thiên ân cùng đạo tâm nam nữ. Thành kính tọa thiền hộ điển.

THI

*Tiên thiên nhứt khí* [1] *thể* [2] *hỗn nhiên* [3]

[1] **tiên thiên nhứt khí** 先天一氣: Một khí tiên thiên. Theo *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đới Nguyên Trường 戴源長, tiên thiên nhứt khí cũng là *tiên thiên chơn khí* 先天眞氣. Khí này có từ hư không, lúc *hồng hoang* 鴻荒 (*chaos; hỗn độn* 混沌), khi chưa phân lập trời đất, còn trạng thái *hồn nhiên* 渾然, không ta không người (*vô nhân vô ngã* 無人無我).

[2] **thể** (*substance, being*): *Bản thể* 本體, cái tự nó tồn tại, đối lập với *các hiện tượng* 現象 (*phenomena*).

[3] **hỗn nhiên** 混然: ① Hỗn loạn, loạn tạp 亂雜, 混亂 (*confused, chaotic, disordered*). — ② Hỗn nhiên nhất thể 渾然一體 (*blended into one another, blended together well*: trộn lộn vào nhau), không thấy dấu vết (*bất kiến ngân tích* 不見痕跡: *leaving no trace*). — ③ Mơ hồ, không biết gì (*hồ đồ* 糊塗: *confused, muddled; vô sở tri* 無所知). — ④ Chất phác 質朴 (*plain and simple*), thuần chân 純眞 (*pure and unaffected*). — ⑤ Hình dạng không phân biệt được (*vô phân biệt đích dạng tử* 無分別的樣子: *indistinctive appearance*). — ⑥ Hình dạng mơ hồ, giản dị, không biết gì (*hỗn phác vô sở tri đích dạng tử* 渾朴無所知的樣子).



*Thanh tĩnh, vô vi, Đạo cực huyền* [4]
*Phương tiện đa môn, quy nhứt lộ* [5]
*Chí thành bất tức, chứng Kim Tiên.*[6]

先天一氣體渾然 / 清靜無爲道極玄
方便多門歸一路 / 至誠不息證金仙

Trước khi chưa dựng nên trời đất, Đạo là vô vi, hỗn nhiên trong bầu hư vô lặng lẽ,[7] không một vật gì trộn lẫn, nên gọi

[4] Câu này ý nói: Đạo thì thanh tĩnh, vô vi, vô cùng sâu xa, ảo diệu.

[5] Câu này ý nói: Phương pháp (hay pháp môn) tuy đa dạng nhưng đều chung lối dẫn về Đạo. Câu này tương tự như **Đồng quy nhi thù đồ** 同歸而殊途: Đường tuy khác nẻo nhưng cùng về một chỗ (*different ways lead to the same place*). Hệ Từ Hạ 系辭下 trong Kinh Dịch xác định: *Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ.* 天下同歸而殊途. (*They all come to the same target, though by different paths*: Đường đi muôn lối, một chỗ cùng về.)

[6] Câu này ý nói: Trọn lòng thành thật (chí thành 至誠: *completely sincere*) mà tu hành không gián đoạn (bất tức 不息: *ceaselessly, continually, without a break*) thì sẽ đắc quả Kim Tiên. — *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đới Nguyên Trường 戴源長 giảng: Kim Tiên là địa vị tối cao. Lúc trời đất hủy diệt, mọi vật có hình có chất đều biến thành số không, (...), chỉ riêng Kim Tiên đã vượt ngoài trời đất, không bị ảnh hưởng mà nhiều kiếp không hại, còn có thể tái tạo trời đất, lập thế giới riêng . . . (*Nãi tối cao địa vị, thiên địa hủy diệt thời, nhất thiết hữu hình hữu chất, đô hóa vi ô hữu,* [. . .], *duy Kim Tiên dĩ siêu xuất thiên địa chi ngoại, bất thụ ảnh hưởng, nhi lịch kiếp bất hoại, thả năng trùng tạo thiên địa, lánh lập thế giới . . .* 乃最高地位, 天地毀滅時, 一切有形有質, 都化爲烏有, [...], 唯金仙已超出天地之外, 不受影響, 而歷劫不壞, 且能重造天地, 另立世界. . .).

[7] *Đạo Đức Kinh*, Chương 25: *Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sanh.* 有物混成, 先天地生. (Có vật hỗn độn mà vẹn toàn, sanh

là khí tiên thiên. Khi Đạo dựng nên càn khôn thế giới,[8] gồm cả vạn hữu chúng sanh,[9] âm dương phân định, ấy là hậu thiên khí chất.

Con người là tiểu thiên địa, cũng như một bầu vũ trụ, tuy nhỏ bé nhưng gồm đủ không khác chi trời đất. Mỗi người đều thọ nơi Thượng Đế một điểm linh quang, âm dương hun đúc [10] mà thành hình. Thần nương đó để phát huy năng lực, thi thiết [11] quyền pháp, tài thành [12] cho công cuộc tạo hóa [13] được trọn nên, chung lộn trong thời gian và không gian đặng triển khai [14] tâm thức, tạo lấy sự nghiệp tôn vinh,[15] đặt trách nhiệm của con người.

Quyền năng ấy Thượng Đế đã ban phú cho mọi loài. Loài

trước trời đất. — *There was something chaotic and complete, coming into existence before heaven and earth.*)

[8] **càn khôn thế giới** 乾坤世界 (*heaven and earth, the universe*): Trời đất, vũ trụ.

[9] **vạn hữu chúng sanh** 萬有眾生 (*all living beings*): *Vạn vật* 萬物 muôn loài.

[10] **hun đúc** (huân đào 熏陶: *being tempered*): Trui rèn, tôi luyện, hình thành tính cách sau thời gian rèn luyện, thử thách lâu dài.

[11] **thi thiết** 施設 (*carrying out and arranging sth*): Thi hành và sắp đặt.

[12] **tài thành** 裁成 (*accomplishing sth, fulfilling sth*): *Thành tựu* 成就, *hoàn thành* 完成, *hoàn tất* 完畢, làm xong.

[13] **công cuộc tạo hóa** (*tạo hóa chi công* 造化之工: *the work of creation*): Sự *sáng thế* 創世, việc dựng nên trời đất (*sáng tạo thiên địa* 創造天地).

[14] **triển khai** 展開 (*expanding sth, developing sth*): Mở mang, mở rộng, phát triển.

[15] **tôn vinh** 尊榮 (*honour and glory*): Vinh dự và vẻ vang.

nào cũng trải qua một cuộc hành trình vô định. Khi làm xong phận sự của mình, lúc đó trở lại hội hiệp cùng Trời, gọi là thành Tiên tác Phật.

Cõi đời là bể khổ trầm luân,[16] nhưng đó cũng là trường học rèn luyện con người để thâu hoạch công trình tự người làm nên. Mà đời cũng là bãi chiến trường khốc liệt; con người dấn thân vào đấy, tự mình phải chiến thắng để tạo cho mình một địa vị anh hùng, rèn đúc gan óc rắn rỏi, sáng suốt để đủ sức vượt qua mọi chướng ngại hiểm nghèo.

Nhưng ngoài giai đoạn thành công đó còn phải tự chiến thắng bản thân, trông ra mọi vật như đám quyến thuộc [17] của mình. Chính đó là cái tâm cơ [18] dong ruổi bên ngoài. Dầu là sông núi, chúng sinh cũng do tâm mình mà xuất hiện,[19] nên phải tạo cho được hạnh người bồ tát, lấy bát nhã tâm mà quán chiếu [20] mọi loài. Nếu không chủ [21] được tâm

[16] **trầm luân** 沉淪 (*sinking*): Chìm đắm. *Trầm* và *luân* đồng nghĩa.

[17] **quyến thuộc** 眷屬 (*family member and and relatives*): Người trong gia đình và thân thích (*thân nhân* 親人, *gia thuộc* 家屬). **trông ra mọi vật như đám quyến thuộc của mình**: Điều này dựa trên lý lẽ rằng mọi vật và mình đều là những điểm linh quang (*tiểu linh quang* 小靈光: *micro sacred lights*) được chiết ra từ Thượng Đế (*Đại Linh Quang* 大靈光: *the Macro Sacred Light*).

[18] **tâm cơ** 心機 (*thoughts*): *Tâm tư* 心思, ý nghĩ.

[19] Nhà Phật nói: *Vạn pháp duy tâm tạo.* 萬法唯心造. (*All dharmas are made from the mind alone.* – Tất cả các pháp đều do tâm tạo nên.) Sách *Liệt Tử* chép: Có người mất búa, đem bụng ngờ con nhà hàng xóm; bởi vậy thấy mọi cử chỉ, vẻ mặt của nó đều gian xảo. Sau khi tìm thấy búa, lại thấy mọi cử chỉ, vẻ mặt của nó không có chút gì giống như kẻ trộm cắp.

[20] **quán chiếu** 觀照 (*reflecting on sth*): Suy xét sâu xa và kỹ càng.

thì tâm buông lung, phóng túng, kẹt mắc khắp muôn cảnh trần duyên;[22] rồi nội thân mờ mịt, tình thức gây xáo trộn, khổ đau, ý chí lộn cuồng, không biết trần ai là ảo vọng.

Con người khi nào nhận được bản chất hậu thiên là đa tạp, mê mờ, rối loạn mới tìm đường trở lại nguồn đầu,[23] quay về với Đạo, như lúc chưa có đất trời, một khối hỗn nhiên, lòng mình thông tuệ, bồ đề tự tại.[24]

Con người vì nhận lầm mà bỏ gốc theo ngọn, nên không thấy được bản thân mầu nhiệm của mình, đâu hiểu chỗ sở dĩ[25] phát sinh. Mắt thấy tai nghe, thân hình hoạt động, tất cả đều do tâm; nên mũi mới biết được mùi, lưỡi mới nếm được vị, miệng mới nói nên lời, ý mới nghĩ được việc nầy việc nọ mà quên hẳn nguồn gốc ở tâm.

Tâm đã phát tiết ra nhiều thì sự hư hụt bên trong càng ngày càng kiệt cạn. Thông qua các cửa,[26] vướng víu đắm mê ngoại cảnh mà con người đành chịu hèn mạt, khổ đau.

[21] **chủ** 主 (*mastering sth, controlling sth*): Làm chủ, kiểm soát.

[22] **trần duyên** 塵緣: Tức là *lục trần* 六塵 (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp: *sight, sound, smell, taste, touch, and idea*). Vì tâm "duyên theo" (*affected by*) sáu trần mà bị ô nhiễm, không thanh tịnh, nên gọi là lục trần là trần duyên.

[23] **nguồn đầu** (bản nguyên 本源: *origin, source, starting point*): Nguồn cội, nguồn gốc ban đầu, khởi điểm.

[24] **tự tại** 自在 (*free, unrestrained*): Tự do, không bị ràng buộc (vì không còn bị phiền não, không còn bị tình cảm phàm tục như lục dục thất tình sai khiến).

[25] **sở dĩ** 所以 (*reason*): Nguyên nhân, lý do, duyên cớ.

[26] **các cửa**: Có sáu cửa (*lục căn* 六根: *the six senses*) là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và ý (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ: *eyes, ears, nose, tongue, body, mind*).



BÀI

*Trước vũ trụ, đất trời chưa có*
*Như thế nào, đâu rõ âm hao* [27]
*Mông mênh, thông cực, diệu cao*
*Tối linh vô thượng, dám sao nghĩ bàn.*

*Thánh truyền sở, hồn mang vô cực*
*Ngôi tiên thiên, thái nhứt bản sơ*
*Uyên uyên,*[28] *thấp thoáng, mập mờ* [29]
*Hỗn nhiên, thanh tịnh, thần cơ nhiệm mầu.*

*Thần vô phương* [30] *nhưng đâu cũng có*
*Cơ diệu vi* [31] *lấp ló chưa trình* [32]

[27] **âm hao** 音耗 (*news, information*): Tin tức, thông tin.

[28] **uyên uyên** 淵淵 (*deep and still*): Sâu xa và tĩnh lặng.

[29] *Đạo Đức Kinh*, Chương 21: *Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt. Hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề hốt hề kỳ trung hữu vật.* 道之爲物, 惟恍惟惚. 惚兮恍兮, 其中有象. 恍兮惚兮, 其中有物. (Đạo là cái gì chỉ mập mờ, thấp thoáng. Thấp thoáng, mập mờ mà bên trong có hình dạng. Mập mờ, thấp thoáng mà bên trong có vật.— *Dao is something only vague and obscure. How obscure! How vague! In it there is form. How vague! How obscure! In it are things.*)

[30] *Hệ Từ Thượng*, chương IV: *Thần vô phương. . .* 神無方. . . (Thần [linh diệu nên] không bị giới hạn hay bó buộc vào một chỗ nào.) — **Thần vô phương nhưng đâu cũng có**: Thần không cố định ở một nào mà chỗ nào cũng có Thần.

[31] **diệu vi** (vi diệu 微妙): *Thâm áo huyền diệu* 深奧玄妙 (*obscure and mysterious*).

[32] **trình** (trình hiện 呈現: *appearing, manifesting itself, coming into sight; becoming visible*): Hiện ra, lộ ra, bày ra cho thấy.

*Như như,*[33] *cương kiện, trọn lành*
*Hốt nhiên* [34] *Tạo Hóa phân thành hai nghi.*[35]

*Khối âm dương, Thần ky* [36] *xuất hoạt*
*Đạo trung hòa bàng bạc hóa sanh*
*Kiền khôn thế giới định thành*
*Ngày đêm, thời tiết vận hành biến thông.*

*Cơ động tịnh, sắc không, ẩn hiện*
*Máy âm dương luân chuyển, tuần hoàn*
*Thần kỳ, diệu diệu, mang mang* [37]
*Con thoi nhựt nguyệt dọc ngang kết liền.*

*Tự nhiên mãi, đương nhiên hẳn thế*
*Xảo diệu* [38] *mà thực tế, giản đơn*
*Trông vào thấy quả biết nhơn*
*Bủa ra nhóm lại, chánh chơn nhiệm mầu.*

*Nhứt bản tán vạn thù,*[39] *lưu lãng* [40]
*Vạn thù quy nhứt bản,*[41] *hoàn nguyên*
*Ngược dòng nhập Thánh vào Tiên*

[33] **như như** 如如: Bất biến, bất nhiễm.
[34] **hốt nhiên** 忽然 (*suddenly*): Thình lình, bỗng dưng.
[35] **hai nghi** (lưỡng nghi 兩儀: *yin and yang, earth and heaven*): Âm và dương, đất và trời.
[36] **thần ky**: Thần cơ.
[37] **mang mang** 芒芒: Bao la, mênh mông.
[38] **xảo diệu** 巧妙 (*clever, ingenious*): Khéo léo.
[39] **nhứt bản tán vạn thù** 一本散萬殊 (*one origin dispersing into all differences*): Một gốc phân tán ra muôn vàn khác biệt.
[40] **lưu lãng** 流浪 (*dispersing everywhere*): Phân tán khắp nơi.
[41] **vạn thù quy nhứt bản** 萬 殊 歸 一本 (*all differences returning to one origin*): Muôn vàn khác biệt đều trở về một gốc.



*Thuận theo dục lạc, não phiền, tử sanh.*

*Vay phải trả, loanh quanh sáu nẻo* [42]
*Ý sanh tình, lẽo đẽo bên thân*
*Sáu căn duyên với sáu trần*
*Lông mang sừng đội, tinh thần tiêu tan.*

*Người đứng giữa nấc thang giao biến* [43]
*Được* ***làm người là chiếm được tiên*** [44]
*E người tâm chí đảo điên*
*Tự do, phóng túng, ý Thiên che mờ.*

*Tiếp nhận được thời cơ chẳng dễ*
*Chậm một giây là trễ một đời*
*Thời cơ tuy đã đến nơi*
*Lòng còn đen bạc, luật Trời khó dung.*

*Phải là Thánh mới cùng Tiên Thánh*
*Có chánh tâm mới chánh được người*

[42] **sáu nẻo** (lục đạo 六道): Sáu đường luân hồi của chúng sanh, tùy theo những việc lành việc ác đã tạo gây trong kiếp sống. (*Six kinds of rebirth in samsara that are undergone by sentient beings in accord with their good or evil actions carried out in their previous lifetime.*) Lục đạo gồm: ① Thiên 天 (*devas: celestial beings, gods, hiểu theo Phật Giáo; <u>không phải</u> là Thượng Đế theo Nho, Lão, Cao Đài*). ② A tu la 阿修羅 (*asura*). ③ Nhơn 人 (người: *human*). ④ Địa ngục 地獄 (*hell*). ⑤ Ngạ quỷ 餓鬼 (quỷ đói: *hungry ghost*). ⑥ Súc sanh 畜生 (thú vật: *animal*). Ba đường trên (1, 2, 3) gọi là ba đường lành (tam thiện đạo 三善道). Ba đường dưới (4, 5, 6) gọi là ba đường dữ (tam ác đạo 三惡道).
[43] **giao biến** (?): Chưa rõ nghĩa.
[44] **tiên** 先 (*the first*): Vị trí đứng đầu trong các loài. Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

*Đọt xanh nhờ gốc rễ tươi*
*Đời hay nhờ có con người sáng khôn.*

*Cậy khôn sáng, tự tôn tự đại*
*Thì bị đời đào thải, bất dung* [45]
*Đặng dân, đặng ở thời trung*
*Đặng lòng trời đất hầu* [46] *tùng Thiên cơ.*

*Người quân tử không mơ ngoại cảnh*
*Lo trau dồi tâm tánh nội thân*
*Đến khi xuất hóa nhập thần*
*Ấy là thành kỷ, thành nhân vẹn toàn.*[47]

*Muốn hạ thủ* [48] *lần sang cõi Thánh*
*Lo lập nền đức hạnh thanh cao*
*Ái ân, danh lợi ngăn rào*
*Nhảy ra cửa có, men vào cửa không.*

*Đặng mở một đường thông đến Đạo*
*Lòng lâng lâng hy hạo thái huyền* [49]
*Thấy mình chứng nhập tự nhiên*
*Không còn hệ lụy trần duyên như ngày.*[50]

[45] **bất dung** 不容 (*cannot tolerate sb*): Không tha thứ.
[46] **hầu** (*so as to, in order to*): Ngõ hầu mà, để mà, nhằm để.
[47] **thành kỷ** 成己 (*completing oneself*): Thành tựu cho mình (bản thân). — **thành nhân** 成仁 (*completing one's benevolence*): Thành tựu đức nhân của mình. *Trung Dung* 25: *Thành kỷ, nhân dã.* 成己, 仁也. Thành tựu cho mình là đức nhân. (*Completion of oneself is his benevolence*.)
[48] **hạ thủ** 下手 (*starting work on sth, putting one's hand to sth*): Bắt tay vào việc, ra tay làm việc, khởi sự làm gì.

*Trước kia khác mà nay đã khác*
*Xưa vong thân* [51] *nay đạt lại thân*
*Trước kia tâm thức duyên trần*
*Phóng theo ngoại cảnh, trong thân nghèo nàn.*

*Lòng thiếu thốn, khô khan, thèm muốn*
*Mới theo tâm, yêu chuộng giựt giành*
*Không nề gian khổ, tử sanh*
*Miễn sao cướp đoạt về mình là vui.*

*Vì mất tâm, lòng nuôi ích kỷ*
*Được tâm rồi, ý chí rảnh rang*
*Tâm ta như mạch suối tràn*
*Tình thương, sự sống chứa chan dồi dào.*

*Xưa khốn khổ, khát khao vật lạ*
*Nay dư giàu, có cả nơi tâm*
*Tâm đi nã tróc,*[52] *kiếm tầm* [53]
*Tâm về ấm áp, thì Thần hân hoan.*

[49] **hy hạo thái huyền** 希浩太玄 (*great mystery of silence and vastness*): Tạm hiểu là Đạo bao la và lặng lẽ.
[50] **như ngày** (*as former days*): Như ngày trước, như ngày xưa cũ.
[51] **vong thân** 亡身 (*losing oneself*): Đánh mất chính con người của mình vì không hiểu đạo, không biết rằng chính mình là một Tiên Phật sẽ thành, do đó chỉ sống theo ham muốn vật chất.
[52] **nã tróc** 拿捉 (*capturing sth, catching sth, seizing sth*): Tóm lấy, bắt giữ. *Nã* và *tróc* đồng nghĩa.
[53] *Mạnh Tử, Cáo Tử Thượng (11)*: *Nhân hữu kê khuyển phóng, tắc tri cầu chi; hữu phóng tâm, nhi bất tri cầu.* 人有雞犬放, 則知求之; 有放心, 而不知求. (*When men's fowls and dogs are lost, they know to seek for them; when losing their mind, they do not know to seek for it*): Con gà, con chó chạy lạc, ắt biết kiếm tìm; cái tâm thất lạc, lại không biết tìm kiếm.

*Cây bật gốc, lá tàn mục nát*
*Người mất tâm, lang bạt khổ hình*
*Biết mau khử ám hồi minh* [54]
*Cầu Thầy hỏi bạn phương trình nội tâm.*[55]

*Giới định huệ nằm lòng tha thiết*
*Tham sân si tận diệt căn đề* [56]
*Thức căn cột chặt, thâu về*
*Không còn rối loạn, hôn mê, biếng lười.*

*Khi được thấy trong người yên ổn*
*Đó là phương lập bổn* [57] *xây nền*
*Trong ngoài muôn sự đều quên*
*Chấp trung thủ nhứt* [58] *cho bền công phu.*

*Bước sơ cơ, kiếp tu khổ hạnh*
*Nào nội tâm, ngoại cảnh rầy rà* [59]
*Chiến trường ngay ở lòng ta*
*Thất tình, lục dục kéo ra tranh hùng.*

*Tâm cứ mặc,*[60] *thung dung,*[61] *vô sự*
*Mãi như như, không cự không hàng* [62]
*Lâu ngày tự chúng rã tan*
*Thập tam ma chúng* [63] *quy hàng tự nhiên.*[64]

Bản Thánh chào. Thăng.

[54] **khử ám hồi minh** 去暗回明 (*removing ignorance and restoring wisdom*): Trừ bỏ sự u tối, lấy lại sự sáng suốt.

[55] **phương trình** 方程 (*equation*): Đẳng thức (có dấu =) chứa một hay nhiều ẩn số (*vị tri số* 未知數: con số chưa biết: *unknown, unknown quantity*). Chẳng hạn, ax+by+c=0 là một phương trình chứa hai ẩn số (*an equation of two unknowns*) là x và y. — **phương trình nội tâm** 内心的方程 (*the spiritual equation*): Về lý thì con người có tính Trời, có Phật tánh, có Cao Đài nội tại, v.v... Nhưng tất cả các giá trị (*values*) thiêng liêng ấy đều là ẩn số. Tu hành là giải phương trình ở nội tâm mỗi người để tìm ra ẩn số đó và thực chứng lời Đức Cao Đài dạy: *"Con là một thiêng liêng tại thế / Cùng với Thầy đồng thể linh quang."*

[56] **căn đề** (căn để 根柢: *root, foundation*): Gốc rễ, nền tảng. — **tận diệt căn đề**: Diệt sạch tận gốc rễ (*destroying sth at its root*).

[57] **lập bổn** 立本 (*establishing the foundation*): Xây đắp nền móng.

[58] **chấp trung** 執中: Giữ trung dung. — **thủ nhứt** 守一: Giữ cho thần hồn không tán loạn; giữ cho tinh khí thần hợp nhứt làm một.

[59] **rầy rà** 漢 (*bothering sb*): Quấy rầy, làm phiền, quấy nhiễu.

[60] **mặc** 默 (*silent*): Lặng lẽ. — **tâm cứ mặc**: Tâm không loạn động.

[61] **thung dung, thong dong** 從容 (*calm, free and easy, relaxed*): Bình thản, thoải mái, thong thả, thản nhiên.

[62] **cự** 拒 (*resisting*): Chống cự. **hàng** 降 (*surrendering*): Đầu hàng.

[63] **thập tam ma chúng** 十三魔眾 (*the gang of thirteen demons*): Bè lũ mười ba con ma, gồm thất tình (bảy tình) và lục dục (sáu ham muốn).

[64] **quy hàng tự nhiên** (*tự nhiên quy hàng* 自然歸降: *naturally surrendering*): Tự nhiên đầu hàng, đương nhiên chịu thua.

**HUỆ KHẢI** *chú thích* — **LÊ ANH MINH** *hiệu đính*

# THIÊN NHƠN HIỆP NHỨT

**DIỆU NGUYÊN**

Giáo lý là lẽ thật dạy nẻo chỉ đường cho nhơn sanh đi đến bến bờ giải thoát. Do đó, giáo lý được xây dựng trên nền tảng một số lý luận căn bản đúng đắn (còn gọi là nguyên lý), để từ đó phát triển thành hệ thống giáo lý ứng dụng vào đời sống tu hành của tín đồ.

Giáo lý các tôn giáo Đông phương xưa nay thường được xây dựng trên nền tảng các nguyên lý như: "Thiên địa vạn vật đồng nhứt thể"; "Nhứt tán vạn, vạn quy nhứt"; "Tam tài đồng đẳng"; "Thiên nhơn hiệp nhứt", v.v...

Nguyên lý "Thiên nhơn hiệp nhứt" xác định mối liên hệ mật thiết giữa "Thiên" và "nhơn". "Thiên" chính là Đạo, là Thượng Đế (Trời) và có thể hiểu rộng ra là các Đấng thiêng liêng đại diện cho Đức Chí Tôn trong việc thực hiện công cuộc cứu thế của Ngài. "Nhơn" là con người. "Thiên nhơn hiệp nhứt" nghĩa là Trời và người kết hợp làm một.

Ý nghĩa của nguyên lý "Thiên nhơn hiệp nhứt" thường được thể hiện trong giáo lý các tôn giáo xưa nay. Ví dụ:

Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo, "Thư thứ nhứt gửi tín hữu Côrintô", chương 6, các câu 17, 19, 20 có nội dung như sau:

*Còn ai kết hợp với Chúa thì trở nên một tánh thiêng liêng cùng Ngài.* (6:17)

*Anh em chẳng biết thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Linh, đấng ngự trong anh em hay sao?* (6:19)



*Anh em hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh em.* (6:20)

Vương Dương Minh — một nhà chính trị, một nhà triết học, một nhà tư tưởng lỗi lạc đời Minh (Trung Hoa) — cho rằng Trời ở ngay trong lương tâm mọi người. Ông nói: *Tâm tức Thiên... Lương tri tức Thiên.* Nghĩa là: Tâm tức là Trời... Lương tri tức là Trời.

Thánh kinh Coran của đạo Islam, chương 50, câu 16 chép: *Thượng Đế gần con người hơn tĩnh mạch cổ con người*.

Ramakrishna, vị đại thánh Ấn Độ, nói: *Chừng nào bạn còn cảm thấy Thượng Đế ở xa bạn, thì chừng ấy bạn còn u tối. Nhưng nếu bạn nhận chân rằng Thượng Đế ở trong bạn, thì bạn đã đạt được sự khôn ngoan thật.*[1]

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ, với sự ra đời của đạo Cao Đài, nguyên lý "Thiên nhơn hiệp nhứt" càng được thể hiện rõ nét hơn và trở thành một đặc điểm nổi bật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong công cuộc tận độ quần linh của Đức Thượng Đế thời hạ nguơn mạt kiếp.

## CÁC KHÍA CẠNH CỦA THIÊN NHƠN HIỆP NHỨT VÀ VIỆC ỨNG DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG TU HÀNH

**1.** "Thiên nhơn hiệp nhứt" là sự phối kết giữa Trời và người thành một thể thống nhứt không chia cắt khi con người nhận biết có Thượng Đế đang ngự trị trong lòng mình.

Đức Cao Đài dạy:

---

[1] Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, *Trời Chẳng Xa Người*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 12.

*Nơi lòng Thầy ngự, động Thầy hay*…[2]

*Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sanh,*
*Chúng sanh giác ngộ biết tu hành.*[3]

*Đạo, Thầy, chỉ một chớ không hai*
*Hiệp Đạo thì con sẽ hiệp Thầy*
*Thầy ngự lòng con còn tịnh khiết*
*Sáng lòng mới thấu cuộc vần xoay.*[4]

Thầy luôn nhắc nhở hàng môn đệ của Ngài như sau:

*Tâm con chính thị Thiên tòa*
*Gặp Thầy nơi đó, há mà tìm đâu*
*Chừng nào con chứng Ni Mâu*
*Thì Thầy ứng hiện minh châu nơi lòng.*[5]

*Vòng vo vạn nẻo xa xăm*
*Nào ngờ Trời Phật nơi tâm của mình*
*Con ơi, dạ nhớ đinh ninh*
*Thầy luôn luôn ở bên mình con nghe.*[6]

**Ứng dụng**

- Nếu lúc nào chúng ta cũng ý thức rằng có Đức Chí Tôn đang ngự trị trong lòng mình và luôn cố gắng dọn dẹp lòng mình cho trong sạch tịnh khiết để làm Thiên tòa cho Thầy ngự nghĩa là lúc nào cũng cố gắng sống đúng đạo lý, không gây ác nghiệp, thì nhờ đó chúng ta không phải gánh chịu nghiệp quả xấu. Do đó, trong đạo Cao Đài, Đức Giáo Tông Đại Đạo Lý Thái Bạch đã ban cho hàng tín hữu kinh *Đạo Nhựt Thường Hành* (chỉ dẫn con người thường xuyên thực hành đúng Đạo hằng ngày),[7] gồm hai mươi tám bài áp dụng cho các hoạt động thường nhật, từ lúc thức dậy cho đến lúc đi ngủ. Nghĩ gì, nói gì, làm gì, cũng hiệp nhứt với Trời, với Đạo.

Do đó, không phải đến khi gặp khổ nạn rồi chúng ta mới tụng kinh Cứu Khổ hay lạy lục cầu khẩn Trời Phật cứu khổ cứu nạn cho mình, mà điều quan trọng là phải hướng thượng, nối kết, hiệp nhứt với Thượng Đế, với Trời Phật, với chư Thiên hằng ngày hằng giờ hằng phút để lúc nào cũng nghĩ điều thiện, nói điều thiện, làm điều thiện thì sẽ luôn gặp được nhiều phúc lành.

Vì thế, trong bài kinh Cứu Khổ có các câu như: *Nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhứt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn.* (Nếu có người tụng một ngàn lượt thì bản thân sẽ được thoát khổ nạn, tụng mười ngàn lượt thì cả gia đình sẽ được thoát khổ nạn.) Quả thật, một người chuyên chú tụng kinh, tâm nương theo lời kinh, hướng về các Đấng trọn lành, tụng hằng ngàn hằng vạn lượt như thế thì ý không nghĩ điều tà vạy, miệng không nói lời thất đức, thân không làm điều tội lỗi, chắc chắn người ấy không còn gây ác nghiệp, đương nhiên sẽ thoát khổ nạn.

*Nam mô Phật lực oai, nam mô Phật lực hộ. Sử nhơn vô ác tâm, linh nhơn thân đắc độ. . . Hồi quang Bồ Tát, Hồi thiện Bồ*

[2] *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, *Thi Văn Dạy Đạo*.
[3] Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).
[4] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-02 Quý Hợi (29-3-1983).
[5] Chiếu Minh Đàn, ngày 14-8-1997.
[6] Chiếu Minh Đàn, ngày 19-8-1997.
[7] Xem: Huệ Khải, *Luật Nhân Quả Theo Giáo Lý Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 73-113.

*Tát*. (Người tụng kinh tin tưởng vào oai lực của Phật, vào sự hộ trì của Phật, sai sử cho con người không còn ác tâm và thân được cứu độ. Hồi quang là quay về ánh sáng thiện lành. Hồi thiện là hồi tâm hướng thiện, bỏ dữ làm lành.) Một khi đã không còn ác tâm, trở về nẻo thiện thì đương nhiên sẽ được thoát khổ nạn.

- Nhận biết có Trời Phật ngự trị trong lòng mình, con người sẽ không dễ dàng bị tà mị rủ ren vào đường mê tín dị đoan.[8]

**2.** "Thiên nhơn hiệp nhứt" còn có nghĩa là sự hợp tác giữa Đức Thượng Đế, chư Phật Tiên Thánh Thần và con người trong sứ mạng cứu độ quần sinh, tức là sự hợp tác hay sự đồng hành của hai cõi sắc không (hữu hình và vô hình) trên đường thực thi sứ mạng cứu thế độ đời. Điều này thể hiện rất rõ nét trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kể từ khi Đức Thượng Đế chuẩn bị khai mở mối Đạo Trời qua các điểm như sau:

**2.1.** Đức Chí Tôn, Đức Từ Mẫu và hằng hà sa số chư Phật Tiên Thánh Thần đồng đến thế gian, thông qua người đồng tử và mượn ngọn linh cơ để ban truyền kinh điển, thánh ngôn giáo hóa nhơn sanh. Đây là một khía cạnh vô cùng độc đáo và rõ nét của Thiên nhơn hiệp nhứt trong Kỳ Ba đại ân xá, góp phần thúc đẩy tiến trình cứu độ quần sinh được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

[8] Người viết bài này có lần gặp một phụ nữ bảo rằng Đức Phật Di Lạc Giáo Chủ Hội Long Hoa đã ra đời, đang ở tại Sài Gòn, và bà tình nguyện dẫn đi gặp "Phật". Nhờ hiểu biết rất rõ rằng Trời Phật chẳng ở bên ngoài mà luôn ngự trị trong tâm mình nên người viết không dễ dàng tin lời mà đi theo bà ấy để gặp "Phật".



Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

*Khai đạo trong Kỳ Ba này, Đức Chí Tôn không mượn tay phàm để quảng truyền chánh giáo, mới dụng cơ bút làm phương tiện thông công cùng con cái của Đức Chí Tôn ngõ hầu cứu vớt linh hồn đang chịu cuộc biến thiên trong kỳ hạ nguơn mạt kiếp…* [9]

**2.2.** Tuy nhiên, "Thiên nhơn hiệp nhứt" không phải chỉ được thực hiện qua phương tiện cơ bút và người đồng tử. Ơn Trên vẫn luôn khích lệ hàng môn đệ Cao Đài hãy thông công trực tiếp với Thiêng Liêng bằng tâm "thanh tịnh vô trần" (không ô nhiễm), bằng trực giác tâm linh.

Đức Chí Tôn dạy:

*Trước kia Thầy có dạy: Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn. Quả thật vậy, sáu mươi năm khai Đạo, có biết bao nhiêu thánh giáo thánh ngôn, lời Tiên tiếng Phật. Đến ngày nay các con vẫn còn học hỏi với Thầy qua trung gian thông công của đồng tử. Nếu chỉ có bao nhiêu sự việc thì chưa hết ý của Thầy muốn nói gì với các con. Đến một ngày nào Thầy không dùng đồng tử thì Đạo bị bế sao con? Mà phải hiểu, mỗi con đều có một Đài Hiệp Thiên. Nếu con mở được cửa thì thông công được với Thầy, khỏi phải qua trung gian của đồng tử, vì trước kia Thầy đã dạy, đã trao chìa khóa cho các con từ buổi sơ khai Đại Đạo. Nhưng mấy ai giữ được thanh tịnh vô trần, trực nhận chơn tâm đại ngã. Bởi vì các con làm chưa được nên Thầy phải cần đồng tử dạy dỗ các con. (…)*

[9] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 26-02 Nhâm Tý (09-4-1972).

*Giữa thời nhiễu nhương ly loạn, các con phải hết sức giác ngộ, công phu luyện kỷ để trực nhận chơn tâm đại ngã, không thị hiếu vọng tâm mới đủ thần lực hòa đời hợp đạo, cải hóa nhơn tâm.*[10]

**2.3.** Sự hợp tác chặt chẽ hay nói một cách khác là sự đồng hành của hai cõi sắc không trên đường thực thi sứ mạng cứu độ quần sinh, được thể hiện rất rõ nét qua lời Đức Chí Tôn dạy tiền khai Lê Văn Trung thuở ban sơ của nền Đạo:

*Trung! Đã thọ mạng nơi Thầy, con đi đâu Thầy theo đó. Lời đạo đức trong miệng con nói ra, ấy là lời của Thầy bố hóa tâm trí con đặng đi truyền đạo, tùy cơ mà dạy kẻ. Một mình con đâu đủ sức phục người. (…)*

*Thầy nói một lần từ đây nhớ lấy: Dầu cho đá, sắt, cây cỏ mà nghe đến thánh ngôn nơi Thầy mà con nói ra cũng hoan nghinh, huống lựa là người. Con nhớ và an lòng. (…)*

*Thầy đã hằng ngày nói với con rằng muôn việc chi Thầy đã bố hóa vào lòng con. Như con tính điều chi, tức Thầy đã định rồi.*[11]

- Thuở Thầy mới lập đạo Cao Đài, để hợp pháp hóa hoạt động của nền Đạo mới đối với chính quyền thuộc địa, chư vị Tiền Khai Đại Đạo được Đức Chí Tôn dạy phải soạn thảo tờ Khai Tịch Đạo gửi cho Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol lúc bấy giờ. Ngay sau đó, chư vị được Thầy dạy soạn bản *Phổ Cáo Chúng Sanh* và xin nghỉ việc hai mươi chín ngày để tức tốc đi phổ độ. Đàn ngày mùng 07-9 Bính Dần (13-10-1926), Đức Chí Tôn duyệt qua nội dung bản Phổ Cáo Chúng Sanh và dạy:

*Các con tức cấp lo phổ độ. Kể từ mùng 10 tháng này, mấy đứa phò loan phải xin phép nghỉ hai mươi chín ngày hết nghe. Thầy dặn các con phải phân nhau mà đi cho khắp… Con Trung, con phải nói với Le Fol cho con giấy chứng Khai Đạo. Mai con lên nó, có Thầy.*

Sự đồng hành của hai cõi hữu hình và vô vi cũng đã được Đức Tiền Bối Cao Triều Phát xác nhận trong một lần giáng đàn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo như sau:

*Tiên Huynh rất vui mừng đến với các em giờ này để cùng nhau tiếp tục sứ mạng Tam Kỳ tận độ trong giai đoạn mới. Một sứ mạng chia hai đoàn người u hiển, sắc không. Các em đã hiểu rồi, biết rồi: Hữu hình mới phục vụ cho hữu hình; vô vi là tác năng của tiềm lực trí tuệ.*

*Có hữu không vô ví như có hình vật mà không có cơ năng linh hoạt. Có vô mà không hữu khác nào bốc gió chốn hư không, xây lâu đài trong mộng ảo…*

*Hỡi ai đã trung kiên một dạ*
*Thì đây nguyền đục đá khai đường*
*Trần hoàn tận độ đảm đương*
*Cõi thiên phù trợ lo lường tiến thăng.*[12]

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

*(C)hư đệ muội chắc cũng đã rõ Thiên nhơn hiệp nhứt. Sứ mạng của Trời sẽ được sáng giá nhờ những bàn tay của thế*

[10] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-02 nhuần Ất Sửu (07-4-1985).
[11] *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 20-02-1926.
[12] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuần Ất Sửu (31-

*nhân hoặc ngược lại.*[13]

Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu bày tỏ tinh thần đồng chung nhiệm vụ của hai cõi sắc không như sau:

*Vốn thích an nhàn chốn động Tiên*
*Nhưng vì thế loạn, Đạo chinh nghiêng*
*Đồng chung nhiệm vụ kỳ nguơn hạ*
*Đành gác thanh vân đến điện tiền.*[14]

Đức Liên Hoa Thánh Mẫu xác nhận:

*Tuy kẻ u người hiển, nhưng lúc nào Chị cũng gần gũi các em tất cả.*[15]

Đức Tổng Lý Đại Đồng Lê Văn Duyệt căn dặn:

*Trên đường đời cũng như đường đạo, khi nào gặp lúc bối rối, cố gắng bình tâm nhắc đến danh hiệu Lão, sẽ có Lão đến trợ lực phần vô vi cho.*[16]

Trên bước đường hành đạo phụng sự nhơn sanh, người Thiên ân sứ mạng luôn luôn nhận được sự âm phò mặc trợ của các Đấng thiêng liêng. Điều này đã được các Ngài xác nhận qua những lời thánh giáo như sau:

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Bần Tăng dù tạm biệt chư hiền hữu hôm nay nhưng vẫn luôn luôn đi lại viếng thăm hộ trì tất cả chư hiền hữu, hiền muội, chỉ là không thốt ra lời trên linh cơ điển bút. Thật sự, chư hiền hữu nếu có cảm tất có ứng. Một tiếng nguyện cầu, một lần tư tưởng là sẽ trùng hợp với nhau.*[17]

Chư Tiền Khai Đại Đạo thổ lộ:

*Tâm đạo của các em, việc làm của các em, chúng Tiên Huynh hằng luôn kề cận…*[18]

Trước đây, trong các chuyến hành đạo ở miền Nam hay ra miền Trung, các vị Thiên ân sứ mạng luôn được các ngài Thổ Thần, Sơn Thần tại mỗi địa phương nơi phái đoàn đi qua theo sát hộ phò. Ví dụ: Chuyến Trung du hành đạo (dự lễ kỷ niệm tại Trung Hưng Bửu Tòa ở Đà Nẵng, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) của các vị tiền bối Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam từ ngày 28-5 đến ngày mùng 03-6 Giáp Thìn (từ 07-7 đến 11-7-1964) đã được chư vị Sơn Thần và Thổ Thần hộ trì trong suốt chuyến đi từ miền Nam ra miền Trung. Phái đoàn ra đến Bình Thuận thì có Sơn Thần Bình Thuận hộ phò, ra đến Khánh Hòa thì có Sơn Thần Khánh Hòa bảo hộ, ra đến Tuy Hòa thì có Sơn Thần Tuy Hòa hộ trì, và có cả Đức Linh Quang Phước Thần phù trợ trong suốt chuyến đi. Điều này đã được các Đấng cho biết trong đàn cơ kiểm thảo sau chuyến Trung du hành đạo.[19]

Đức Linh Quang Thổ Địa căn dặn các vị tiền bối Cơ Quan

3-1985).

[13] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-3 Quý Sửu (02-5-1973).

[14] Thánh thất Nam Thành, 13-02 Bính Ngọ (04-3-1966).

[15] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

[16] Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 25-7 Mậu Thân (18-8-1968).

[17] Minh Lý Thánh Hội, 30-4 Kỷ Dậu (14-6-1969).

[18] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-10 Kỷ Mùi (04-12-1979).

[19] Xem: Diệu Nguyên, *Câu Chuyện Đức Tin*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 47-63.

mỗi khi đi hành đạo hãy nhớ cầu nguyện, tưởng đến Ngài, sẽ có Ngài luôn theo sát hộ trì thoát mọi hiểm nguy, tai nạn.

**Ứng dụng**

Người Thiên ân sứ mạng hay tín hữu bình thường trên bước đường tu học, hành đạo, tự độ và độ tha hãy luôn hướng thượng và lấy tâm thành cầu nguyện sự trợ giúp của Thiêng Liêng, sẽ nhận được phần trợ lực vô vi của các Đấng.

Hằng ngày, hàng môn đệ Cao Đài cúng kính và thiền định tứ thời Tý, Mẹo, Ngọ, Dậu chính là những lúc Thiên nhơn hiệp nhứt. Bởi lẽ đây là những khoảnh khắc mà người tín hữu để hết lòng chí thành hướng về Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, tâm nương theo lời kinh tiếng kệ và mắt chú nhìn Thiên Nhãn để tiếp nhận Thần của Thượng Đế.

Lúc công phu tham thiền tịnh định cũng là lúc hành giả giao tiếp với Thiêng Liêng như lời bài kinh Tham Thiền:

*Tham thiền giao cảm Phật Tiên*
*Cầu xin Thượng Phụ chứng miêng tâm thành.*

**3.** Mức độ cao nhất của "Thiên nhơn hiệp nhứt" chính là sự đắc đạo hay sự trở về hiệp nhứt cùng Thượng Đế (Đại Linh Quang) của các chơn linh (tiểu linh quang) sau khi hoàn thành sứ mạng vi nhân (sứ mạng làm người) nơi cõi thế gian.

Con người sống nơi cõi thế, nếu biết thực hành rốt ráo pháp môn Tam Công bao gồm Công Quả (hành thiện giúp đời), Công Trình (tu tánh luyện kỷ) và Công Phu (tu luyện để đắc nhị xác thân tức xác thân thiêng liêng) thì sẽ tự giải thoát khỏi luân hồi sanh tử và trở về cõi thượng thiên hiệp nhứt cùng Thượng Đế Chí Tôn sau khi thoát xác.

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

*Phật là Đại Giác siêu sanh*
*Người là chư Phật sẽ thành tương lai*
*Tu là học để làm Trời*
*Phải đâu muôn kiếp làm người thế gian.*[20]

## CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN CÓ ĐỂ THỰC HIỆN "THIÊN NHƠN HIỆP NHỨT"

### 1. Điều kiện sẵn có

Nguyên lý "Thiên nhơn hiệp nhứt" có thể xem là hệ quả của hai nguyên lý "Thiên địa vạn vật đồng nhứt thể" và "Nhứt bổn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bổn" với sự tác động của luật cảm ứng.

Theo nguyên lý "Thiên địa vạn vật đồng nhứt thể" thì Trời, người, và vạn vật có cùng một bản thể (là linh quang). Trời là Đại Linh Quang, con người và vạn vật là những điểm tiểu linh quang.

Đức Chí Tôn dạy:

*Con là một thiêng liêng tại thế*
*Cùng với Thầy đồng thể linh quang*
*Khóa chìa con đã sẵn sàng*
*Khi vào cõi tục, khi sang Thiên Đình.*[21]

Xét về cơ cấu, Trời là Đại Thiên Địa, con người là tiểu thiên địa do Đức Chí Tôn tạo ra theo mô hình của trời đất.

Chính vì có cùng một bản thể với Trời và một cơ cấu nhơn

[20] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).
[21] Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

thân tương đồng với Trời nên con người có sẵn khả năng hiệp nhứt với Trời.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Trời là Đại Thiên Địa. Con người cũng như tất cả chúng sanh là tiểu thiên địa. Trời đã có những gì, trong vạn vật vẫn có những vật ấy. Chỉ khác nhau là ở chỗ lớn bé trên hình thức hoặc sự biến dịch không ngừng, khi bày lúc ẩn vậy thôi. Thế nên Thượng Đế hằng nói: Thầy là các con, các con là Thầy. Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật, đồng trở về hiệp nhứt cùng khối Đại Linh Quang. Chẳng qua là sự tiến hóa mau chậm mà thôi.*

*Một trường hợp khác, đời thường nói hai chữ thiên hạ ám chỉ con người. Thiên thượng là Trời; thiên hạ là người. Vậy người cũng có đủ điều kiện để làm Trời.*[22]

**2. Điều kiện cần có thêm nơi con người**

Ngoài điều kiện sẵn có, để có thể phối kết được với Trời, con người cần có thêm các điều kiện sau đây:

**2.1.** Phải có đức tin nơi Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng.

**2.2.** Phải biết trau giồi linh tánh cho thật sáng suốt anh minh thì tự nhiên giao tiếp với Trời.

Đức Chí Tôn dạy:

*Trời với người cũng đồng một lý, một khí mà ra, thì không cảm ứng nhau sao được. Vậy, người nếu biết trau giồi linh tánh cho thiệt sáng suốt anh minh thì tự nhiên giao tiếp với Trời. Thiệt là chẳng khó.*[23]

*Tỉnh giấc chiêm bao, ớ trẻ này*
*Đừng còn non núi, hoặc cung mây*
*Cao Đài vẫn ở lòng con đó*
*Bỏ tính tham lam sẽ gặp Thầy.*

**2.3.** Tâm phải an định, tịnh khiết, chí thành và chơn chánh để Thầy ngự vào và nhận được sự phò trì của Thiêng Liêng.

Thật vậy, Đức Chí Tôn dạy:

*Tâm con là chỗ chí linh*
*Là nơi hiệp nhứt nhân sinh cùng Thầy.*[24]

Hay là: *Con có thánh tâm sẽ có Thầy.*[25]

Thầy hằng mong mỏi có một cõi tịnh khiết để Thầy ngự vào hầu cứu rỗi nhơn sanh trong kỳ mạt kiếp. Đó chính là cõi lòng tịnh khiết của mỗi người. Thầy dạy:

*Thầy đã hạ mình rời khỏi Linh Tiêu Điện giáng xuống cõi đời ô trược để phát ra những âm thanh mà tự cổ cập kim chưa hề được nghe, được thấy.*

*Thầy những mong ở một cõi trong sạch nhứt nơi trần gian, Thầy chứng vào cõi đó, Thầy ngự vào đó để cứu rỗi con cái của Thầy trong kỳ mạt kiếp.*

[22] Minh Lý Thánh Hội, 02-4 Kỷ Dậu (17-5-1969).

[23] *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 16-9 Bính Tý (1936), bài "Tồn Tâm Dưỡng Tánh".

[24] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-10 Giáp Dần (28-11-1974).

[25] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).

*Các con ôi! Cái cõi tịnh khiết đó ở đâu hỡi các con?*

*Cái cõi tịnh khiết mà Thầy muốn ngự đó, các con có để cho Thầy đến với các con không? Hẳn là có rồi trong mỗi đứa. Nhưng Thầy không đến được với các con là vì thiếu sự tịnh khiết trong cõi đó.*[26]

Ơn Trên luôn sẵn lòng hộ trì cho người hành đạo với điều kiện người này phải hành đạo trong chánh tâm, chánh tín, thuần chơn vô ngã. Có lần Đức Lê Đại Tiên căn dặn một vị tiền bối của chúng ta như sau:

*Hiền đệ an lòng. Mỗi mỗi đều có sự hộ trợ, Thiên nhơn hiệp nhứt khi mà chánh tâm đừng lệch lạc.*[27]

Khi trấn thần Thiên phục cho các bậc Thiên ân để sắc lịnh cho Linh Thần phò trợ cho người thi hành sứ mạng, Đức Đông Phương Chưởng Quản dặn dò các vị phải biết tôn trọng nhân phẩm, cương vị và sứ mạng của mình, bằng không thì Thần Linh cũng xa lánh. Ngài dạy:

*Chư hiền đệ có thấy Bần Đạo trấn chữ gì ba lần trên đại phục và bạch y sa chăng? Đây là phần hữu hình tạm mượn ở cõi thế gian, có xứng đáng hay không, có giá trị hay không là do người biết sử dụng, biết tôn trọng từ nhân phẩm trên cương vị của mình.*

*Bần Đạo ban huyền linh pháp nhiệm gọi là trấn thần, có nghĩa một sắc lịnh cho Linh Thần phò trợ sự an nguy cho người sứ mạng đã được Thiên mạng. Nếu không hành đúng sứ mạng thì Thiên mạng tất sẽ trao cho kẻ khác mà Thần Linh cũng xa lánh. Vì thế Bần Đạo khuyên chư hiền đệ hãy tôn trọng sứ mạng của mình trong thời gian nguy, khốn khổ này.*[28]

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh đưa ra các tiêu chuẩn mà người môn đệ Cao Đài cần phải có hầu có thể làm tròn nghĩa vụ "Thiên nhơn hiệp nhứt":

*Phải sáng suốt, phải có một bản lĩnh siêu phàm, một đức độ quảng đại, một tinh thần dõng mãnh hy sinh, phải hiểu thông lẽ đạo tình đời mới mong làm tròn nghĩa vụ Thiên nhơn hiệp nhứt, giúp Trời mở Đạo, thay Trời dìu dắt nhơn sanh.*[29]

**2.4.** Phải biết vận dụng luật cảm ứng

Việc thực hiện "Thiên nhơn hiệp nhứt" sẽ có hiệu quả khi con người biết vận dụng luật cảm ứng trong cuộc sống tu học và hành đạo. Lời xưa từng dạy:

*Nhơn tâm sanh nhứt niệm, thiên địa tất giai tri.* (Lòng người vừa khởi sanh một ý niệm, trời đất liền biết ngay.)

*Thiện nguyện Thiên tùng.* (Con người có nguyện lành thì Trời sẽ thuận theo mà tác thành.)

*Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi kiết thần dĩ tùy chi.* (Tâm người vừa khởi lên một niệm lành, việc lành tuy chưa làm mà thiện thần đã theo hộ phò.)

*Phù tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi hung thần dĩ tùy chi.* (Tâm người vừa khởi lên một niệm ác, việc ác chưa làm mà

[26] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-01 Nhâm Tý (29-02-1972).
[27] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-4 Kỷ Dậu (16-5-1969).
[28] Thiên Lý Đàn, 28-5 Kỷ Dậu (12-7-1969).
[29] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 04-3 Quý Mão (28-3-1963).

ác thần đã theo xúi giục.)

Thế nên, chỉ cần người tu gia tăng nguyện lực hướng tâm về các Đấng thiêng liêng trên bước đường tu công lập đức phụng sự Đại Đạo thì luôn luôn tạo được cầu nối cảm ứng giữa Thiên và nhơn để tiếp nhận được sự hộ trì, giúp sức của Thiêng Liêng như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Thượng Đế từ trên cõi mịt mù*
*Người đời thiện nguyện dốc lo tu*
*Tạo cơ cảm ứng Thiên nhơn hiệp*
*Để có thông công, có tạc thù.*[30]

Đức Quảng Đức Chơn Tiên dặn dò:

*Chư hiền gia tăng nguyện lực cho đến tối đa thì sẽ có sự cảm ứng với Thiêng Liêng*.[31]

**TẠM KẾT**

Nguyên lý "Thiên nhơn hiệp nhứt" chính là nguyên lý giúp cho con người (một tiểu linh quang nơi cõi thế) thực hiện con đường tiến hóa để phản bổn hoàn nguyên trở về hiệp nhứt cùng khối Đại Linh Quang là Đức Chí Tôn Thượng Đế nơi cõi vô sanh.

Người tu chúng ta cần luôn ghi nhớ lời dạy của Thiêng Liêng trong ý nghĩa "Thiên nhơn hiệp nhứt":

Con người không tu ích kỷ cho riêng mình. Đức Trần Hưng Đạo dạy: *Tu là để đóng góp làm người, cộng sự cùng Trời.*[32]

Đức Trần Hưng Đạo cũng dạy:

*Đã rằng vạn vật tối linh*
*Đương nhiên trách nhiệm cùng tình Hóa Công*.[33]

Lời dạy của Đức Tiền Bối Cao Triều Phát sẽ giúp chúng ta thành công trong sứ mạng vi nhân hay sứ mạng tự độ và độ tha nơi cõi thế:

*Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình.*[34]

Hoàn thành sứ mạng vi nhân nơi thế gian thì việc trở về hiệp nhứt cùng Trời sau khi từ giã cõi trần là kết quả đương nhiên. Thầy dạy:

*Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ*
*Một ra đi, một trở lại Thầy*.[35]

Xin nguyện cầu cho tất cả huynh tỷ đệ muội chúng ta sẽ luôn ứng dụng thành công nguyên lý "Thiên nhơn hiệp nhứt" trên bước đường tu để một ngày kia chúng ta có thể cùng nhau trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn Từ Phụ kính yêu sau khi đã hoàn thành sứ mạng một con người nơi cõi thế. ■

[30] Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).
[31] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 12-10 Nhâm Tuất (26-12-1982).
[32] Bác Nhã Tịnh Đường, 14-12 Tân Hợi (29-01-1972).
[33] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 29-01 Đinh Tỵ (28-3-1977).
[34] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).
[35] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

# THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TẠI QUY NHƠN

Tài liệu tham khảo này trích từ nghiên cứu *Thực Trạng Sử Dụng Đất Của Các Cơ Sở Tôn Giáo Trên Địa Bàn Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Dưới Góc Độ Quản Lý Đất Đai* của nhóm tác giả **Phạm Thị Hằng, Bùi Thị Diệu Hiền, Phan Như Nguyệt** (trường Đại Học Quy Nhơn), in trên tạp chí *Khoa Học Tài Nguyên Và Môi Trường* (trường Đại Học Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội), số 30, tháng 6-2020, tr. 117-126. (Đạo Uyển bổ khuyết một vài địa chỉ thánh sở Cao Đài, cho biết thêm các Hội Thánh chủ quản, và các ảnh minh họa mượn từ Internet.) Ban Tu Thư & Ấn Tống trân trọng cám ơn nhóm nghiên cứu và tạp chí.

**Tóm tắt** (trích): Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phố Quy Nhơn có 101 cơ sở tôn giáo hoạt động hợp pháp, tập trung tại mười bốn phường, bốn xã của Quy Nhơn. Về vấn đề sử dụng đất, vẫn còn nhiều cơ sở tôn giáo tuy đang hoạt động nhưng không được công nhận tính hợp pháp; tình trạng các cơ sở tôn giáo cho mượn đất không có giấy tờ, và tình trạng lấn chiếm đất đai vẫn còn khá phổ biến. Kết quả điều tra, khảo sát thực địa ba mươi bốn cơ sở tôn giáo tại Quy Nhơn cho thấy: 44,44% cơ sở tôn giáo đã cho các tổ chức hay cá nhân mượn đất nhưng không đòi lại được; vì thế phát sinh tranh chấp. Có 44,44% cơ sở tôn giáo bị lấn chiếm đất đai.

**Kết quả nghiên cứu** (trích):

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 5, Luật Đất Đai 2013 (ngày 29-11-2013) thì: *"Cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm Phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và cơ sở khác của tôn giáo."*

Căn cứ Khoản 7, Điều 3, Pháp Lệnh 21/2004/PL-UBTVQH (ngày 18-6-2014) của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về tín ngưỡng tôn giáo thì: *"Cơ sở tôn giáo là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà Nước công nhận."*

Việc định nghĩa đất cơ sở tôn giáo được thể hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 159 Luật Đất Đai 2013 (ngày 29-11-2013) như sau: *"Đất cơ sở tôn giáo gồm đất thuộc chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm Phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo được Nhà Nước cho phép hoạt động."*

Hiện nay tại Quy Nhơn có sáu tôn giáo được Nhà Nước công nhận (gồm Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài, Tin Lành, Phật Giáo Hòa Hảo, và Minh Sư Đạo); tất cả đang hoạt động với tổng số 54.798 tín đồ, chiếm 19,23% dân số Quy Nhơn; trong đó, Phật Giáo đông nhất (72,14% so với tổng số tín đồ các tôn giáo tại Quy Nhơn), thứ nhì là Công Giáo (22,l54%).

Tuy ít tín đồ hơn nhưng Cao Đài, Minh Sư Đạo, Phật Giáo Hòa Hảo, và Tin Lành có tỷ lệ chức sắc so với tín đồ của mình cao hơn Phật Giáo và Công Giáo. Riêng Cao Đài với 2.418 tín đồ (chiếm 4,41% tổng số tín đồ các tôn giáo tại Quy Nhơn), có 191 chức sắc, chiếm 7,03% so với tổng số tín đồ của đạo Cao Đài tại Quy Nhơn.

Ở Quy Nhơn, Cao Đài có chín cơ sở và là tôn giáo đứng thứ

ba về số lượng cơ sở, sau Phật Giáo và Công Giáo. Các cơ sở của Cao Đài tập trung tại bốn phường: ① Bùi Thị Xuân (ba cơ sở): thánh thất Cự Nam Sơn (*tổ 4, khu vực 2, thuộc Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho — Tam Quan*), tiểu thánh thất Phú Tài (*khu vực 7, thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh*), và thánh xá Phước Thạnh (*308 Âu Cơ, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*). ②Đống Đa (một cơ sở): thánh thất Quy Nhơn (*1039A Trần Hưng Đạo, thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh*). [Bài viết của nhóm tác giả bỏ sót điện thờ Phật Mẫu Quy Nhơn cất bên cạnh thánh thất Quy Nhơn.] ③Ngô Mây (hai cơ sở): thánh đường Quy Nhơn (*55 Hàm Nghi, thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*) và thánh thất Quy Nhơn (*36 Biên Cương, thuộc Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho — Tam Quan*). ④Trần Quang Diệu (ba cơ sở): thánh thất Thanh Vân (*thuộc Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho — Tam Quan*), tiểu thánh thất Long Vân (*khối Long Vân, thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh*), và tiểu thánh thất Thế Thạnh (?).[1]

Thống kê đất đai năm 2018 cho thấy diện tích đất cơ sở tôn giáo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quy Nhơn là 33.270.000 mét vuông; trong đó, Phật Giáo, Công Giáo, và Cao Đài có 172.812,29 mét vuông (chiếm 51,94% diện tích đất cơ sở tôn giáo tại Quy Nhơn). Riêng Cao Đài, có bốn cơ sở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chiếm tỷ lệ 44,44% so với tổng số chín cơ sở của mình. Tổng diện tích bốn cơ sở này là 2.670,5 mét vuông.

[1] Bài viết của nhóm tác giả bỏ sót tiểu thánh thất Nhơn Lý, thôn Xương Lý, xã Nhơn Lý, Quy Nhơn, thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh.

Thánh thất Cự Nam Sơn (Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan)

Thánh thất Thanh Vân (Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan)

Tiểu thánh thất Long Vân (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Tiểu thánh thất Long Vân (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Tiểu thánh thất Phú Tài (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Điện thờ Phật Mẫu Quy Nhơn (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Tiểu thánh thất Nhơn Lý (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Tiểu thánh thất Nhơn Lý (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Thánh thất Quy Nhơn (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

Thánh đường Quy Nhơn (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

**Thư gửi người bạn đạo**

# NHỮNG BỨC ẢNH CŨ

**ĐẠI CƠ MINH**

Tam Tông Miếu, ngày…tháng ... năm 2021

Bạn thân mến,

Thư này tôi sẽ cùng bạn xem vài ảnh cũ của Tam Tông Miếu. Ảnh chụp cách đây gần trăm năm, nhưng vẫn còn rõ nét.

Bức ảnh thứ nhất, có lẽ chụp vào năm 1927, cho thấy Tam Tông Miếu (thường gọi là chùa) được xây dựng có dáng dấp giống như các ngôi chùa Việt Nam hay chùa Tàu vào đầu thế kỷ 20 gồm ba gian hai chái. Trước chùa là đường đất có trồng rau cải. Theo nhà văn Bình Nguyên Lộc (1914-1987), vào thời đó, vùng này là một khu rừng thưa, ít người qua lại.(1)

Chùa được khởi công vào năm 1926,(2) và khánh thành vào năm 1927.(3)

(1) https://saigonthapcam.wordpress.com/2021/04/20/sai-gon-xua-in-it/ Truy cập 01-8-2021.

(2) Lễ trí thạch trưa ngày 10-8-1926 (03-7 Bính Dần) và lễ thượng lương trưa ngày 15-9-1926 (09-8 Bính Dần).

(3) Giấy tờ để lại cho thấy tổng trị giá xây dựng là 7.200 đồng, được giao làm bảy lần. Người nhận hợp đồng xây cất là ông Bùi Quang Quát. Ngày giao tiền đầu tiên là 09-9-1926 và ngày giao tiền cuối cùng là 17-02-1927. Chủ đầu tư là hai ông Âu Kiệt Lâm (1896-1941) và Nguyễn Văn Xưng (1891-1957). So sánh với giá gạo ở Sài Gòn – Chợ Lớn vào những năm 1925-1928, có thể ước tính số tiền 7.200 đồng nói trên tương đương khoảng 720 tạ gạo loại một (25% tấm). Thật vậy, theo *Chambre de Commerce de Saigon, Bulletin Bi-mensuel*, 15 Fevrier 1928, gạo loại một vào năm 1928 giá bình quân 9,96 đồng một tạ (100kg); như vậy, có giảm xuống một chút so với giá gạo cùng loại vào năm 1925 bình quân là 10 đồng một tạ.

Nguồn: https://sites.google.com/site/nkltnguyenduchiep/tuyen-tap-nguyen-dhuc-hiep/vai-tro-lua-gao-trong-doi-song-kinh-te-va-chinh-tri-o-saigon-cho-lon-dau-the-ky-20-phan-2. Truy cập 02-8-2021.

Nhìn hình, ta thấy chùa gồm năm nóc. Trên nóc có ba cặp lưỡng long chầu kim đơn và trên nóc ngoài cùng có treo hỏa hậu cắm trên bầu linh dược, chứng tỏ chùa theo Tiên Đạo. Hình này cho thấy bàn thờ Môn Quan Thổ Địa hướng ra ngoài, và chưa có cột phướn. Hình này có lẽ chụp khi vừa khánh thành vì có đủ quý ông, quý bà cùng các con cháu… và vị ân nhân hiến đất là ông Trần Kim Ký ngồi giữa.

Một bức ảnh khác có lẽ chụp năm 1930, lúc chùa mở lớp học đầu tiên vì có thầy giáo và các học sinh. Lúc này ta thấy có thêm cột phướn, không thấy bàn thờ Môn Quan Thổ Địa.

Vào khoảng 1940-1941, do bị phóng đường, chùa được tu sửa và hình dáng có thay đổi một chút so với hình chụp năm khoảng 1927-1928.

Bạn có thấy sự khác biệt không?

Bàn thờ Môn Quan Thổ Địa đã quay vào trong.

Có năm quẻ Trạch Lôi Tùy trên nóc chùa.

Lưỡng long thay vì chầu kim đơn thì chầu quẻ Tùy (Trạch

Tam Tông Miếu (khoảng 1927-1928).
Có ông Trần Kim Ký (+) là ân nhân hiến đất.

Tam Tông Miếu (khoảng 1930): lớp học đầu tiên, có thầy và học sinh.

*Ảnh trên:*
Tam Tông Miếu
khoảng
1940-1941

Tam Tông Miếu
1961

Lôi Tùy). Ta có thể thấy trên nóc ngoài cùng cao nhất, có hỏa hậu cắm trên bầu linh đơn, phía dưới nóc đã sửa thành dạng khối có tám mặt.

Tại sao là quẻ Tùy? Vì quẻ Tùy là cẩm nang tu thân hành đạo của môn sanh Minh Lý mà Ơn Trên ban trao vào tháng 2 năm 1928. Tùy là hòa, là duyệt, là thuận theo lẽ phải, là hạ mình để độ người, đưa người về bờ giác.[4]

Những năm sau, theo thời gian, chùa bị hư hoại nhiều, cần phải xây mới toàn bộ. Lúc đó điều kiện tài chánh của chùa có phần khá hơn. Với trách nhiệm là Tổng Lý kiêm Chủ Trì của Tam Tông Miếu, Ngài Minh Thiện nghĩ rằng ngôi chùa mới cất phải thể hiện sự dung hợp Tam Giáo, tôn chỉ và mục đích tu hành của Minh Lý Đạo. Vào năm 1957, với sự thâm hiểu đạo pháp của mình, Ngài Minh Thiện đã kết hợp với kiến trúc sư Hoàng Hùng [5] đưa ra mô hình chùa như ngày hôm nay.

[4] Soán truyện quẻ Trạch Lôi Tùy viết: *Tùy, cương lai nhi há nhu, động nhi duyệt. Tùy, đại hanh trinh, vô cữu, nhi thiên hạ tùy thời. Tùy thời chi nghĩa, đại hỹ tai*. Đức Cái Thiên Cổ Phật giải: *Quẻ Tùy thuộc đạo Tùy và cũng ở ngay thời Tùy, nên người quân tử, kẻ hướng đạo phải biết nhún nhường mà đê tâm hạ khí, để làm cho được việc là hơn cả. Bởi vậy mà ta phải tùy người, tùy thuận cái dục của đời để họ vui lòng, mà cùng ta trở về với lẽ Đạo*. (Chu Dịch Huyền Giải, quyển II, Trạch Lôi Tùy, Tam Tông Miếu xb.)

[5] Kiến trúc sư Hoàng Hùng tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương năm 1935. Ông làm bộ trưởng Bộ Kiến Thiết (Việt Nam Cộng Hòa những năm 1950-1960. Có thể Ngài Minh Thiện qua sự giới thiệu của Ngài Huệ Lương (bộ trưởng Bộ Cải Cách) nên quen biết ông và nhờ ông vẽ họa đồ kiến trúc Tam Tông Miếu. Theo lời Ngài Minh Thiện, ông Hùng chỉ lấy phí tượng trưng. Ông Khai (chánh văn phòng của ông Hùng) đã hướng dẫn xây dựng chi tiết.

Mô hình mới này được xây dựng trên nền chùa cũ, với ý nghĩa sự phát triển của Minh Lý Đạo không phải mới hoàn toàn mà là sự tổng hợp dựa vào những tôn giáo đã có.

Mô hình kiến trúc mới của chùa gồm ba phần, và được xây dựng theo thuyết Tam (3) Ngũ (5) Nhất (1) của Đạo Gia.

Sách *Ngộ Chơn Thiên* giải thích thuyết Tam Ngũ Nhất như sau:

*Tam, ngũ, nhứt, luôn ba chữ nầy*
*Xưa nay hiểu được ít người thay!*
*Đông tam, nam nhị, hiệp thành ngũ*
*Bắc nhứt, tây tứ, cộng cũng vầy*
*Mồ Kỷ một ngôi sanh số ngũ*
*Ba nhà gặp gỡ kết tiên thai*
*Tiên thai là Một gồm Chơn Khí*
*Mười tháng thai thành ngự thánh đài*.

Các số tam (3), ngũ (5), nhất (1) dựa vào số của Hà Đồ, giải thích như sau:

Con người có thân và tâm. Theo Đạo Gia, thân và tâm được chia làm Tinh, Khí, Thần. Muốn trở về quê xưa vị cũ thì phải tu luyện kết hợp Tinh, Khí, Thần làm một.

Một công quả khác của ông Hoàng Hùng:

Được thánh giáo Đức Trần Hưng Đạo soi dẫn, Ngài Thanh Long (Lương Vĩnh Thuật) kết hợp với kiến trúc sư Hoàng Hùng đã vẽ họa đồ Trung Hưng Bửu Tòa của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Đà Nẵng (1955) và được Đức Thánh Trần khen ngợi.

https://doanducthanhlg2014.wordpress.com/2008/07/08/n-2/

https://dalatarchi-tranconghoakts.blogspot.com/2014/06/kts-ao-trong-cuong-va-cac-kts-au-tien.html.

Tinh là phần vật chất hay thân xác. Khí là hơi thở, sự sống, Thần là sự sáng biết, ý chí.

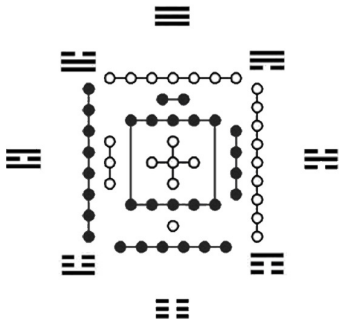
Hà Đồ - bát quái

Theo Hà Đồ: Tinh ở phương Bắc, là số 1, thuộc hành thủy. Thủy do Kim sanh. Kim ở hướng Tây là số 4. Hai hành này đồng cung nên **1+4 = 5**. Sự kết hợp này (sự tập luyện thể xác) gọi là **luyện Tinh**.

Sự sống là sinh khí ở phương Đông, là số 3, thuộc hành Mộc. Mộc sinh Hỏa nên kết hợp với Thần ở phương Nam thuộc Hỏa: **2+3 = 5**. Sự kết hợp này gọi là phép **luyện Khí**.

Trung ương Mồ Kỷ là Chơn Ý, là số **5**, là **phép luyện Thần**.

Ba số 5 hiệp thành 1 gọi là **tam ngũ hiệp nhứt**.

Ba số này và kiến trúc của Tam Tông Miếu có ý nghĩa thế nào? Nếu kể mái chùa từ ngoài vào trong:

Phần mặt tiền, ngoài cùng, gọi là **Ngũ Hành Đài**. gồm ***năm mái*** *ứng với Ngũ Chi Đạo;*[6] ***ba tầng*** *ứng với Tam Cực.*[7] Trên nóc Ngũ Hành Đài có hỏa hậu cắm trên đảnh lư.[8] *Hỏa* là lửa; *hậu* là thời biểu. Hỏa hậu là thời biểu dùng lửa, thời biểu luyện đạo. Đảnh lư để nấu kim đơn, chỉ công phu tu hành theo Đạo Giáo để trở về quê xưa vị cũ.

Phần này có năm mái, ba tầng như sau:

1. Tầng trệt: Bàn thờ Môn Quan Thổ địa.

2. Tầng lầu thứ nhứt: Tàng Kinh Thất (chứa kinh sách).

3. Tầng lầu thứ nhì: Hồng Chung Sở (nơi có chuông lớn).

4. Tầng lầu ba: Vọng Thiên Đài (hình bát giác) biểu thị như một cái chuông đánh vọng lên mà thúc giục quần chúng đang muội mê hãy sớm tỉnh mộng. Vọng Thiên Đài có tám mặt với các bông gió là tám chữ **Kiến, Tư, Ngữ, Nghiệp, Mạng, Tiến, Niệm, Định** của Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định). Chánh kiến ở phía trước. Bát Chánh Đạo được sắp xếp thứ tự ngược chiều kim đồng hồ; con người tu học phải đi ngược dòng đời theo tám cấp thang này mà trở về quê xưa vị cũ của mình. Tám cấp đó ứng với tám cấp đạo của Minh Lý là: Hướng Tịnh Sư; Chí Tịnh Sư; Tâm Tịnh Sư; Thanh Tịnh Sư; Khiết Tịnh Sư; Vĩnh Tịnh Sư; Siêu Tịnh Sư; Giác Tịnh Sư. (Nếu là nữ, thì thay Sư là Cô, như Hướng Tịnh Cô, v.v…)

5. Cột phướn (pháp tràng): Ở phía trước (tượng trưng tiếp độ phần hồn, đưa về Thiên quốc).

---

[6] *Ngũ Chi Đạo*: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo.

[7] *Tam Cực*: Theo thứ tự là Vô Cực, Hoàng Cực, Thái Cực; hoặc Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực.

[8] *Đảnh lư*: Tức là chảo lò (dụng cụ để nấu). Ở đây là biểu tượng Đạo Giáo trong tu luyện. *Bác Nhã Khai Môn* (vé 36) có bốn câu:

*Tinh hóa khí do thân bất động / Khí hóa thần bởi trống lòng ư / Ý thuần, thần mới hườn hư / Tam gia tương kiến, đảnh lư luyện đoàn.*

Nóc Ngũ Hành Đài, cột và lá phướn

Phần giữa gồm **ba mái**, gọi là **Tam Cực Linh Đài**. Ba là số Hoàng Cực. *Hoàng Cực là phương châm quy nhứt làm phương pháp tu học, làm cơ sở truyền đạo và sự liên lạc cùng Trời và Thần Thánh Tiên Phật ở thế giới nầy và các thế giới bên kia* (Minh Lý Chơn Giải).

Trên nóc mái cao nhất trang trí lưỡng long chầu kim đơn. Phía bên trong có năm bàn thờ (Địa Mẫu, Thập Điện Diêm Vương, Long Thần Hộ Pháp, Thanh Phước Thần, và Lịch Đại Tổ Tiên). Trên tường trang trí mười bức tranh chăn trâu (*Thập Mục Ngưu Đồ*), hoa cúc, hoa quỳnh. Bông gió ở các cửa sổ là tám quẻ đơn (bát quái) của kinh Dịch. Đây là nơi môn sanh Minh Lý cầu nguyện, dâng lễ với tâm thành để Thiên nhơn hiệp một.

Phần trong cùng là **một mái vòm bán nguyệt** gọi là **Châu Thiên Đài**, trên nóc trang trí tịnh bình thu thanh điển. Bên trong mái vòm trang trí mặt trời, mây, nước. Bên trong Châu Thiên Đài có một bệ đá cẩm thạch *năm cấp*, thờ hồng danh các Đấng thiêng liêng và một bàn thờ *ba cấp* để bày các phẩm vật dâng cúng (tế phẩm). Từ trên trần Châu Thiên Đài có một ngọn đèn lưu ly treo ở giữa chiếu ngay vào chữ Phật 佛 (Đấng toàn giác). Đèn Lưu ly hình tam giác tượng trưng cho Thượng Đế vô lượng vô biên. **Châu Thiên Đài** hay Bạch Ngọc Kinh là nơi Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng làm tòa ngự lập pháp. *Tòa ngự đó là phần hồn của Đạo. Đó là nơi các tín đồ liễu đạo sẽ được về hội họp* (Minh Lý Chơn Giải).

Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy:

> *Bửu điện nơi Thiên triều ngọc bệ*
> *VÔ, THÁI, HOÀNG, Thượng Đế ba ngôi* [9]
> *Bản căn khởi thỉ đất trời*
> *Khai thiên lập địa, sanh người sanh Tiên.*[10]

Năm quẻ Tùy vẫn còn đủ nhưng vị trí có khác. (Hai quẻ Tùy ở cổng tam quan, bên nam và bên nữ; hai quẻ Tùy ở nóc của Ngũ Hành Đài, và một quẻ Tùy ở nóc tòa nhà Nữ Giới).

Mô hình kiến trúc này làm biểu tượng cho nguyên tắc lập đạo của Minh Lý Đạo (là *Nho, Thích, Đạo hiệp nhứt*) và nguyên tắc tu tịnh của môn sanh (là *Tam Ngũ hiệp Nhất,* nghĩa là luyện Tinh, Khí, Thần hay Thân, Tâm, Ý thành Một).

Các hoa văn trang trí tại Tam Tông Miếu là biểu tượng của

[9] Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực.
[10] Thánh ngôn ngày 27-7 Kỷ Mùi.

Hà Đồ, Lạc Thơ, hỏa lý tài liên (sen trồng trong lửa), Thiên nhơn hiệp nhất, tám quẻ đơn của kinh Dịch, hình chữ Vạn, chữ Thọ, hoa sen, hoa cúc, hoa đào, dơi, nai,[11] long mã, rồng, quy, phụng, Thập Mục Ngưu Đồ, v.v... Số ngọn đèn, cách xếp đặt đèn... tượng trưng các pháp tu của môn sanh Minh Lý.

Trên đây tôi đã sơ lược kiến trúc ba đài. Chắc bạn nghĩ Châu Thiên Đài, tòa ngự của Thượng Đế tại thế gian là nơi quan trọng nhất phải không? Nhưng *Minh Lý Chơn Giải* viết: *Ngũ Hành Đài là mấu chốt của vạn sự vạn vật,* ám chỉ sự cương yếu của Người là họp Ngũ chi, quy Tam giáo làm Một, tức là bản thể của Trời đất vạn vật, là phần vô vi (*Minh Lý Chơn Giải*). Vì sao thế?

Việc này có thể tạm giải thích như sau: Tu hành là để sửa mình, trau thân để làm sáng cái tâm ô nhiễm của mình hay được trở về Thiên quốc cùng Thầy. Dù đi con đường nào, muốn thắp sáng chơn tánh của mình thì ta phải có nhận thức đúng, hiểu biết đúng, hành động đúng, không vướng mắc mê lầm. Nhận thức đúng (*chánh kiến*) thì sẽ có hướng đi đúng; dầu thực hiện bằng phương pháp nào (tu tánh hay luyện mạng, tịnh độ hay thiền tông), hành giả cũng sẽ đến đích, chỉ có nhanh hay chậm mà thôi. Đó là lý do có chữ *chánh kiến ở* mặt tiền của chùa ngay cột phướn và tên tám yếu tố của con đường thánh (Bát Chánh Đạo) nằm trên nóc của Ngũ Hành Đài. Trái lại, nếu không nhận thức đúng về Lẽ Thật, không bước trên con đường chánh thì: *"Ma đưa lối quỷ dẫn đường / Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi."* (Kiều)

Dù là Năm, là Ba đều đặt trên Một nền tảng là Nhất tâm là đất. Đất nuôi dưỡng sinh vật, chứa đựng mọi thứ không phân biệt trược nhơ trong sạch, nên đất thuần tịnh bao dung. Phải mở rộng lòng như đất, tâm thuần tịnh như đất để có thể bước theo đường thánh trở về quê cũ.

Mô hình kiến trúc của chùa được Đức Đông Phương Lão Tổ khen như sau:

"*Từ lâu chư môn sanh trong nền đạo Minh Lý đã lo đường tu hạnh luyện tâm. Hôm nay lại dốc lòng lập công tu tạo một ngôi Thánh Miếu làm cho hình thức của Đạo đặng uy nghi. Giữa đô thành náo nhiệt, vật chất đua chen mà chư chức sắc và nhơn sanh cùng nhau lặng lẽ, để bước sâu vào nẻo tinh*

[11] Dơi và nai tượng trưng cho phúc và lộc. Lý do: 1/ Con dơi, chữ Nho là *bức,* viết là 蝠, đọc là *fú*. *Phúc* 福, cũng đọc là *fú*. 2/ Con nai, chữ Nho là *lộc,* viết là 鹿, đọc là *lù*. *Lộc* 祿 (tài lộc, bổng lộc), cũng đọc là *lù.* 3/ Bằng cách mượn các chữ đồng âm dị nghĩa (*homonyms*), lấy hình ảnh con dơi và con nai để diễn tả hai ý trừu tượng (*abstract*) là phúc và lộc.

*thần đạo đức, quyết trùng tu cho ngôi thánh thể sớm hình hiện, đủ quyền lẫn pháp, đủ cả trong ngoài.*

"*Việc làm đặng thành công, tuy chúng trí đã đồng đều cố gắng mà Thiên cơ cũng đặng ứng hiệp tán đồng. Hình thức uy nghi, thì tinh thần nơi trong phải cho sáng suốt. Tinh thần và hình thức cân xứng là cơ trưởng thành đặng hữu hiệu. Theo số đạo, nhờ sự soi dẫn của Ơn Trên, nên việc xây dựng cũng khế hợp với lẽ mầu vi của đạo pháp:* 1 + 3 + 5 = 9. *Đó là số Kiền 'dụng cửu' của Hà Đồ.*

*"Số 9 là số dương, mà dương cương phát hiện, thì thới vận thành hình. Đã lấy ba số tượng hình Đạo thể, dựng nên Thánh Miếu Tam Tông, thì Bần Đạo cũng đáng khen cho sự làm trở nên quyền pháp..."* [12]

Bạn thân mến,

Tôi đã giới thiệu sơ lược kiến trúc của Tam Tông Miếu qua thời gian.

Hiện nay tại Việt Nam, hầu hết hình ảnh các ngôi chùa kiểu xưa đã dần dần biến mất để thay thế bằng những chùa mới với kiến trúc hiện đại to, đẹp, lạ mắt hơn. Đó là sự biến dịch, giao dịch theo thời. Nhưng chắc chắn có một điều bất dịch không thể thay đổi đó là Tín, là Tùy, là một lòng hướng về Đạo, là tình thương yêu hòa ái, yêu người vì người, nguyện đem đời về Đạo, không thay đổi. Với nhất tâm hướng Đạo, không mê lầm, không vọng chấp, dù đi bất kỳ con đường nào của Ngũ Chi Đạo, cũng sẽ siêu phàm nhập thánh. Không có lòng tin, không nhận thức đúng, không hướng Đạo, không mở rộng lòng mình, không có lòng hòa ái, không hạ mình vì người thì không có tất cả, và Trời cứ mãi xa người mà thôi.

Thư sau tôi sẽ cố gắng giải thích cho bạn về cách thờ phượng tại Tam Tông Miếu theo mức độ hiểu biết của tôi.

Chúc bạn an lạc.

**ĐẠI CƠ MINH**

**Tài liệu tham khảo**


- Diễn văn khai mạc ngày khánh thành Tam Tông Miếu (1961).
- Hợp đồng xây dựng chùa đầu tiên (1926).
- *Minh Lý Chơn Giải*, Nguyễn Minh Thiện kết tập từ thánh ngôn.
- Nguyễn Minh Thiện, *Minh Lý Học Thuyết*, Chương 6.


**ĐÂU CHỈ LÀ CON NGỰA ĐAU!**

Những ánh mắt thất thần đỏ quạch
Mẹ đâu?
Cha đâu?
Ôi, những đêm thâu
Lò thiêu. Những hũ tro
Quặn lòng. Ngơ ngác...
Trăng sáng đêm rằm
Tái tê lạnh ngắt
Môi đắng. Mắt cay.
Đâu chỉ là con ngựa đau!

**ĐỖ THỊ KẾT**

[12] *Minh Lý Chơn Giải*, Chương 2.

# ĐẠO CÓ SẴN TRONG TRỜI ĐẤT

**TỪ ÁNH**

Đạo có sẵn trong trời đất. Như ta thấy muôn loài vạn vật sinh ra đều được Đức Thượng Đế, hay còn gọi là Đấng Tạo Hóa, lúc nào cũng tạo đủ điều kiện để cho muôn loài vạn vật sinh tồn, từ thảo mộc tới côn trùng, tới thú vật, tới con người. Do đó có thể nói Đấng Tạo Hóa có đức háo sanh háo dưỡng, sinh ra vô số kể muôn loài vạn vật và đồng thời tạo đủ điều kiện để vạn vật sinh tồn. Nhờ đức háo sanh háo dưỡng của Đấng Tạo Hóa, muôn loài vạn vật đều hưởng ơn mưa móc của Đấng Tạo Hóa, tức là Đức Thượng Đế.

Những vì Giáo Chủ xuống trần gian dạy cho nhân loại con đường tu tập để trở về với Đức Thượng Đế, trở về với Đấng Tạo Hóa. Các Ngài đều nói rằng các Ngài không sáng tác ra phương pháp tu hành mà phương pháp này có sẵn trong thiên nhiên. Các vì Giáo Chủ nhìn theo điều kiện trời đất ban cho muôn loài vạn vật để sinh tồn mà thuyết minh phương pháp tu hành. Vì vậy người tu bắt chước, mô phỏng theo đức háo sanh háo dưỡng của Đức Thượng Đế, làm ích nhân lợi vật để tu tập. Đức Khổng Tử từng nói Ngài chỉ thuật mà không sáng tác (*thuật nhi bất tác*) vì Đạo có sẵn trong trời đất.

Có người nói: Nhìn mặt trời, mặt trăng mà tu. Nghĩa là gì? Không phải ngày ngày đứng nhìn mặt trời, mặt trăng; đúng ra, hãy noi theo gương mặt trời, mặt trăng mà tu vì mặt trời, mặt trăng ngày ngày mọc lên đúng giờ đúng khắc mà không bao giờ kể công; người tu theo gương đó làm ích đời ích đạo mà không nghĩ đến công lao của mình.

## ĐI VÀ VỀ

**TRẦN BỬU LONG**

Thương về một áng mây trời
Pha vào chút có chút còn chút không
Rồi như chiếc áo bềnh bồng
Ngập ngừng giữa ở và cùng nhau đi

Sông trôi quanh núi làm gì
Hay tìm tiếng suối thầm thì với đêm
Cỏ lau nghiêng giọt sương mềm
Chắc là còn nhớ êm đềm lời mưa

Người về bóng đổ trăng xưa
Sau nhà rau đắng chắc vừa thêm xanh
Gió thương mùi lúa quanh quanh
Nên ngơ ngẩn khói mái tranh bóng chiều

Ngoài ra, mặt trời, mặt trăng đang sáng nhưng bị một vầng mây che thì mất sự sáng. Linh hồn con người chiết xuất từ khối Đại Linh Quang (Đức Thượng Đế), do đó linh hồn con người rất sáng nhưng do vật dục trần gian che mờ mà trở nên u tối; thì cũng giống như mặt trời, mặt trăng bị một vầng mây che mất ánh sáng.

Tương tự, vật dục trần gian che mờ linh hồn giống như khói bám trên ống khói một cây đèn. Khi ống khói chưa ám khói thì ánh đèn tỏa sáng xung quanh. Khi ống khói đã ám khói thì ánh sáng bị che mờ. Để ánh đèn tỏa sáng thì phải lau chùi ống khói. Để làm cho linh hồn sáng lên, phải lau chùi linh hồn tức là phải bớt dần dần rồi dứt hết vật dục trần gian.

**TỪ ÁNH**
*Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo*

# SÀI GÒN ƠI!

Sài Gòn ơi, bao năm gắn bó
Tất bật mưu sinh, sức sống ngập tràn
Mỗi sớm chiều không ít những hân hoan
Đây niềm tin, đấy tình cha nghĩa mẹ
Đó các con yêu vẫn còn thơ bé
Chỗ tựa nương để khôn lớn trưởng thành
Sài Gòn trong tôi — chim đậu đất lành
Thoáng đãng, dịu êm, tình người chân chất
San sẻ yêu thương, chẳng tính toan hơn thua được mất
Hòa ái giao lưu, hội tụ ba miền
Bắc Trung Nam cũng một mối giềng
Nòi giống tổ tiên con Hồng cháu Lạc
Từ bao đời ước mơ khao khát
Tự do hạnh phúc yên bình
Sài Gòn trong tôi luôn thấm đượm tình
Cơm cháo sẻ chia, ấm lòng trong cơn nguy khốn
Trận dịch kinh hoàng. Ngỗn ngang bề bộn
Chao đảo, tang thương…
Sài Gòn ơi
Sao có thể lường
Cuộc tháo chạy. Hồi hương…
Bao cảnh huống… ruột đau như cắt
Đến rồi đi nhưng không hề ngoảnh mặt
Mong ngày tất cả hồi sinh
Corona không thay dạng đổi hình
Cuộc sống yên bình
Hòn Ngọc Viễn Đông ngời sáng!

**ĐỖ THỊ KẾT**

# CON VỀ

Con về ruộng trũng tìm hơi ấm
Của mẹ chiều đông khoác áo tơi
Hơ bàn tay lạnh trên tàn lửa
Chườm mỏi đôi chân vết bỏng đời

Con về tay níu hoài một bóng
Từ buổi ầu ơ tiếng võng reo
Từ buổi khô rang bầu vú mẹ
Búng sữa còn thơm tiếng thở nghèo

Con về tay áo chùng trong gió
Miếng vá còn xanh vạt cỏ may
Còn đôi múi chỉ buồn phơ phất
Khâu mãi nghìn năm mảnh đất này

Con về nằm duỗi trên thềm vắng
Để lắng lòng nghe tiếng guốc khua
Để nghe tiếng cỏ đùa trong nắng
Để thấy tình rêu lộng bốn mùa

Con về cúi nhặt niềm hoang phế
Bỏ lại bên đời nỗi xót xa
Đành thôi khép lại nghìn dâu bể
Nhẹ tách trần gian bóng mẹ già.

**HUỲNH VĂN MƯỜI**
*Tháng 10-2021*

# KIẾP HƯ VÂN

Mới đó đà sang đến tháng Mười
Dòng đời cứ thế lẹ làng trôi
Ngày đi đêm tới không dừng nghỉ
Lưu dấu tàn phai trên mắt môi.

Mới đó màu hoa nhạt úa rồi
Tiếng cười tao ngộ chợt xa xôi
Hân hoan, phiền muộn vời theo gió
Quyện áng mây thu dạt cuối trời.

Ta đến nơi đây ắt vạn lần
Mộng gì rồi cũng hóa hư vân
Nằm mơ quán trọ thành quê cũ
Nên trót vương mang lắm nợ nần.

Sáng nay sờ sững nghe tin bạn
Đi vội, chưa chào giã biệt nhau
Hôm qua vừa gặp lời chưa cạn
Tháng Mười sao rớt giọt mưa ngâu!

Mới đó người đi, giấc mộng tàn
Vô thường hoài gõ nhịp nhân gian
Bôn ba, tất bật rồi sương khói
Vạn sự vùi quên dưới mộ vàng.

Mới đó, nhìn gương tóc đã phai
Thôi chừ buông xuống nhẹ hai vai
Ta về kẻo chậm hoàng hôn xuống
Lỡ chuyến đò ngang khóc hận hoài.

**THÍCH TÁNH TUỆ**
*Thu Cali 2014*

# LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC CHU DỊCH

**LÊ ANH MINH**

## I. LỊCH SỬ CHU DỊCH [1]

Trong văn học Trung Quốc, có bốn thánh nhân được xem là tác giả của *Kinh Dịch*: Phục Hy, Văn Vương, Chu Công, và Khổng Tử. Phục Hy [2] là một nhân vật truyền thuyết, đại diện cho thời cổ đại săn bắn và đánh cá, cũng là người phát minh việc nấu nướng. Phục Hy được xem là người phát minh ra Bát Quái, điều đó có nghĩa là Bát Quái xuất hiện vào thời quá xa xưa đến nỗi lịch sử không thể ghi nhớ được. Tên của Bát Quái không xuất hiện trong Hán ngữ, do đó người ta cho rằng chúng có nguồn gốc ngoại lai. Dù sao, chúng không phải là chữ Hán cổ như người ta đã kết luận dựa trên sự trùng hợp vừa vô tình vừa cố ý của chúng với các chữ cổ.[3]

---

[1] Phần lịch sử này được dịch từ Richard Wilhelm, *I GING: das Buch der Wandlungen (Dịch Kinh: Cuốn Sách Của Biến Dịch)*. Chú thích thêm của tôi ghi là "LAM chú", để phân biệt với chú thích của Richard Wilhelm (1873-1930).

[2] LAM chú: *Chu Dịch Từ Điển* của Trương Thiện Văn và *Chu Dịch Đại Từ Điển* của Ngũ Hoa giải: Phục Hy 伏羲 (犧) = Phục Hý 伏戲 = Bao Hy 包犧 = Bào Hy 庖犧 = Mật Hy 宓羲 = Hoàng Hy 皇羲 = Hy Hoàng 犧皇 = Thái Hạo 太皞 (昊).

[3] Vấn đề đặc biệt tập trung vào quẻ Khảm ☵, mà hình dáng của nó giống chữ *thủy* (水, nước, kiểu chữ triện).

Thuở xa xưa Bát Quái đã xuất hiện trong các tổ hợp khác nhau. Hai tổ hợp trong thời cổ được nhắc đến là *Kinh Dịch* đời Hạ, khoảng 2205-1766 trước Công Nguyên (TCN), có tên là Liên Sơn khởi đầu bằng quẻ Cấn và *Kinh Dịch* đời Thương (khoảng 1766-1150 TCN) có tên là Quy Tàng khởi đầu bằng quẻ Khôn.[4] Tình hình ấy được chính Khổng Tử tình cờ nhắc đến như một sự kiện lịch sử. Thật khó mà nói tên sáu mươi bốn quẻ bấy giờ đã có chưa; nếu có thì chúng có giống như tên sáu mươi bốn quẻ của bản *Kinh Dịch* hiện hành không. Tương truyền (và chúng ta chẳng có lý do gì để nghi ngờ) tổ hợp sáu mươi bốn quẻ hiện nay phát xuất từ vị sáng lập đời Chu là Văn Vương. Khi Văn Vương bị vua Trụ (Đế Tân)[5] tàn ác giam trong ngục, ông tạo ra sáu mươi bốn quẻ rồi viết thêm Thoán Từ (hay Quái Từ). Còn Hào Từ phát xuất từ Chu Công (con thứ của Văn Vương). Với nhan đề Chu Dịch, sách này được dùng như sách bói suốt đời Chu, và điều này có thể được chứng minh qua một số sử liệu xưa.

Đó là tình trạng của *Kinh Dịch* khi Khổng Tử phát hiện. Lúc về già, Khổng Tử miệt mài nghiên cứu nó và rất có thể Thoán Truyện là do ngài viết. Ngay cả Tượng Truyện cũng được xem là Khổng Tử viết (tuy không trực tiếp). Phần bình luận chi tiết và giá trị về mỗi hào ở dạng vấn đáp giữa Khổng Tử và đệ tử được các cao đệ ghi chép hiện nằm rải rác (trong Văn Ngôn và Hệ Từ Truyện).

Trong số cao đệ của Khổng Tử, Bốc Thương (tức Tử Hạ)[6] có lẽ là người chủ yếu truyền bá *Kinh Dịch.* Đồng thời với sự phát triển tư duy triết học (thí dụ như *Đại Học* và *Trung Dung*), loại triết học này càng ảnh hưởng đến sự giải thích *Kinh Dịch.* Bên cạnh *Kinh Dịch* hình thành những phần giải thích gọi là "Thập Dực" (mười cánh) mà chúng rất khác với nội dung và giá trị nội tại của *Kinh Dịch.*

*Kinh Dịch* đã thoát được số phận mà các kinh sách khác phải chịu trong nạn đốt sách nổi tiếng đời Tần Thủy Hoàng (năm 213 TCN). Người ta cho rằng nạn đốt sách này khiến tình trạng văn bản của các kinh sách cổ bị tổn hại, nhưng điều ấy không đúng với trường hợp của *Kinh Dịch* vì tình trạng văn bản của nó vẫn còn nguyên vẹn. Thực tế, chính sự hưng suy bao thế kỷ, sự suy tàn của nền văn hóa cổ, và sự thay đổi hệ thống chữ viết cũng là nguyên nhân khiến tình trạng văn bản của các kinh sách cổ bị tổn hại.

Sau khi *Kinh Dịch* nổi tiếng là sách bói và phương thuật trong đời Tần Thủy Hoàng, thì các phương sĩ suốt đời Tần và

---

[4] LAM chú: Cho đến nay người ta chỉ nhắc đến ba bộ Dịch: Liên Sơn 連山 (đời Hạ), Quy Tàng 歸藏 (đời Thương), và Chu Dịch 周易 (đời Chu); dựa theo Chu Lễ 周禮 (quyển 24): "[Thái bốc] chưởng tam Dịch chi pháp: nhất viết Liên Sơn, nhị viết Quy Tàng, tam viết Chu Dịch." [太卜] 掌三易之法: 一曰連山, 二曰歸藏, 三曰周易 ([Quan thái bốc] nắm vững phép bói của ba bộ Dịch: Liên Sơn, Quy Tàng, Chu Dịch). Liên Sơn và Quy Tàng hiện không còn.

[5] LAM chú: Vua tên thật là Thụ 受, hiệu là Đế Tân 帝辛, là con của Đế Ất 帝乙. Trụ 紂 không phải là tên thật, chỉ là tiếng đời sau dùng để chỉ kẻ tàn nhẫn gian ác. Vì Đế Tân hoang dâm vô đạo, cai trị tàn ác, nên đời sau đặt tên là Trụ vương (vua Trụ).

[6] LAM chú: Bốc Thương 卜商 tự là Tử Hạ 子夏 (507-400 TCN), cao đệ của Khổng Tử, giỏi văn học, từng dạy học ở Tây Hà 西河, là thầy của Ngụy Văn Hầu 魏文侯. Ông truyền dạy Dịch học và viết *Tử Hạ Dịch Truyện* 子夏易傳.

đời Hán đã lợi dụng nó; còn học thuyết Âm Dương – có lẽ phát khởi từ Trâu Diễn (thế kỷ IV TCN) rồi được vun đắp qua tay các Nho gia đời Hán như Đổng Trọng Thư, Lưu Hâm, Lưu Hướng – đã phát triển lớn mạnh trong sự giải thích *Kinh Dịch.*

Vai trò tảo thanh mớ hỗn tạp ấy đã dành cho Vương Bật (226-249), một đại Nho thông minh sáng suốt. Ông đã viết về ý nghĩa của *Kinh Dịch* như là một sách triết chứ không phải là sách bói. Ông sớm phát hiện ra sự mô phỏng: phương thuật của Âm Dương gia gắn với *Kinh Dịch* đã bị thay thế bằng triết lý trị quốc ngày càng phát triển. Trong đời Tống (960-1279), *Kinh Dịch* được dùng làm cơ sở cho *Thái Cực Đồ Thuyết* (mà nguồn gốc của nó có lẽ không phải là Trung Quốc)[7] cho đến khi Trình Hạo (1032-1085)[8] viết lời bình chú rất tốt cho *Kinh Dịch.* Các phần bình chú xưa trong Thập Dực thì người ta có thói quen tách ra và cho vào các quẻ tương ứng.[9] Như vậy *Kinh Dịch* dần dần trở thành sách giáo khoa hẳn hoi về thuật trị quốc và xử thế. Thế rồi Chu Hy (1130-1200) cố gắng khôi phục *Kinh Dịch* như một sách bói. Ngoài ra, ông còn công bố một bài dẫn luận cô đọng về phép bói Dịch.[10]

Trong đời Thanh (1644-1911), khuynh hướng lịch sử và phê phán [của Hán học gia][11] cũng xét đến *Kinh Dịch.*

[7] LAM chú: *Thái Cực Đồ Thuyết* của Chu Liêm Khê 周濂溪 (1017-1073) tức Chu Đôn Di 周敦頤. Chu Liêm Khê vay mượn hình Thái Cực Đồ mà các đạo sĩ dùng để tu luyện rồi đưa vào đó giải thích mới và ý nghĩa mới. Sự giải thích này (tức *Thái Cực Đồ Thuyết*) là một trong các trứ tác có hệ thống của Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Wilhelm nói "nguồn gốc của nó có lẽ không phải là Trung Quốc" thì thật kỳ lạ, vì Thái Cực Đồ là sản phẩm của Đạo Giáo, tức vẫn là của Trung Quốc.

[8] LAM chú: Wilhelm viết "der ältere Tschong Dsï" (Trình Tử anh) tức là Trình Hạo 程顥 hay Trình Minh Đạo 程明道 (1032-1085). Trình Hạo tuy có giảng Dịch nhưng không viết thành sách. Lời giảng về Dịch của ông tản mác trong *Ngữ Lục* và *Di Thư*. Còn em ông là Trình Di 程頤 tức Trình Y Xuyên 程伊川 (1033-1108) thì viết *Chu Dịch Trình Thị Truyện* (thường gọi tắt là *Trình Truyện*) còn gọi là *Y Xuyên Dịch Truyện* (bốn quyển). Dựa theo bản chú của Vương Bật, Trình Di giảng thượng kinh, hạ kinh, Thoán Truyện, Tượng Truyện, Văn Ngôn; rồi bắt chước Lý Đỉnh Tộ (*Chu Dịch Tập Giải*) đưa Tự Quái lên đầu mỗi quẻ. Như vậy, ở đây có lẽ Wilhelm lầm Trình Tử anh với Trình Tử em.

[9] LAM chú: Cách sắp đặt "Kinh liền Truyện" (tức là lấy ba "dực" hay ba Truyện cho vào phần Kinh: Thoán Truyện và Tượng Truyện được phân ra cho các quẻ tương ứng và Văn Ngôn được đưa vào hai quẻ Càn và Khôn) đã có từ đời Hán. Có hai thuyết mà Cao Hanh (*Chu Dịch Đại Truyện Kim Chú,* Tề Lỗ Thư Xã, 1998, tr. 2) nói rằng không biết thuyết nào đúng: 1/ Cách sắp đặt ấy do Trịnh Huyền đời Đông Hán (xem: *Tam Quốc Chí* - Nguỵ Chí - Cao Quý Hương Công Truyện); 2/ Cách sắp đặt ấy do Phí Trực đời Tây Hán (xem: *Hán Thư* - Nghệ Văn Chí, Nhan Sư Cổ chú; Triều Công Vũ, *Quận Trai Độc Thư Chí*; Mã Đoan Lâm, *Văn Hiến Thông Khảo*). Ngô Tạ Diệu và Ngô Nghĩa Phương (*Dịch Kinh Bách Sự Thông,* Tứ Xuyên Nhân Dân, xuất bản xã, 1993, tr. 15) nói rằng trong đời Hán có sự sắp đặt Kinh liền Truyện, nhưng Thoán Truyện và Tượng Truyện chỉ là từng phần riêng trong mỗi quẻ. Đến đời Nguỵ Tấn thì Vương Bật mới phân chia Thoán Truyện và Tượng Truyện rải ra ứng với các quẻ và các hào. Như vậy cách sắp đặt Chu Dịch như hiện nay bắt đầu từ Vương Bật.

[10] LAM chú: Có lẽ Wilhelm muốn đề cập *Chu Dịch Bản Nghĩa* của Chu Hy với hai trang nói về *phệ nghi* 筮儀 (nghi thức bói).

[11] LAM chú: Ở đây, Wilhelm muốn nói đến Hán học đời Thanh, đối lập với Tống học đời Thanh. Phùng Hữu Lan viết: "Đến đời

Nhưng vì họ đối lập với các Tống học gia và vì họ ưa chuộng các nhà bình giải đời Hán vốn gần với thời đại hình thành *Kinh Dịch* hơn, cho nên họ thua kém các Tống học gia trong việc xử lý các kinh điển khác. Đó là vì các nhà bình giải đời Hán vốn là các phương sĩ hoặc là những học giả chịu ảnh hưởng của vu thuật. Trong những năm Khang Hy đời Thanh, có bản *Kinh Dịch* rất tốt là *Chu Dịch Chiết Trung*.[12] Nó tách riêng phần Kinh và phần Truyện, đồng thời tập hợp các bình giải tốt nhất qua các thời đại.

## II. CẤU TRÚC CỦA BỘ CHU DỊCH

Theo truyền thống kinh điển Trung Quốc, quan hệ giữa Kinh và Truyện là: Truyện nhằm giải thích Kinh. Như vậy Dịch Truyện là phần giải thích cho Dịch Kinh. Phần Dịch Kinh có bốn thành tố: ① Hình quẻ sáu vạch (Âm hoặc/và Dương) gọi là *Quái Tượng* 卦象 hay *Quái Hình* 卦形; ② Tên quẻ (gọi là *Quái Danh* 卦名); ③ Lời giải thích cho quẻ gọi là *Quái Từ* 卦辭; ④ Lời giải thích cho các hào gọi là *Hào Từ* 爻辭. Quái Từ vốn gọi là *Thoán* 彖 hay *Thoán Từ* 彖辭, kể từ đời Đường (618-907) mới gọi là *Quái Từ*.[13] Dịch Kinh phân ra làm hai: Thượng Kinh (ba mươi quẻ, từ Càn tới Ly) và Hạ Kinh (ba mươi bốn quẻ, từ Hàm tới Vị Tế).

Về tác giả của sáu mươi bốn quẻ, Khổng Dĩnh Đạt 孔穎達 (*Chu Dịch Chính Nghĩa,* quyển thủ) đưa ra bốn thuyết: ① Vương Bật 王弼 nói Phục Hy lập Bát Quái và sáu mươi bốn quẻ; ② Trịnh Huyền 鄭玄 nói Thần Nông lập sáu mươi bốn quẻ; ③ Tôn Thịnh 孫盛 nói Hạ Vũ 夏禹 lập sáu mươi bốn quẻ; ④ Tư Mã Thiên 司馬遷 nói Văn Vương lập sáu mươi bốn quẻ.

Về tác giả của Quái Từ và Hào Từ, Tư Mã Thiên nói Văn Vương lập sáu mươi bốn quẻ và đặt ra Quái Từ lẫn Hào Từ (xem: *Sử Ký,* Chu Bản Kỷ, Nhật Giả Liệt Truyện, Báo Nhiệm Thiếu Khanh Thư). Khổng Dĩnh Đạt nói Văn Vương viết Quái Từ, Chu Công viết Hào Từ.

---

Thanh (1644-1911), học phong chuyển hướng về cái gọi là Hán học. Các nhà Hán học cho rằng kinh học mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh giảng đã pha tạp kiến giải của Phật và Lão. Do đó, muốn biết ý nghĩa chân thực của đạo thánh hiền Khổng Mạnh thì phải đi tìm những chú giải kinh điển của người đời Hán. Nguyễn Nguyên 阮元 (1764-1849) nói: "Sở dĩ phải theo nền kinh học của hai đời Hán là vì nó gần thời của thánh hiền hơn, tức là lúc học thuyết của hai nhà Phật và Lão chưa xuất hiện." Các nhà giảng kinh học đời Hán (tức Hán học gia) gọi Đạo học đời Tống và đời Minh là Tống học 宋學, để phân biệt với Hán học của họ." (Xem: Phùng Hữu Lan, *Lịch Sử Triết Học Trung Quốc,* quyển 2 [chương 15, tiết 1], Lê Anh Minh dịch.)

[12] LAM chú: *Chu Dịch Chiết Trung* còn gọi là *Ngự Toản Chu Dịch Chiết Trung* 御纂周易折中 (hai mươi ba quyển) do vua Khang Hy ra lệnh cho Đại Học Sĩ kiêm Lại Bộ Thượng Thư Lý Quang Địa 李光地 (1642-1718) biên soạn, ấn hành năm Khang Hy 54 (tức năm 1715).

[13] Trước đời Đường, lời giải thích quái hình (hay quái tượng tức hình quẻ sáu vạch) gắn ngay sau quái hình thì gọi là Thoán Từ 彖辭. Kể từ đời Đường tới nay thì Thoán Từ còn được gọi là Quái Từ 卦辭. Thí dụ: Thoán Từ (hay Quái Từ) của quẻ Càn là "Nguyên hanh lợi trinh". Còn lời giải thích cho Thoán Từ (hay Quái Từ) thì gọi là Thoán Truyện 彖傳 (hay Thoán Từ Truyện 彖辭傳). Xem: Chu Bá Côn, *Dịch Học Mạn Bộ*, Thẩm Dương xuất bản xã, 1997, tr. 14 và 49.

Dịch Truyện có bảy loại (gồm mười thiên) gọi là Thập Dực 十翼 (dực là cánh chim, ý nói nó nâng đỡ cho phần kinh), cũng gọi là Chu Dịch Đại Truyện 周易大傳 hay Đại Truyện 大傳 (Wilhelm gọi Hệ Từ Truyện là Đại Truyện). *Sử Ký* của Tư Mã Thiên và *Hán Thư Nghệ Văn Chí* đều nói Khổng Tử sáng tác Thập Dực. Kể từ *Dịch Đồng Tử Vấn* 易童子 問 của Âu Dương Tu 歐陽修 (1007-1072) đời Tống hoài nghi việc Khổng Tử sáng tác Thập Dực thì các học giả mới bàn luận ngày càng nhiều và cuối cùng họ cho rằng Thập Dực hay Dịch Truyện là sáng tác của những kẻ hậu học trong Khổng môn.

Tên gọi của bảy loại (mười thiên) này dễ gây lầm lẫn. Cần phân biệt rằng:

① ***Thoán Từ Truyện*** 彖辭傳 (cũng gọi Thoán Truyện 彖傳) gồm hai thiên thượng và hạ (tương ứng thượng kinh và hạ kinh, như vậy tổng cộng Thoán Truyện có sáu mươi bốn điều). Không rõ Wilhelm căn cứ vào nguồn tài liệu nào mà giải thích *thoán* nghĩa là "đầu heo" (Schweinskopf). *Khang Hy tự điển, Từ Hải,* và *Thuyết Văn Giải Tự* không nói đến điều đó. Chữ 彖 thường bị đọc lầm là *soán*. *Từ Hải* phiên là *thố ngoạn* 兔玩, *Thuyết Văn* phiên là *thông quán* 通貫; vậy đọc là *thoán*. Quái Từ (tức lời phán đoán cát hung của một quẻ) cũng được gọi là *Thoán* (hay *Thoán Từ*), bởi vì *thoán* nghĩa là phán đoán. Để khỏi lẫn lộn, hai dực đầu này gọi là Thoán Truyện (hay Thoán Từ Truyện). Nó tổng luận yếu nghĩa của trọn quẻ; trong bản *Kinh Dịch* thông hành, chỗ nào ghi "Thoán viết" chính là nó.

② ***Tượng Từ Truyện*** 象辭傳 (cũng gọi Tượng Truyện 象傳) gồm hai thiên thượng và hạ (tương ứng thượng kinh và hạ kinh). Chữ tượng 象 nghĩa là hình tượng, tượng trưng. Phần giải thích ý nghĩa tượng trưng của trọn quẻ thì gọi là Đại Tượng Truyện 大象傳, vậy phần này có sáu mươi bốn điều. Phần giải thích ý nghĩa tượng trưng của các hào thì gọi là Tiểu Tượng Truyện 小象傳, vậy phần này có 386 điều (64 quẻ nhân 6 bằng 384 hào, cộng với hào dụng cửu quẻ Càn và hào dụng lục quẻ Khôn, tất cả 386 hào, nên Tiểu Tượng Truyện có 386 điều).

③ ***Hệ Từ Truyện*** 繫辭傳 (cũng gọi Hệ Từ 繫辭, Đại Truyện 大傳) là thông luận về nghĩa lý của phần kinh, giúp người đọc hiểu được ý nghĩa của Quái Từ và Hào Từ, cũng như hiểu các vấn đề liên quan như: tác giả, thời gian hình thành Chu Dịch, Thái Cực, Âm Dương, Bát Quái, Ngũ Hành, v.v... Hệ Từ Truyện cũng trình bày vũ trụ quan và nhận thức luận của người Trung Quốc cổ đại. Ban đầu Hệ Từ nghĩa là lời gắn vào quẻ và hào (tức là Quái Từ và Hào Từ), về sau được dùng để gọi tắt Hệ Từ Truyện. Mục đích phân chia Hệ Từ Truyện thành hai thiên thượng và hạ không phải để ứng với thượng kinh và hạ kinh. Khổng Dĩnh Đạt nói vì Hệ Từ Truyện dài quá nên phân ra làm hai. Chu Hy nói "tự nó phân làm thượng và hạ". Hệ Từ Thượng và Hệ Từ Hạ đều có mười hai chương. Cách phân chương theo Khổng Dĩnh Đạt (*Chu Dịch Chính Nghĩa*) và Chu Hy (*Chu Dịch Bản Nghĩa*) là thông dụng nhất.

④ ***Văn Ngôn*** 文言 chỉ có hai chương đi với quẻ Càn và quẻ Khôn, để giải thích ý nghĩa tượng trưng của hai quẻ này. Wilhelm nêu ra giả thuyết của nhiều học giả cho rằng Văn Ngôn có đủ cho sáu mươi bốn quẻ, nhưng nay chỉ còn sót lại

Càn Văn Ngôn và Khôn Văn Ngôn mà thôi. Ý nghĩa của hai chữ "Văn Ngôn" thì có nhiều thuyết. Khổng Dĩnh Đạt (*Chu Dịch Chính Nghĩa*) dẫn lời Trang thị 莊氏, nói: "Xem đức của Càn và Khôn lớn nên tô điểm nó mà gọi là Văn Ngôn." (Dĩ Càn Khôn đức đại, cố văn sức chi vi Văn Ngôn 以乾坤德大故文飾之爲文言). Lý Đỉnh Tộ (*Chu Dịch Tập Giải*) dẫn lời Lưu Hiến 劉瓛, nói: "Dựa theo văn mà nói nghĩa lý của nó nên gọi là Văn Ngôn." (Y văn nhi ngôn kỳ lý, cố viết Văn Ngôn 依文而言其理故曰文言). Chu Tuấn Thanh (*Lục Thập Tứ Quái Kinh Giải*) nói: "Giải thích lời Văn Vương, nên gọi là Văn Ngôn." (Thích Văn Vương chi ngôn, cố viết Văn Ngôn 釋文王之言故曰文言). Nói chung, mục đích của Văn Ngôn là giảng rộng thêm về hai quẻ Càn và Khôn. Sáu mươi hai quẻ kia đều là từ Càn và Khôn mà sinh ra. Văn Ngôn giảng ý nghĩa sâu kín của Quái Từ và Hào Từ của hai quẻ Càn và Khôn, lời sẽ sâu sắc, dẫn chứng rộng, cho nên người xưa nói nghiên cứu kỹ Văn Ngôn thì có thể hiểu sâu nghĩa lý của sáu mươi hai quẻ kia.

⑤ ***Thuyết Quái Truyện*** 說卦傳 (cũng gọi Thuyết Quái 說卦) phân tích ý nghĩa tượng trưng của Bát Quái và phạm vi thủ tượng. Số hình tượng mà Bát Quái tượng trưng có đến 112 thứ (thí dụ Càn là trời, Khôn là đất, v.v...), bản *Cửu Gia Tập Giải* của Tuân Sảng thì chép đến 143 hình tượng. Nội dung quan trọng khác của Thuyết Quái Truyện là Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái.

⑥ ***Tự Quái Truyện*** 序卦傳 giải thích thứ tự của sáu mươi bốn quẻ. Toàn văn chia làm hai đoạn, đoạn đầu ứng ba mươi quẻ ở thượng kinh, đoạn sau ứng ba mươi bốn quẻ ở hạ kinh. *Chu Dịch Chiết Trung* dẫn lời Thái Thanh, nói: "Ý nghĩa của Tự Quái có *tương nhân* (theo nhau) và *tương phản* (trái nhau). *Tương phản* là nói cái cực tắc phản; *tương nhân* là nói cái chưa phát triển tối đa."

⑦ ***Tạp Quái Truyện*** 雜卦傳 giải thích ý nghĩa sáu mươi bốn quẻ nhưng không theo thứ tự trong bản thông hành. Sáu mươi bốn quẻ được sắp thành ba mươi hai đôi. Cách sắp xếp quẻ Dịch theo từng đôi của Tạp Quái Truyện cho thấy tính chất *bàng thông* và *điên đảo* (cũng gọi là *phúc, tống, phản đối*) của từng cặp quẻ. *Bàng thông* 旁通 là thuật ngữ do Ngu Phiên 虞翻 đời Tam Quốc đặt ra, căn cứ vào câu trong Văn Ngôn của quẻ Càn: "Sáu hào phát huy biến động, bàng thông tình lý sự vật." (Lục hào phát huy, bàng thông tình dã. 六爻發揮, 旁通情也). Hai quẻ sáu vạch gọi là bàng thông với nhau khi một hào ở quẻ này là Dương thì hào tương ứng ở quẻ kia là Âm; ở quẻ này là Âm thì ở quẻ kia là Dương. Tất cả có ba mươi hai cặp quẻ bàng thông với nhau. Khổng Dĩnh Đạt đời Đường gọi *bàng thông* là *biến* 變, Lai Tri Đức 來知德 đời Minh gọi là *thác* 錯. *Điên đảo* 顛倒 (cũng gọi là *phản đối* 反對 hay *phúc* 覆 hay *tống* 綜), tức là xoay ngược quẻ lại 180°. Khổng Dĩnh Đạt nói sáu mươi bốn quẻ tạo thành ba mươi hai cặp nếu không *phúc* 覆 thì *biến* 變. Như quẻ Truân ䷂ xoay ngược lại là quẻ Mông ䷃. Có tất cả hai mươi tám cặp *điên đảo* (Khổng Dĩnh Đạt gọi là *phúc* 覆, Lai Tri Đức gọi là *tống* 綜).

Tóm lại, Dịch Truyện có bảy loại, gồm mười thiên (gọi là Thập Dực).

**LÊ ANH MINH**

# GHI CHÚ VỀ CÁC HÀO TRONG QUẺ DỊCH

**LÊ ANH MINH**

## 1. HÀO

Hào 爻 là vạch, có thể là vạch liền (hào dương) hoặc vạch đứt (hào âm). Hào dương gọi là hào cửu (9). Hào âm gọi là hào lục (6).

Về cách gọi hào dương là cửu (9), hào âm là lục (6), *Chu Dịch Bản Nghĩa* của Chu Hy giảng ở hào sơ quẻ Càn: *"Dương số cửu vi lão, thất vi thiếu, lão biến nhi thiếu bất biến, cố vị dương hào vi cửu."* 陽數九爲老，七爲少，老變而少不變，故謂陽爻爲九. (Số dương thì 9 là Lão Dương, số 7 là Thiếu Dương; lão biến nhưng thiếu không biến; do đó gọi hào dương là 9.) Ở hào sơ quẻ Khôn, Chu Hy giảng: *"Lục, âm hào chi danh. Âm số lục lão nhi bát thiếu, cố vị âm hào vi lục dã."* 六, 陰爻之名. 陰數六老而八少, 故謂陰爻爲六也. (Số 6 là tên hào âm. Số âm thì 6 là Lão Âm còn 8 là Thiếu Âm; do đó gọi hào âm là 6.) [1]

[1] Trong bói Dịch, ta tách bó cỏ thi ba lần thì được một hào, thao tác mười tám lần thì được một quẻ kép. Khi thao tác ba lần, kết quả các que (cọng cỏ thi) có thể là 9, 6, 7, 8. Theo đó:
9 ─0─ Lão Dương (động; sẽ biến thành ─ ─)
6 ─X─ Lão Âm (động; sẽ biến thành ──── )
7 ──── Thiếu Dương (tĩnh)
8 ─ ─ Thiếu Âm (tĩnh)
Sau khi ta gieo được một quẻ (gọi là *bản quái* 本卦), trong đó có một hay vài hào động (Lão Dương 9, Lão Âm 6). Hào động sẽ biến thành hào tương ứng (dương thành âm, âm thành dương) và cho ta một quẻ mới (gọi là *chi quái* 之卦 hay *biến quái* 變卦). Về cách lập quẻ bói, xem *Hệ Từ Thượng* (9-3).

Chữ hào 爻 gồm hai chữ 乂 chồng lên nhau, ngụ ý sự giao nhau, như *Thuyết Văn Giải Tự* của Hứa Thận giảng: *"Hào, giao dã; tượng Dịch lục hào đầu [tương] giao dã."* 爻, 交也; 象易六爻頭 [相] [2] 交也. (Hào là giao, tượng trưng sự giao nhau của sáu hào quẻ Dịch.) *Hệ Từ Hạ* (chương 3, tiết 3) chép: *"Hào dã giả, hiệu thiên hạ chi động giả dã."* 爻也者, 效天下之動者也. (Hào [và hào từ] là sự bắt chước cái động của [sự vật trong] thiên hạ.) *Hiệu* 效 là bắt chước, mô phỏng. Cao Hanh (*Chu Dịch Đại Truyện*) nói: "Hào ở đây chỉ sáu hào và hào từ. Sáu hào của các quẻ Dịch đều biến, tức là cái động của hào. Lấy cái động của các hào để bắt chước cái động của sự vật trong thiên hạ; lấy hào từ để chỉ bảo người ta hành động."

Ba hào tạo thành quẻ đơn (*đơn quái* 單卦 ). Có tám quẻ đơn: Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn. Sáu hào tạo thành quẻ kép (*trùng quái* 重卦). Có sáu mươi bốn quẻ kép. Quẻ kép do hai quẻ đơn chồng lên nhau. Quẻ đơn ở dưới gọi là: *hạ quái* 下卦, *nội quái* 內卦, *bản quái* 本卦, *trinh quái* 貞卦. Quẻ đơn ở trên gọi là: *thượng quái* 上卦, *ngoại quái* 外卦, *chi*

[2] Học giả đời Thanh là Từ Hạo 徐灝 (1809-1879) trong *Thuyết Văn Giải Tự Chú Tiên* 說文解字注箋 nói: Chữ *đầu* 頭 nghi là chép nhầm chữ *tương* 相. *Đầu giao* 頭交 nên đọc là *tương giao* 相交. (*Chú tiên / chú sớ* là chú của chú. Đoàn Ngọc Tài với *Thuyết Văn Giải Tự Chú* chú Hứa Thận. Từ Hạo với *Thuyết Văn Giải Tự Chú Tiên* chú Đoàn Ngọc Tài.)

*quái* 之卦, *hối quái* 悔卦.[3]

## 2. VỊ TRÍ SÁU HÀO

Vị trí của hào (*hào vị* 爻位) tính từ dưới lên, nên sáu hào quẻ kép có thứ tự là: Hào sơ (1), hào nhị (2), hào tam (3), hào tứ (4), hào ngũ (5), hào thượng (6).

Hào dương ở sáu vị trí là: Sơ cửu (1), cửu nhị (2), cửu tam (3), cửu tứ (4), cửu ngũ (5), thượng cửu (6).

Hào âm ở sáu vị trí là: Sơ lục (1), lục nhị (2), lục tam (3), lục tứ (4), lục ngũ (5), thượng lục (6).

Sáu hào của quẻ kép ứng với Tam Tài (thiên-nhân-địa): Hào 1 và 2 ứng với địa; hào 3 và 4 ứng với nhân; hào 5 và 6 ứng với Thiên. Thí dụ quẻ Càn:

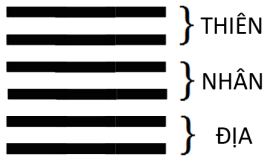

BÁT THUẦN CÀN

## 3. SỐ LẺ & SỐ CHẴN

Số lẻ (*cơ số* 奇數): 1, 3, 5, 7, 9, … là số dương. Số chẵn (*ngẫu số* 偶數): 2, 4, 6, 8, 10, … là số âm.[4] Vì số lẻ là dương, số chẵn là âm, nên vị trí sáu hào cũng có vị trí âm và dương. Hào sơ (hào 1), hào 3, hào 5 có vị trí dương (dương vị 陽位). Hào 2, hào 4, hào thượng (hào 6) có vị trí âm (âm vị 陰位).

## 4. ĐÁNG VỊ (ĐẮC VỊ) & BẤT ĐÁNG VỊ (THẤT VỊ)

*Đáng vị* 當位 (*đắc vị* 得位) là khi hào dương ở vị trí dương (sơ, 3, 5) và hào âm ở vị trí âm (2, 4, thượng). Đáng vị (đắc vị) là tốt (*cát* 吉), tượng trưng sự vật phát triển theo chính đạo. Trái lại, khi hào dương ở vị trí âm và hào âm ở vị trí dương, thì gọi là *bất đáng vị* 不當位 (*thất vị* 失位). Bất đáng vị (thất vị) là xấu (*hung* 凶), tượng trưng sự vật phát triển không theo chính đạo. Thí dụ:

Quẻ 63 (Ký Tế), sáu hào đều đắc vị (đáng vị): ䷾.

Quẻ 64 (Vị Tế), sáu hào đều thất vị (bất đáng vị): ䷿.

## 5. ĐẮC TRUNG & ĐẮC CHÍNH

Vị trí 2 và 5 gọi là *trung*, tức là ở trung tâm của nội quái và ngoại quái. Hào âm hay dương ở vị trí 2 và 5 đều gọi là *đắc trung* 得中 (*cư trung* 居中). Hào dương có tính cương (cứng rắn) nên khi đắc trung thì gọi là *cương trung* 剛中. Hào âm có tính nhu (mềm mại) nên khi đắc trung thì gọi là *nhu trung* 柔中.

Hào âm ở vị trí 2 (tức hào lục nhị) được xem là *đắc trung*

---

[3] *Bản quái* và *chi quái* ở đây là quẻ đơn (ba hào), không phải là quẻ kép (sáu hào) khi lập quẻ bói.

[4] Hà Đồ có mười số, gồm năm số dương hay số trời (1, 3, 5, 7, 9) và năm số âm hay số đất (2, 4, 6, 8, 10). Tổng cộng số trời là: 1+3+5+7+9 = 25. Tổng cộng số đất là: 2+4+6+8+10 = 30. Cả thảy số trời và số đất là: 25+30 = 55. Các số trời phân bố ở năm vị trí trên Hà Đồ cũng như trên Lạc Thư. Các số đất cũng phân bố ở năm vị trí. Khi chúng được phân bố trên Lạc Thư, mỗi số có số đối ứng của nó, và tổng hai số là 10. Giản lược Lạc Thư bằng một ma phương, ta thấy rõ: 1+9 = 2+8 = 3+7 = 4+ 6 = 5+5 = 10. Cho nên mới nói "*mỗi số có số hợp với nó*". Tổng ba số theo hàng, theo cột, theo đường chéo đều bằng 15 (tượng trưng cho Thái Cực): 4+9+2 = 3+5+7 = 8+1+6 =4+3+8 = 9+5+1 = 2+7+6 = 4+5+6 = 2+5+8 = 15.

và *đắc chính* 得正; nếu ở vị trí 5 (tức hào lục ngũ) chỉ *đắc trung* mà không *đắc chính*.

Hào dương ở vị trí 2 (tức hào cửu nhị) được xem là *đắc trung* nhưng không *đắc chính;* nếu ở vị trí 5 (tức hào cửu ngũ) thì *đắc trung* và *đắc chính.*

Vị trí 5 trong quẻ là vị trí của vua (*quân vị* 君位), năm vị trí còn lại là của bầy tôi (*thần vị* 臣位). Do đó trong văn học cổ khi nói "cửu ngũ" là ám chỉ vua hay ngôi vua.

Trong quẻ Ký Tế ䷾, lục nhị và cửu ngũ đều *đắc trung* và *đắc chính*.

Trong quẻ Vị Tế ䷿, cửu nhị và lục ngũ *đắc trung* nhưng không *đắc chính*.

### 6. HÀO ĐỀ & HÀO TỪ

*Hào đề* 爻題 là chỉ hào âm hay dương ở sáu vị trí. Thí dụ *hào đề* của quẻ Ký Tế ䷾ là: Sơ cửu, lục nhị, cửu tam, lục tứ, cửu ngũ, và thượng lục.

Trong phần Kinh, mỗi hào của một quẻ đều có một lời giải thích ý nghĩa, gọi là *hào từ* 爻辭.

Thí dụ quẻ Ký Tế ䷾:

| Hào vị | Hào đề | Hào | Hào từ |
|---|---|---|---|
| Thượng | Thượng lục | Âm | 濡其首. 厲. Nhu kỳ thủ. Lệ. |
| Ngũ | Cửu ngũ | Dương | 東鄰殺牛. 不如西鄰之禴祭. 實受其福. Đông lân sát ngưu. Bất như Tây lân chi thược tế. Thực thụ kỳ phúc. |
| Tứ | Lục tứ | Âm | 繻有衣袽. 終日戒. Nhu hữu y như. Chung nhật giới. |
| Tam | Cửu tam | Dương | 高宗伐鬼方. 三年克之. 小人勿用. Cao Tông phạt Quỷ Phương. Tam niên khắc chi. Tiểu nhân vật dụng. |
| Nhị | Lục nhị | Âm | 婦喪其茀. 勿逐. 七日得. Phụ táng kỳ phất. Vật trục. Thất nhật đắc. |
| Sơ | Sơ cửu | Dương | 曳其輪. 濡其尾. 无咎. Duệ kỳ luân. Nhu kỳ vĩ. Vô cữu. |

### TÓM TẮT

**1. Hào** 爻 có thể là hào dương (hào cửu) hay hào âm (hào lục).

**2. Hào vị** 爻位 (vị trí của hào) tính từ dưới lên: Hào sơ (1), hào nhị (2), hào tam (3), hào tứ (4), hào ngũ (5), hào thượng (6).

Hào dương ở sáu vị trí là: Sơ cửu (1), cửu nhị (2), cửu tam (3), cửu tứ (4), cửu ngũ (5), thượng cửu (6).

Hào âm ở sáu vị trí là: Sơ lục (1), lục nhị (2), lục tam (3), lục tứ (4), lục ngũ (5), thượng lục (6).

**3.** Sáu hào của quẻ kép ứng với Tam Tài 三才 (thiên-nhân-địa): Hào 1 và 2 ứng với địa; hào 3 và 4 ứng với nhân; hào 5 và 6 ứng với thiên.

**4**. **Dương vị** 陽位 (vị trí dương): 1 (sơ), 3, 5. **Âm vị** 陰位 (vị trí âm): 2, 4, 6 (thượng).

**5**. **Quân vị** 君位: Vị trí của vua, ngôi vua, tức hào 5. Thuật ngữ "cửu ngũ" ám chỉ vua hay ngôi vua.

**6**. **Thần vị** 臣位: Năm vị trí của bầy tôi (1, 2, 3, 4, 6).

**7**. **Trung vị** 中位: Vị trí 2 và 5, tức trung tâm của nội quái và ngoại quái.

**8**. **Đắc trung** 得中 (*cư trung* 居中): Hào âm hay dương ở vị trí 2 và 5. Hào dương đắc trung thì gọi là *cương trung* 剛中. Hào âm đắc trung thì gọi là *nhu trung* 柔中.

**9**. **Đắc chính** 得正: Hào âm ở vị trí 2, tức lục nhị. Hào dương vị trí 5, tức cửu ngũ.

**10**. **Đáng vị** 當位 (*đắc vị* 得位): Hào dương ở vị trí dương (1, 3, 5) và hào âm ở vị trí âm (2, 4, 6). Đáng vị (đắc vị) là tốt (*cát* 吉), tượng trưng sự vật phát triển theo chính đạo.

**11**. **Bất đáng vị** 不當位 (*thất vị* 失位): hào dương ở vị trí âm hay hào âm ở vị trí dương. Bất đáng vị (thất vị) là xấu (*hung* 凶), tượng trưng sự vật phát triển không theo chính đạo.

**12**. **Hào đề** 爻題: Hào âm hay dương ở sáu vị trí. Thí dụ: Sơ cửu, lục nhị, cửu tam, lục tứ, cửu ngũ, thượng lục.

**13**. **Hào từ** 爻辭: Lời giải thích ý nghĩa mỗi hào của quẻ thuộc phần Kinh.

**Từ vựng / Glossary**

cư trung 居中: *Yang/yin line at position 2 and 5; line in the proper place*.
cương trung 剛中: *Yang line at position 2 and 5*.
cửu ngũ 九五: *9 for the fifth place; 9 in the fifth place*.
cửu nhị 九二: *9 for the second place; 9 in the second place*.
cửu tam 九三: *9 for the third place; 9 in the third place*.
cửu tứ 九四: *9 for the fourth place; 9 in the fourth place*.
đắc chính 得正: *The line gets correctness, i.e., 6 for the second place and 9 for the fifth place*.
đắc trung 得中: *Yang/yin line at position 2 and 5; line in the proper place*.
hào 爻: *line*
hào âm (*âm hào* 陰爻): *Yin line, broken line*.
hào cửu: *The ninth line*.
hào dương (*dương hào* 陽爻): *Yang line, unbroken line*.
hào lục: *The sixth line*.
hào ngũ: *The fifth line*.
hào nhị: *The second line*.
hào sơ: *The bottom line*.
hào tam: *The third line*.
hào thượng: *The top line*.
hào tứ: *The fourth line*.
hào từ 爻辭: *Line text*.
lục ngũ 六五: *6 for the fifth place; 6 in the fifth place*.

lục nhị 六二: *6 for the second place; 6 in the second place*.
lục tam 六三: *6 for the third place; 6 in the third place*.
lục tứ 六四: *6 for the fourth place; 6 in the fourth place*.
nhu trung 柔中: *Yin line at position 2 and 5*.
quẻ đơn (*đơn quái* 單卦): *Trigram*.
quẻ đơn ở dưới (*hạ quái* 下卦, *nội quái* 內卦, *bản quái* 本卦, *trinh quái* 貞卦): *Lower trigram*.
quẻ đơn ở trên (*thượng quái* 上卦, *ngoại quái* 外卦, *chi quái* 之卦, *hối quái* 悔卦): Upper *trigram*.
quẻ kép (*trùng quái* 重卦): *Hexagram*.
số chẵn (*ngẫu số* 偶數): *Even number*.
sơ cửu 初九: *9 for the bottom place; 9 at the beginning*.
số lẻ (*cơ số* 奇數): *Odd number*.
sơ lục 初六: *6 for the bottom place; 6 at the beginning; 1 yin*.
Tam Tài 三才: *The Three Powers; the heaven-earth-Human Trinity*.
thượng cửu 上九: *9 for the top place; 9 at the top*.
thượng lục 上六: *6 for the top place; 6 at the top*.
vị trí âm (*âm vị* 陰位): *Yin position*.
vị trí dương (*dương vị* 陽位): *Yang position*.
vị trí hào (*hào vị* 爻位): *Line position*. ■

# BÀI CA DAO ĐẤT TRỜI

Trên trời có đám mây trôi
Cười ra nước mắt xuống đời mưa ngâu
Trên trời có con sông sâu
Đêm đêm ông lữ buông câu ngân hà

Quê nghèo có một mẹ già
Năm xưa lặng lẽ theo cha về trời
Có con chim sáo kiệm lời
Buồn ngơ buồn ngẩn nhìn trời lặng thinh

Có con trâu lội đất sình
Hạt cơm tháng chạp trắng tinh đáy nồi
Có đôi dép cũ chị ngồi
Ru em mòn bốn tao nôi nhọc nhằn

Có cây lúa mọc đất cằn
Cuống rơm cuống rạ đêm trăng bật cười
Có trời xanh, có hoa tươi
Xưa cha ông mượn đất người bước lên.

**HUỲNH VĂN MƯỜI**

# ÁO TRẮNG

Xin trả lại con đường xưa lá đổ
Để thu về tôi nhặt lá ươm thơ
Hái tặng em một chùm hoa mới nở
Tưởng đã quên, sao nhớ đến bây giờ

Em phố thị với má hồng mắt biếc
Tôi quê mùa quần bạc hết màu xanh
Em ngỏ ý, tôi dại khờ không biết
Để sau này lại nhớ quẩn thương quanh

Cái thuở đó tới nay dài hay ngắn
Ngắn dài chi cũng chỉ một đời thôi
Hãy giữ mãi cho nhau màu áo trắng
Của học trò và của Đạo, em ơi!

**TRẦN DÃ SƠN**
*25-5-2021*

# VÔ TÌNH

Có phải mùa thu về bên đó
Những nàng con gái mắt long lanh
Vô tình chàng trẻ ngang qua ngõ
Chân muốn bước đi, dạ chẳng đành

Nhớ mãi ngày nào còn đi học
Sân trường lác đác lá me bay
Vô tình một sáng mùa thu đến
Khúc khích ai cười sau nhánh tay

Thời gian gặm nhấm mòn tuổi tác
Sách vở vô tình đứng lặng thinh
Trên bàn chuông mõ nhìn nhau tủi
Thẫn thờ ông lão giở trang kinh.

**TRẦN DÃ SƠN** (*2021*)

# CÂY ỚT HIỂM

**NGUYỄN QUỐC HUÂN**

Cây ớt hiểm ấy mọc chen chít trong lùm hàng rào dâm bụt sau vườn nhà tôi, cùng với các cây cỏ dại khác.

Buổi chiều, tôi thường ra vườn tưới cây, thấy cây ớt ở đó nhưng không chú ý lắm. Trái thì nhiều, đỏ choắt, líu chíu chĩa lên trời nhưng nhỏ chút chụt. Tiện tay thì xịt cho nó chút nước, vướng víu quá thì thôi. Cũng chẳng hơi đâu mà đứng đó hái trái của nó. Lằn mằn lắm, biết đến bao giờ mới hái được bụm ớt.

Ngày giãn cách xã hội vì dịch bệnh bắt đầu, cả tháng trời đóng cửa im ỉm cũng chẳng sao. Mảnh vườn bé xíu khoảng năm mươi mét vuông đủ sức cung cấp rau cỏ hàng ngày cho hai vợ chồng già. Nhưng bữa cơm nào cũng thấy thiêu thiếu trái ớt cay tăng cảm giác ngon miệng. Mọi khi thì cứ quen dùng ớt to trái, tươi rón, mướt rượt mua ở chợ hoặc các loại hũ ớt dầm chua ngọt, chai tương ớt bán trong siêu thị.

Bình thường thì thôi, trong cái khó lại nhớ đến nó, cái cây ớt hiểm lút lấp sau vườn ấy. Tưởng chỉ có mình ra thăm cây ớt, nào ngờ còn có cả mấy con chim chóp mũ tíu tít ới nhau xòe lên cụp xuống quanh cây ớt, rỉa rót ngon lành từng chùm chỉ thiên đang phơi nắng. Chúng nó làm như cố ăn ớt để nhanh biết nói tiếng người không bằng.

Thấy bóng tôi ra, chúng dáo dác tản lên, núp vào mấy tàn cây bơ, cây điều gần đó. Yên tâm đi, có ai làm gì chúng mầy đâu. Tao chỉ hái mấy trái ớt thôi mà. Vừa hái ớt vừa nghĩ: "Mình cũng nhục! Làm cái thằng người to đùng như vầy mà đi tranh ăn với mấy con chim bé tí."

Ớt cay cay ớt gẫm mà cay
Muối mặn ba năm muối mặn dai
Túng lúi đi chơi nên tấp lại
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

**A Ă Â** (*hạ tuần tháng 7 Ất Sửu, 1925*)

Bữa sau, vợ tôi ra vườn, lúc vào nói: "Sao anh không hái cho hết mấy trái ớt! Chín đỏ rực, chim ăn hết cả kia kìa!"

Tôi cười: "Có phải mình trồng đâu. Lũ chim trồng đó. Chúng nó ăn nơi nào, đem hạt về gieo rắc trong vườn thôi. Không có chúng nó thì làm sao có cây ớt mọc trong vườn mình. Chỉ xin vài trái, ăn ké chúng nó chút đỉnh là quý rồi. Tham làm gì!"

Vậy thôi. Đôi khi, có khó một chút mới ngó lại, mới thấy mọi điều diễn ra chung quanh mình cứ tắp lự mà mình không hề hay biết, dù là nhỏ nhít nhất.

Cây ớt hiểm nhưng hiền lành kia cứ chen chỗ chật mà sống, mà cho trái. Cứ xanh non rồi đỏ đỏ, mà ròi rọi với nắng mưa. Nó đâu có cần biết chim ăn hay tôi ăn. Bầy chim chóp mũ vẫn đi về khu vườn bé xíu của tôi mà tôi nào có hay.

Mọi chuyện sẽ trở nên dễ thương, dễ sống hơn khi ta chú ý nhìn sâu vào từng chuyển biến trong từng khoảnh khắc vô thinh đang vận hành, dù chỉ là con chim bé tí, lùm cây dại.

**NGUYỄN QUỐC HUÂN**
*Bà Rịa - Vũng Tàu, 11-8-2021*

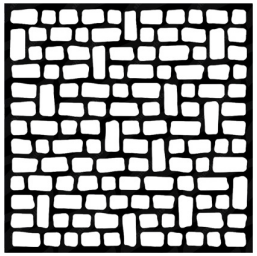

# NHỮNG BẬC THỀM XƯA

Ừ thôi những bậc thềm xưa
Ngồi trông năm tháng nắng mưa nhạt nhòa
Ừ thôi cát bụi bốn mùa
Cũng gây thương tích lòng ta nữa rồi

Còn đây hương vị cuộc đời
Những cay chua với ngọt bùi song song
Ừ thôi tiếng khóc vỡ lòng
Vào đời chung chịu nghiệp hồng đa đoan

Ta nằm gối mộng trần gian
Thềm hoang heo hắt chút vàng võ thân
Bây giờ ngày tháng phân vân
Đường xa mỏi mệt dấu chân lữ hành

Ngước nhìn lên ngọn lá xanh
Nắng mai mới nở long lanh nụ hồng
Nắng ơi! Có biết gì không
Rằng ta còn giữ trong lòng thềm xưa.

**TRẦN DÃ SƠN**
*Đắc Lắc, tháng 10-2021*

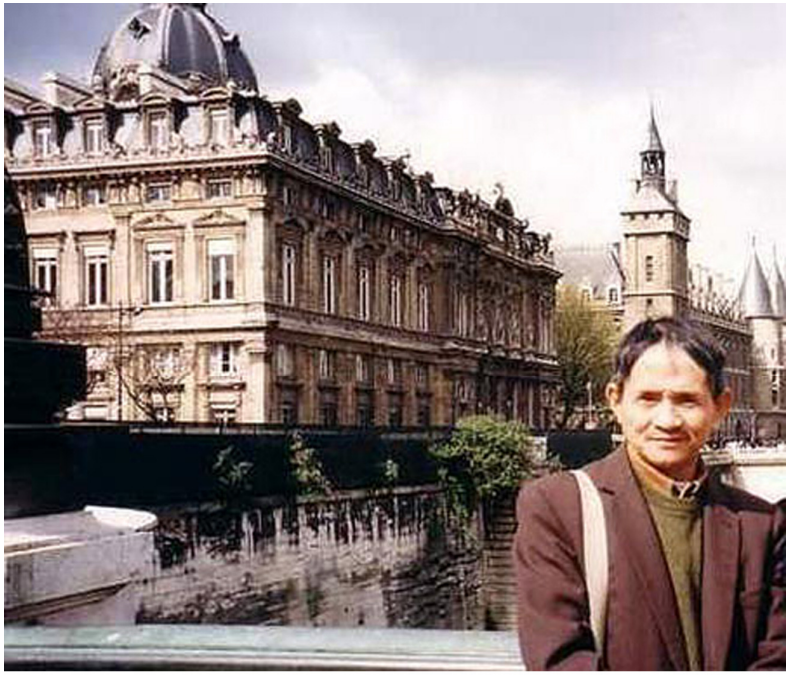

Thầy Thanh Tuệ. Ảnh mượn từ *https://dutule.com*

# THOÁNG CHÚT DUYÊN VỚI THẦY THANH TUỆ – AN TIÊM

**HUỆ KHẢI**

**1.**

Tôi gọi Thanh Tuệ là "thầy" theo cái nghĩa được Huình Tịnh Paulus Của giảng trong *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị* (Tome II, Sài Gòn, 1896), đó là "tiếng xưng tặng kẻ học hành, tài đức."

Nói tới thầy Thanh Tuệ là liên tưởng ngay tới nhà xuất bản An Tiêm, và ngược lại. Vì vậy, tôi viết "Thanh Tuệ - An Tiêm"; cái gạch nối tự nó đủ nói lên tất cả những gì gắn bó chặt chẽ giữa thầy Thanh Tuệ và nhà xuất bản danh tiếng, uy tín do thầy sáng lập, có độ mười năm (1965-1975) hoạt động ở Sài Gòn.

Tôi biết danh tiếng thầy Thanh Tuệ rất sớm, bởi lẽ từ thuở mười ba, mười bốn tuổi đã hay la cà ở các tiệm sách để tìm mua khá nhiều tác phẩm do An Tiêm xuất bản và sung sướng mang về đọc. Nói rằng tôi thích sách An Tiêm rất sớm và phải tự tìm mua chớ không thể mượn sách của ai là có duyên có cớ hẳn hoi.

Hồi mười tuổi học lớp Nhứt (sau gọi lớp Năm) ở trường tiểu học Mỹ Luông (xã Mỹ Luông, quận Chợ Mới, tỉnh An Giang), tôi đọc *Tuổi Hoa* do ba tôi (thầy giáo trường làng Mỹ Luông) đặt mua. Linh mục Chân Tín (dòng Chúa Cứu Thế) làm chủ nhiệm bán nguyệt san này, và tòa soạn đặt tại nhà dòng (số 38 đường Kỳ Đồng, quận 3, Sài Gòn). Năm sau, ba tôi thuyên chuyển lên Sài Gòn, thì tôi học đệ Thất (sau gọi lớp Sáu) trường trung học Hồ Ngọc Cẩn (số 1A đường Lê Quang Định, Gia Định) và vẫn còn đọc Tuổi Hoa đều đặn. Nhưng đến năm lớp Tám (đệ Ngũ) thì tôi không còn mặn mà bán nguyệt san này nữa vì đã trở thành bạn đọc trung thành của bán nguyệt san *Văn*, và tạp chí *Tân Văn*, rồi thêm các sách thật hay bán với giá rất bình dân do tạp chí Văn xuất bản hằng tháng (mang tên *Văn Uyển*); tất cả đều do hai ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút) và Trần Phong Giao (thơ ký tòa soạn) quán xuyến. Lúc này ba tôi để tôi tự tìm sách báo đọc, và tôi hoặc xin tiền má, hoặc dành

dụm tiền ăn sáng để nuôi dưỡng thú đọc sách báo của mình. Báo Văn với các bài điểm sách, mục giới thiệu sách được các nơi gởi tặng, và các mẩu quảng cáo sách đã bắc cầu cho tôi đến với các tác giả tên tuổi cũng như các nhà xuất bản uy tín, trong đó có An Tiêm. Từ năm lớp Tám tới lớp Mười Hai, đám bạn học của tôi đâu có ai đọc như tôi, thành thử tôi phải dành dụm tiền mua sách báo mà đọc, chớ không mượn của ai được cả. Nhờ vậy tôi sớm tạo cho mình một tủ sách giá trị, và một vài bạn thân hay mượn về đọc.

Sách An Tiêm in đẹp và kỹ, nhiều người khen là sạch lỗi mo-rát (*morasse*), nhưng vẫn có ngoại lệ. Tôi nhớ năm 1969, buổi sáng tôi đạp xe từ Bà Chiểu ra Sài Gòn học thêm tiếng Anh ở trường tư Nguyễn Ngọc Linh (đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3); chưa tới giờ vào lớp, tôi thả ra đường Lê Văn Duyệt, ghé nhà sách Đoàn Văn ngắm nghía rồi mua ngay cuốn *Giáp Mặt Cuộc Đời* của Krishnamurti, do Nguyễn Minh Tâm và Đào Hữu Nghĩa dịch, An Tiêm xuất bản. Cuốn sách dày 288 trang kèm theo một tờ rời đính chính liệt kê chi chít lỗi in sai. Báo hại, tối hôm đó tôi ngồi dò theo tờ rời, cặm cụi sửa hết các lỗi; xong xuôi, còn cẩn thận dán luôn tờ đính chính vào mặt trong bìa lưng sách có tay gấp.

Hồi đó tôi chưa biết ông chủ nhà xuất bản An Tiêm thế danh là Trương Phú, nguyên quán Bình Định, sinh năm 1936 tại Đơn Dương, Đà Lạt; chỉ biết đấy là Đại Đức Thích Thanh Tuệ. Bởi thế, tôi rất ngạc nhiên và thú vị khi thấy nhiều sách văn học được thầy chọn in có nhiều câu chữ vượt ngoài "quy phạm" nhà chùa, chẳng hạn như một số bài thơ của Bùi Giáng, hoặc thơ lẫn truyện ngắn của Nguyễn Đức Sơn. Nhưng có lẽ chính vì vậy mà tôi mới khoái sách An Tiêm hơn sách Lá Bối của Đại Đức Thích Từ Mẫn (Võ Thắng Tiết).

Thế rồi một cơn gió bụi. Tôi nghe được một vài mẩu tin rời rạc, biết thầy phải chịu lắm nỗi phong trần, và đã sang Pháp, rồi tái lập An Tiêm như một cái nghiệp đeo đẳng.

**2.**

Ông Lê Thanh Thái thường được biết tới qua hai bút danh Lê Phương Chi và Thái Tâm Canh. Ông sinh năm 1926, lớn tuổi hơn ba tôi nhưng mến tôi, bắt phải xưng hô là "anh, em." Ông bảo cùng trong giới cầm bút viết lách thì không có chuyện "bác, cháu" nữa; tôi mà cãi thì ông nghỉ chơi. Hồi đó ông đang ngụ tại cư xá Lữ Gia, quận 11; tôi có tới thăm mấy lần, nhà đầy sách.

Một hôm, đâu khoảng năm 2002 gì đó, ông Thái gọi điện thoại hỏi: "Dũng à, em có biết anh Thanh Tuệ không?" Tôi đáp rằng chỉ biết danh ông chủ nhà xuất bản An Tiêm chớ không biết mặt. Ông Thái cho biết thầy bên Pháp mới về Sài Gòn, có chút việc nên muốn gặp tôi và nhờ ông liên lạc. Tôi ngạc nhiên nhưng thấy vui vui, bèn hẹn gặp ông Thái và thầy Thanh Tuệ ngay chiều hôm đó tại quán chay Thái Nhân ở con hẻm trên đường Nguyễn Đình Chiểu, ngó qua bên kia là đường Bàn Cờ.

Buổi chiều y hẹn, tôi tới lúc quán đang vắng vẻ. Từ cửa bước vô, tôi thấy ở cái bàn phía bên trái có một ông mặc áo gió xam xám đang ngồi day lưng vô tường, chăm chú đọc quyển gì đó. Tôi chọn đại một cái bàn trống phía bên phải, cách xa xa người lạ kia, và ngồi chờ ông Thái đưa thầy Thanh Tuệ tới. Cậu phục vụ sốt sắng bước tới chào nhưng tôi cảm ơn, nói còn chờ đủ người mới gọi món.

Ông Thái tới trễ, mà đi một mình. Tôi nghĩ bụng, không lẽ trục trặc vào giờ chót. Nhưng vừa bước qua ngưỡng cửa, ông liền cất tiếng chào và tôi ngỡ ngàng biết rằng người ngồi bàn bên kia chính là thầy Thanh Tuệ. Tôi bước qua chào thầy, ông Thái tới bắt tay thầy, rồi cả ba cùng ngồi xuống trò chuyện. Ông Thái mau mắn bảo tôi cứ xưng hô với thầy Thanh Tuệ là "anh, em" cho thân mật. Nghe vậy, thầy mỉm cười.

Ông chủ An Tiêm ngạc nhiên một cách vui sướng khi biết tôi sớm hâm mộ sách An Tiêm từ thuở mười ba, mười bốn tuổi. Chẳng hạn, tôi kể hồi nhỏ đã thích tập truyện *Đêm Dậy Thì* của Nhã Ca, rất lãng mạn; và tôi ngạc nhiên là thầy tu như Đại Đức Thanh Tuệ mà in cuốn đó. Thầy nở nụ cười, chậm rãi kể rằng lúc ấy nữ sĩ Nhã Ca hai mươi tám tuổi (tuổi ta). Thầy đến nhà nữ sĩ xin một bản thảo để xuất bản và được hẹn ngày. Đúng hẹn, thầy trở lại và nhận được xấp bản thảo kẹp trong tờ bìa sơ-mi (*chemise*). Nhìn ba chữ Đêm Dậy Thì trên bìa, thầy hơi giựt mình. Mang về đọc, thấy hay, và thầy liền trở lại gặp tác giả để ký hợp đồng.

Câu chuyện cứ thế rôm rả bên bàn ăn. Không góp chuyện, ngay từ đầu ông Thái đã nói: "Bữa nay tôi để cho hai anh em mặc sức tâm tình." Sau cùng đi vào trọng tâm là mục đích buổi gặp nhau. Thầy Thanh Tuệ cho biết vợ thầy bên Pháp thích cuốn *Giải Mã Truyện Tây Du* của tôi, dặn thầy lần này về Sài Gòn hãy tìm tác giả để xin in lại bên đó. Thầy hỏi thăm mấy anh em văn nghệ cũ ở Sài Gòn, may đâu ông Thái biết tôi nên giới thiệu.

Tôi không rõ vợ thầy đọc bản in năm nào. Đây là sách đầu tay của tôi, in năm 1993. Năm 1995 tái bản có sửa chữa và bổ sung. Bản in năm 2000 ở nhà xuất bản Trẻ cũng tiếp tục được tăng bổ và sửa chữa. Tôi hứa về nhà sẽ chép vô *floppy disk* bản in năm 2000 thì thầy khỏi mất công nhờ người gõ lại.

Thầy Thanh Tuệ vui vẻ gật đầu, và muốn bàn tới việc ký hợp đồng. Tôi cười, xin thầy khỏi bận tâm về hợp đồng, vì một cái tên Thanh Tuệ với tôi là đảm bảo quá rồi. Tôi nói thêm rằng nghe đâu người Việt in sách bên Tây dường như khá chật vật; vì vậy thầy cứ tùy duyên xuất bản, nếu may ra có dư chút đỉnh, thầy tính cho tôi sao cũng được, bằng không, coi như làm văn nghệ cho vui. Giọng thầy nhẹ nhàng: "Cảm ơn Dũng."

Ông Thái và thầy Thanh Tuệ đều mang theo máy ảnh. Ba người chúng tôi chụp với nhau vài tấm. Sau đó, chẳng ai gởi ảnh cho tôi mà tôi cũng không hỏi ông Thái.

Bên ngoài trời đã sụp tối, tôi hỏi thầy Thanh Tuệ về đâu, tính đi cách nào. Thầy cho biết đang ở tạm nhà người thân, gần chùa Long Vân trên đường Bạch Đằng bên Bình Thạnh, và sẽ kêu xe ôm. Hồi trước tôi ở Bà Chiểu nhiều năm nên biết chùa này, vì vậy tôi ngỏ ý chở thầy về. Thầy ngại, từ khước: "Dũng đừng mất công. Tôi đi xe ôm cũng tiện mà." Tôi thuyết phục rằng nên để tôi chở thầy về, dọc đường còn có thể trò chuyện thêm; hơn nữa, tôi cần biết chỗ thầy ở để sáng hôm sau còn trở lại gởi cái dĩa chép bản thảo. Thỏa thuận như vậy là ổn. Hồi đó chưa bắt buộc phải đội nón bảo hiểm.

Sáng hôm sau, từ Phú Nhuận tôi mang một floppy disk trở lại gặp thầy bên Bình Thạnh, và ký tặng thầy một quyển *Giải Mã Truyện Tây Du* (in tại nhà xuất bản Trẻ). Tôi mời thầy đi

ăn sáng và uống cà phê nhưng thầy cảm ơn, nói sắp có hẹn. Thầy bảo thời gian ở Sài Gòn bị eo hẹp, cần làm xong một số việc trước khi lên máy bay trở qua Pháp; do đó, thầy từ giã tôi luôn vì e không có dịp gặp lại. Tiễn tôi ra cửa, thầy nói hễ in sách tôi xong sẽ liên lạc ngay.

**3.**

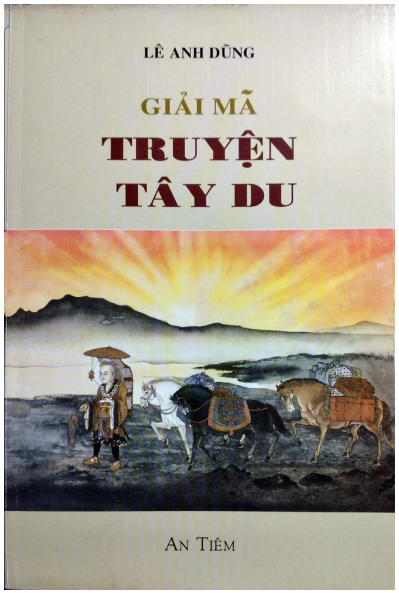


Thầy Thanh Tuệ về Pháp và bẵng luôn, không liên lạc với tôi. Tôi chẳng để tâm, tuy nhiên ông Thái một hôm gọi điện thoại hỏi thăm xem có tin tức chi không. Thế rồi đột ngột qua Internet, tôi bàng hoàng biết rằng khi từ Pháp sang Mỹ để lo việc xuất bản tại Orange County, Nam California, thầy Thanh Tuệ đã vì bịnh mạn tính mà qua đời ngày 16-8-2004, lúc 7 giờ 30 tối, thọ 68 tuổi. Tin tức cho biết sau khi hỏa táng, di cốt của thầy sẽ được gia đình mang về Việt Nam, đem gởi vào chùa Già Lam tọa lạc trong một con hẻm trên đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp (giáp ranh quận Bình Thạnh). Và điều ấy đã được thực hiện đúng như thế.

Sau khi xong việc tại chùa Già Lam, vợ thầy liên lạc với tôi, ngỏ ý muốn gặp. Để tiện cho bà về phần xê dịch, tôi nói hãy để tôi tới chỗ bà thì hay hơn. Bà cho địa chỉ, thì cũng chính là ngôi nhà trên đường Bạch Đằng tôi đã chở thầy Thanh Tuệ về vào buổi tối năm 2002.

Tôi được bà trao một phong bì dày màu vàng nghệ, bên trong là một cuốn *Giải Mã Truyện Tây Du*, kẹp thêm mẩu quảng cáo sách An Tiêm cắt ra từ một trang báo ở California. Nhờ đó tôi biết sách tôi được An Tiêm tái bản ở San Jose vào năm 2003, phát hành vào tháng Hai năm 2004, khổ 14x21cm, 196 trang ruột, và bán với giá mười Mỹ kim. Nhà xuất bản An Tiêm đặt ở số 766 S. Second Street, San Jose, CA 95112. Trên trang bìa giả (*title page*) là bốn dòng chữ mực đen viết cẩn thận, mà tôi không biết là thủ bút của ai:

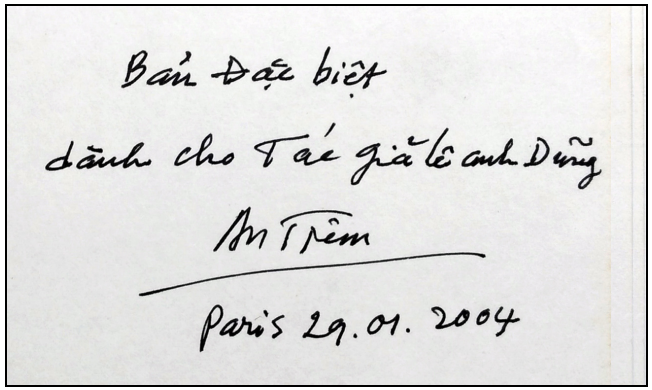


Bà chào tôi, nói mai bay về Pháp. Tôi dắt xe ra về. Một lần gặp nhau ngắn ngủi. Và tất cả chỉ có thế.

*Phú Nhuận, Thứ Sáu 01-10-2021*

**HUỆ KHẢI**
(trích *Nhạt Nắng*)

# NÊN CHÀO CÔNG CHÚNG THẾ NÀO?

**ĐỖ DUY NGỌC**

Những năm gần đây, trên các hệ thống truyền thông cũng như các sân khấu, lễ hội người ta thường nghe các ca sĩ, những người xuất hiện trong chương trình, người giới thiệu chương trình... thường mở đầu bằng câu: "Chào mọi người" hay "Chào cả nhà" hoặc "Chào đại gia đình". Nghe sai sai làm sao ấy. Thiết nghĩ, những câu chào này sử dụng trong nhà, trong bạn bè thân thuộc với nhau thì hợp lý hơn. Ví dụ như trong một buổi họp mặt bè bạn, thân hữu, trong gia đình thay vì chào từng người ta có thể "Chào mọi người" hay "Chào cả nhà". Còn ở một sân khấu trình diễn, trong một *event* [sự kiện], trong một *clip* trên mạng, ta không thể sử dụng những câu chào như thế. Bởi đối tượng thuộc nhiều thành phần, già có trẻ có, quan chức có, thường dân cũng có; khi ta mở lời "Chào mọi người" hay "Mọi người ơi!" nghe có vẻ suồng sã quá, tưởng là thân mật hóa ra xem thường. Ngày trước, trong những trường hợp này, người ta thường dùng câu "Xin chào quý vị", nghe trân trọng và lịch sự. Ở sân khấu trình diễn, có thể sử dụng lời chào "Xin chào quý khán giả", cũng không thiếu thân mật mà kèm theo sự tôn trọng. Có nhiều buổi trình diễn hay lễ lạt, người tham dự đều hai thứ tóc trên đầu, người giới thiệu chương trình nhí nha, nhí nhố chào bằng câu "Chào mọi người", rồi "Mọi người ơi!", "Các bạn ơi!", nghe chối tai quá. Câu "Chào cả nhà", hay "Chào đại gia đình" cũng thế, nó không hợp với hoàn cảnh. Ngữ cảnh là ngôn ngữ cho từng hoàn cảnh. Phải sử dụng cho đúng.

Câu chào với trẻ em lớp mẫu giáo, mầm non phải khác với buổi lễ hoặc sân khấu cộng đồng. Đánh đồng như thế tưởng là hay, hóa ra thiếu văn hóa. Những câu chào này lại đi kèm với những điệu bộ, cử chỉ nhí nhảnh nữa thì khó chấp nhận trong một buổi trình diễn hay lễ hội quan trọng. Còn nhớ, cách đây đã khá lâu, trong một buổi phỏng vấn trực tiếp trên truyền hình, cô phóng viên của đài VTV1 đã gọi bà Mỹ Hoa, lúc đó là Phó Chủ Tịch nước với danh xưng là "chị", thay vì gọi cho đúng phải là "bà". Những cuộc phỏng vấn khác cũng thế, người phỏng vấn thường gọi những người nhỏ tuổi hơn mình là em, là con, là cháu. Nếu đối tượng được phỏng vấn là thiếu niên, là các bé thì chẳng sao. Nhưng xưng chị, xưng anh với những thanh niên đã trưởng thành, có thành tích chừng mực nào đó và gọi họ là em, là cháu thì không thích hợp. Xưng tôi và gọi họ là anh, chị, ông, bà tùy tuổi tác là tốt nhất và bình đẳng nhất. Đó cũng là một nguyên tắc mà các nhà báo nên thực hiện. Những điều kể trên cũng là biểu hiện của văn hóa. Có thể nhiều người cho rằng tôi khắt khe vì đã bước vào tuổi già. Nhưng xưng hô thế nào cho đúng là điều bắt buộc của một người làm truyền thông cũng như người làm công tác báo chí.

*Mượn từ* FB **ĐỖ DUY NGỌC** (*24-11-2020*)
*Nhan đề do Đạo Uyển tạm đặt.*

# CHIẾC KỆ SÁCH CỦA CHA

**TRẦN NHẬT HẠ**

Gia đình tôi sống ở quê, xung quanh là những giồng cát. Mùa mưa cây dại mọc xanh um, mùa nắng thì khô cằn. Từ lâu đời, những thế hệ đi trước sống ở đây và họ trồng hai loại cây hữu dụng, có khả năng chịu hạn cao. Đó là tre và tầm vông.

Lúc sinh thời, cha tôi rất khéo tay. Những vật dụng trong nhà như giường, bàn ăn, ghế ngồi… đều do một tay cha đóng. Ông tỉ mỉ chọn những cây tre, tầm vông già vừa ý, đốn xuống rồi sau đó một mình ngồi "tủn mủn" dăm ba ngày là cho ra đời những món đồ trên. Thời ấy, đồ nhựa, đồ gỗ là món xa xỉ với người nghèo. Những vật dụng từ bàn tay cha, dùng lâu ngày trở thành thân thiết và thường gắn với các thành viên trong gia đình một kỷ niệm nào đấy.

Anh em tôi lớn lên trong những chiếc "xe tập đi" (loại xe có bánh dành cho trẻ mới biết đi lẫm chẫm) bằng tầm vông do chính tay cha làm. Ngày xưa, nhà tôi nghèo, làm gì có đủ tiền mua những chiếc "xe tập đi" được sản xuất sẵn. "Tác phẩm" của cha thật ngộ nghĩnh nhưng luôn mang lại cảm giác an toàn cho anh em chúng tôi. Hơn nữa, nó còn là tình yêu thương mà cha đã chắt chiu cho các con trong điều kiện gia cảnh khó khăn.

Tôi không thể nào quên một kỷ vật mà cha đã để lại cho mình, đến nay đã trên hai mươi năm. Đó là một chiếc kệ sách, cha đóng bằng những cây tầm vông từ năm tôi học lớp chín. Món quà ấy, rất bất ngờ với tôi. Bình thường khi muốn đóng một vật dụng gì trong nhà, cha luôn không cho ai biết trước. Ông tự đi chọn cây và tự đốn một mình. Lần ấy cũng vậy, ông chọn những cây tầm vông "già khú", thẳng băng, đốn xuống và róc sạch, sau đó đem phơi nắng. Tôi cũng thấy cha làm nhưng không chú ý lắm, trong lòng nghĩ ông sẽ đóng thêm một vật dụng gì trong nhà...

Một tuần sau, sản phẩm hoàn thành. Những cây tầm vông xù xì đã được cha tôi vót sạch bóng, bàn tay khéo léo của ông cho ra đời một kệ sách thật đẹp. Khi thấy cái kệ, tôi rất thích và cứ nghĩ, cha đóng để trưng những quyển sách của ông. Nhưng không ngờ, cha gọi tôi lại và nói: "Cho con chiếc kệ này!". Tôi mừng húm và nhanh chóng treo kệ sách trên vách nhà, để sách vở và dụng cụ học tập. Cứ mỗi năm, cha tôi lấy xuống sơn thêm một lớp nước sơn nhằm chống mối mọt và làm cho chiếc kệ luôn mới. Món quà của cha đã khích lệ tinh thần học tập của tôi rất nhiều.

Kệ sách ấy, tôi sử dụng đến giờ. Vẫn bền chắc và mối mọt không rớ tới. Cha tôi mất đã lâu, những kỷ vật trước đây ông đóng, giờ chỉ còn kệ sách mà tôi đang giữ. Trên đó, tôi để những quyển sách mà trước kia cha thường hay đọc và những quyển mà tôi trân quý. Mỗi lần lấy một quyển sách trên kệ ra đọc, tự dưng tôi lại bắt gặp hình ảnh cha lom khom, ngồi chọn cây hay tay cầm cái búa đóng đinh dưới bóng bụi tre già. Hình ảnh ấy, như một ký ức chất chứa bao yêu thương, mãi mãi không phai mờ.

**TRẦN NHẬT HẠ**
(*Trà Vinh*)

# QUÊ NHÀ YÊU DẤU

Đâu biết ra đi là biền biệt
Sao chiều nay bỗng nhớ quê nhà
Có phải khói đồng ai mới đốt
Cay lòng năm tháng khoảng trời xa.

Có phải nỗi buồn như sương khói
Trong ráng chiều hồ dễ phôi pha
Nỗi nhớ quê hương người đã mỏi
Sao vẫn còn đọng lại lòng ta?

Nhớ rặng tre làng trưa gió thổi
Bến sông xưa đò chở em qua
Tình xanh hương lúa đương thì tới
E thẹn cầm tay rất thiệt thà!

Nhớ luống cải ngồng chiều tháng Chạp
Nắng về chấp chới bướm vờn hoa
Bà hong vại cải mùa gió bấc
Cho bữa cơm thêm chút đậm đà.

Nhớ quá! Cũng đành thôi gói lại
Gởi cánh chim ngược bóng nắng tà
Như câu hát ngày xưa mẹ hát
Đường thì xa, tình nghĩa đâu xa.

**HỒ NGẠC NGỮ** (1950-2021)

Ngày lại ngày qua áo nhạt màu
Trên vai nằng nặng một gánh rau
Mẹ đi mưa lạnh rơi bạc tóc
Tôi đứng trông theo lặng cúi đầu

Lâu rồi vắng bóng Mẹ đi về
Mới biết lòng mình nhớ Mẹ quê
Dọ hỏi nghe tin Mẹ đã mất
Chuyện đời ly biệt thấy buồn ghê!

Tôi nhớ ngày xưa bóng Mẹ mình
In trên cát trắng nắng rung rinh
Đôi bàn chân nhỏ khô vì nóng
Cát mỏi chân mòn kiếp chúng sinh

Mấy bữa nay mưa nắng thất thường
Hàng cây trụi lá đứng trơ xương
Mẹ quê lam lũ thân gầy guộc
Chả biết ai người để dạ thương.

*Đắc Lắc, 24-10-2021*

# TỪ TỜ CHIẾU CẦN VƯƠNG ĐẾN LÁ THƯ CẦU VIỆN CỦA VUA HÀM NGHI

**NGUYỄN DUY CHÍNH**

## CHIẾU CẦN VƯƠNG

Ngày mồng 9 tháng 4 năm 2018, công ty La Gazette Drouot tại Paris có bán đấu giá một số cổ vật Đông Dương trong đó có một tờ chiếu của vua Hàm Nghi kêu gọi người dân Việt Nam hợp lực nổi lên đánh đuổi người Pháp với giá phỏng định khoảng 5.000 đến 8.000 Euro.[1]

Từ những chi tiết kèm theo thì từ một bản dịch năm 1890, tờ chiếu này có nhan đề *Grande Proclamation Imperiale Dressee aux Officiers et aux Masses Populaires de la Resistance du Sud* (Chiếu gửi quan dân nổi dậy ở miền nam) được ban bố ngày mồng 1 tháng Sáu năm Hàm Nghi 5 nhằm ngày mồng 3 tháng 7 năm 1889 với nội dung vua Hàm Nghi gửi lời kêu gọi nổi lên chống Pháp với sự giúp đỡ của nước Đức (*L'Empereur Ham Nghi, Lance un Appel à la Resistance contre la France avec l'Aide de l'Allemagne*). Tờ chiếu này do nhà cầm quyền Pháp tìm được năm 1889.

Ngoài chiếu thư, chúng tôi cũng phiên dịch một văn bản khác yêu cầu nhà Thanh giúp cho việc thiết lập một căn cứ ở Bảo Lạc, Mục Mã là đất giáp với tỉnh Quảng Tây của Trung Hoa để làm nơi nương náu.

[1] Theo một nguồn tin cá nhân, tờ chiếu này lọt vào tay một người Việt Nam trong kỳ bán đấu giá này.



So sánh với hoàn cảnh chung của những triều đại thất thế, từ Mạc, Lê, Tây Sơn, Nguyễn thì chúng ta thấy tất cả đều đi theo giải pháp "*chạy sang Tàu cầu cứu*" và nếu việc nương nhờ quân sự không khả thi thì biện pháp sau cùng là xin cho một vùng ở sát biên giới để hương khói tổ tiên.

Xuyên qua lý giải này, chúng ta có thể nhìn lại tờ chiếu Cần Vương mà người Pháp tìm thấy và cảnh ngộ của những vong thần nhà Nguyễn đứng đầu là Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn khi an tháp [2] ở Trung Hoa. Việc nhận định về hai văn bản này đều dựa vào hoàn cảnh thực của những người soạn thảo – tức nhóm Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Quang Bích – chứ không liên quan gì đến bản thân vua Hàm Nghi, khi đó đang ở trong tay người Pháp và không còn liên lạc gì với các nhóm Cần Vương đang hoạt động.

### Đính chính một vài sai lầm

Những chi tiết trên thông cáo trong quảng cáo của La Gazette Drouot có vài điểm cần đính chính. Theo ngày tháng đề trên tờ chiếu chúng tôi đọc được thì là ngày mồng 6 tháng Sáu năm Hàm Nghi thứ 5 (chứ không phải ngày mồng 1). Trên những văn thư quan trọng số 6 (六) đều dùng chữ Lục kép 陸 để người khác không thể chữa được. Chữ này khác với chữ Nhất kép 壹 mà người ta đã đọc nhầm. Sở dĩ tờ chiếu được xem là kêu gọi

[2] *an tháp* 安插: *An* là yên ổn, *tháp* là cấy xuống. An tháp là một chính sách của nhà Thanh chia các nhóm lưu vong thành nhiều nhóm nhỏ cấy vào nhiều địa phương, một là dễ kiểm soát, hai là không tập trung thành một nhóm quá đông khó hội nhập với quần chúng. Chính sách này áp dụng từ đời Minh sang đời Thanh nên các nhóm của nhà Hồ, nhà Lê, nhà Nguyễn khi sang Trung Hoa đều chia thành nhiều nhóm nhỏ sống ở các địa phương.

người nổi dậy ở phương nam vì nội dung bao hàm ý là nhà vua đã chạy được sang Trung Hoa và từ đó gửi lời hiệu triệu cho thần dân ở trong nước.

Cũng một chữ khác, Đức quốc trong bản văn mà nhà vua nêu ra không phải là nước Đức ở châu Âu (*Allemagne*) mà là một chữ tôn xưng Trung Hoa. Đức có nghĩa là vĩ đại, tương tự như Đức Phật, Đức Chúa… mà người ta vẫn gọi. Chỉ cần suy nghĩ bình thường chúng ta cũng loại trừ được khả năng triều đình Hàm Nghi có thể sang Đức cầu viện trong lúc này.

Sửa lại những chi tiết về ngày tháng, chúng ta có thể kết luận rằng tờ chiếu này được ban bố ngày mồng 6 tháng Sáu năm Hàm Nghi thứ 5. Theo *Đại Nam Thực Lục*, đệ Ngũ kỷ, quyển V, thì ngày Quý Mùi (tức ngày 11) năm Giáp Thân (1884) tháng Sáu, mùa hạ "*quần thần rước tự quân đến điện Cần Chính nhận bảo tỷ truyền quốc và áo bào muôn năm nối ngôi, dâng thư rước lên ngôi vua… Giáp Thân (tức ngày 12), tự quân lên ngôi ở điện Thái Hòa, lấy sang năm là Ất Dậu (1885) làm năm Hàm Nghi thứ nhất, ban bảo chiếu cho khắp trong ngoài…*" [(3)]

Tính ra như thế, ngày vua Hàm Nghi lên ngôi là ngày 11 tháng Sáu năm Giáp Thân, nhằm ngày mồng 1-8-1884. Ngày tờ chiếu này được ban bố là ngày 6 tháng Sáu năm Hàm Nghi 5 (Kỷ Sửu), nhằm ngày 03-7-1889.

Sử nước ta chép rằng vua Hàm Nghi được Tôn Thất Thuyết và các người thân tín đưa vào trong rừng núi vùng biên giới Lào Việt để tổ chức một chiến khu. Sau mấy năm lẩn trốn trong rừng, vua Hàm Nghi bị nội gián nên người Pháp đã tập kích và bắt được ông rồi đem sang Algérie an trí. Ông ở đây cho đến khi qua đời.

Vua Hàm Nghi tên thật là Ưng Lịch, họ Nguyễn Phúc nhưng khi lên ngôi thì lấy theo kim sách quy định từ thời Minh Mạng nên lấy tên là Nguyễn Phúc Minh gọi là "*lễ thay tên*".[(4)] Ông cũng còn một biệt hiệu tự đặt khi vẽ hay viết là Tử Xuân. Theo Amandine Dabat trong *Hàm Nghi, Empereur en Exil, Artiste à Alger* (Paris: Sorbonne Université Presses, 2019), căn cứ trên một bản báo cáo của đại úy Boulangier là người chỉ huy cuộc vây bắt thì vua Hàm Nghi bị bắt ngày 29-10-1888 mặc dù tài liệu Việt Nam có những ghi chép khác hơn.[(5)]

Sau khi bị bắt, vào khoảng ngày 22-11, vua Hàm Nghi bị đưa đến Thuận An để Viện Cơ Mật xác định được chính là ông rồi bị đưa đi Đà Nẵng đêm hôm 24-11. Từ lúc bị bắt, nhà vua giữ im lặng, không xưng tên hay biểu lộ thân thế của mình. Vì ông không nhận mình là vua Hàm Nghi nên người Pháp phải cho gọi những người trong triều, các thị thần và thân nhân đến nhận diện.[(6)] Để ngụy trang, ông vua trẻ làm như một người dân thô lỗ

[(3)] *Đại Nam Thực Lục*, tập 9 (2007), tr. 97-98.

[(4)] Vua Minh Mạng cũng theo phương thức của nhà Thanh nên đặt ra đế hệ, phiên hệ cho các dòng con của mình. Những người được lên ngôi vua sẽ chiếu kim sách mà đặt tên khi đăng quang. Hai mươi chữ vàng là Triền (Thiệu Trị), Thì (Tự Đức), Thăng (Hiệp Hòa), Hạo (Kiến Phúc), Minh (Hàm Nghi), Biện (Đồng Khánh), Chiêu (Thành Thái), Hoằng (Duy Tân), Tuần (Khải Định), Điển (Bảo Đại), Trí, Tuyên, Giản, Huyên, Liên, Chất, Tích, Yến, Hy, Duyên. Ưng Trình, *Việt Nam Ngoại Giao Sử*. Sài Gòn: Văn Đàn, 1970, chú thích 2, tr. 44-45.

[(5)] Amandine Dabat, *Hàm Nghi, Empereur en Exil, Artiste à Alger*. Paris: Sorbonne Université Presses, 2019, tr. 37-39. Cố Nhi Tân trong *Tôn Thất Thuyết* (1943) [bản in lại 2015] thì ghi là 26 tháng Sáu, Mậu Tý (03-8-1888).

[(6)] Amandine Dabat, *sách đã dẫn*, tr. 39.

không biết lễ nghi triều đình nhưng người Pháp có hơn một cách để xác định chính là cựu hoàng. Lúc đầu họ định an trí ông ở Sài Gòn để ông đứng ra kêu gọi những nhóm cần vương giải tán nhưng sau đó thấy việc đó có thể gây ra bất lợi nên họ đưa ông sang Algérie.

Tuy dùng niên hiệu Hàm Nghi, những dụ chỉ hay hịch văn của nhóm người theo ông vào lập chiến khu trong rừng thường không phải do ông ban bố. Khi chạy ra khỏi hoàng thành, nhà vua mới có mười bốn tuổi, mọi việc đều ở trong tay quan phụ chính Tôn Thất Thuyết nên chúng ta hãy coi như đây chỉ là nhân danh, dù đúng dù sai ông cũng không dự phần.

**Diễn tiến giao thiệp với nhà Thanh**

Khi vua Hàm Nghi xuất bôn, những người đi theo liền phát hịch đi các nơi kêu gọi dân chúng nổi lên đánh Pháp. Ngày 16 tháng Mười Một năm Quang Tự 11 (1885), vua Hàm Nghi sai Hoàng Tá Viêm 黃佐炎, Nguyễn Quang Bích 阮光碧 đem quốc thư chia làm hai đường sang Vân Nam và Quảng Tây để báo với nhà Thanh xin giúp đỡ.

Cuối năm Ất Dậu (1885) quan nhà Thanh đã biết tin về biến động tại Huế. Tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chi Động 張之洞 điện cho Tổng Lý Nha Môn ở Bắc Kinh: "*Hàm Nghi mới dời ra Cam Lộ, lại chạy sang phủ Trấn Trại, nghĩa quân nổi lên khắp nơi, giáo dân cũng chống lại người Pháp.*" [(7)]

Tổng đốc Vân Quý Sầm Dục Anh, và nội các học sĩ Chu Đức Nhuận tâu lên:

[(7)] Điện ngày mồng 3 tháng Một, Quang Tự 11 (1885). *Thanh Quý Ngoại Giao Sử Liệu*, quyển 62, tr. 16 (dẫn theo Long Chương).



*"Cứ như thượng thư bộ Lễ của Việt Nam là Nguyễn Quang Bích kể ra thì Việt Nam đã suy tôn con nối nghiệp là Nguyễn Phúc Minh bị người Pháp ép đuổi đi nên chạy ra Quảng Trị, hiệu triệu chư quân ứng nghĩa ở Bắc Kỳ để cố sức hưng phục, rồi lại chạy ra Nghệ An, Hà Tĩnh, chặn giữ những nơi hiểm yếu để cố thủ, dân chúng đi theo càng nhiều. Người Pháp biết thần dân hạ quốc chưa quên chủ cũ, khó mà tự lập nên đến tháng Tám, Quang Tự 11 (1885) cùng với bọn phản thần Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Hữu Độ ủng lập con nhỏ của tiên quốc vương là Nguyễn Chánh Mông, chiếm cứ Phú Xuân, cải hiệu Đồng Khánh nhưng dân chúng không theo."*

Nguyên tổng đốc Sơn Hưng Tuyên sung hiệp thống quân vụ của Việt Nam là Nguyễn Đình Nhuận 阮廷潤, nguyên Lạng [Sơn] [Cao] Bằng tuần phủ sung tham tán sự vụ Lã Xuân Uy 呂春葳, Sơn Tây tuần phủ tham tán quân vụ Nguyễn Văn Giáp 阮文甲… cùng với các thân hào kỳ lão ở Bắc Kỳ cũng gửi thư cầu xin Trung Quốc viện trợ để mưu tính việc khôi phục.

*"… Bọn chúng tôi phụng mệnh vua của hạ quốc, tập hợp thân hào trung nghĩa ở Bắc Kỳ, tùy cơ mà đánh hay giữ, nay lo liệu lương thực để đợi thiên binh.*

*Hiện nay sĩ dân các tỉnh của hạ quốc là Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương, Nam Định, Hưng Yên hưởng ứng, hễ chúng đưa phu dịch đi chuyên chở binh lương đều không ai chịu theo. Còn như các binh lính đã chiêu mộ và phủ huyện thuộc về chúng nay cũng đều quay về. Gần đây ở Thạch Sơn, Cảnh Lộc mấy lần thắng được địch, họp thành đoàn tập luyện, liên lạc lẫn nhau để cùng làm việc. Người Pháp ra lệnh nhưng không nghe theo, từ Nghệ Tĩnh về phía nam, sĩ dân các tỉnh đều nổi lên chiếm giữ các nơi để chia thế của giặc.*

*Liên tiếp có quốc tang, vua trẻ kế vị, nguy thay sáng không lo nổi buổi chiều, chỉ sợ một ngày sụp đổ, để thiên triều phải lo, chống đông đỡ tây, không được ngày nào rảnh tay. Lại thêm giống người kia tìm đủ cách để chặn đường sứ giả, e rằng bầy tôi nước Sở khóc đấy nhưng không được khóc ở sân nước Tần, chim nhạn đất Lỗ ai oán kêu than, nhưng đâu vang tới tận nước Tấn?*

*Quốc vương nước tôi một thân mang nặng trách nhiệm triều đình xã tắc, đâu có thể ngồi mà chờ mất, đành phải chạy ra mà lo giữ nước, như bọn kẻ dưới chúng tôi, nước vỡ vua dời đi, phận mình chỉ còn một cái chết, thế nhưng chưa dám chết, vì chưng vua cũ trước đây, một lữ có thể lấy lại nước, nghìn nhà có thể còn nước Việt, dựa vào núi non hiểm trở để cùng với quốc vương nước tôi lo việc sống còn. Nếu như đại binh sớm tới, mặt trời lại lên, không phải chỉ là quốc vương nước tôi, mà miếu xã cũng được trở lại vậy."* [8]

## LÁ THƯ CẦU VIỆN

Hiện nay, trong bộ *Trung Pháp Việt Nam Giao Thiệp Đáng* còn có những văn bản của triều đình Hàm Nghi liên lạc với nhà Thanh.[9] Theo những chi tiết, chúng ta thấy có hai giai đoạn mà mỗi thời kỳ thì sự trông đợi của nhóm Tôn Thất Thuyết có khác.

Khi vừa đem triều đình chạy ra Quảng Trị, Tôn Thất Thuyết liền cho người sang cầu viện nhà Thanh, yêu cầu họ xuất quân đánh Pháp để quân Việt Nam hưởng ứng và nổi lên ở trong nước, tạo ra thế người Pháp phải đối phó với sự chiến đấu ở nhiều nơi. Đó là nội dung tờ bẩm ngày mồng 6 tháng Mười Một, năm Ất Dậu (1885).

### Tờ bẩm của vua Hàm Nghi xin nhà Thanh xuất quân giúp đánh Pháp (tháng Mười Một, Ất Dậu 1885)

Ngày mồng 6 tháng Chín (Quang Tự 12, 1886), tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chi Động gửi tấu thư lên Thanh triều trong đó có chép lại một số văn thư của "*triều đình lưu vong*" và một tờ bẩm của quốc vương Nguyễn Phúc Minh, có lẽ đây là bản đầu tiên [viết từ tháng Mười Một năm Ất Dậu (1885) và do các quan chuyển sang Trung Hoa tháng Giêng năm Bính Tuất (1886)]. Khoảng nửa năm sau, không thấy hồi âm, các quan Việt Nam ở miền bắc [có lẽ theo lệnh Tôn Thất Thuyết] lại gửi sang một tờ bẩm để nhắc lại lời thỉnh cầu, trích lục ra như sau:

---

[8] Long Chương, *Việt Nam Dữ Trung Pháp Chiến Tranh.* Đài Loan: Thương Vụ ấn thư quán, 1993). Chương 13, chú thích 52, tr. 384, trích theo A. Thomazi, *La Conquête de l'Indochine*. Paris, 1934, tr. 273-276. (Bản dịch Nguyễn Duy Chính)

[9] Quách Đình Dĩ, Vương Duật Quân (chủ biên). *Trung Pháp Việt Nam Giao Thiệp Đáng,* tập VI, Đài Bắc: Trung Ương Nghiên Cứu Viện Cận Đại Sử Nghiên Cứu Sở, 1983, tr. 3594-3597.

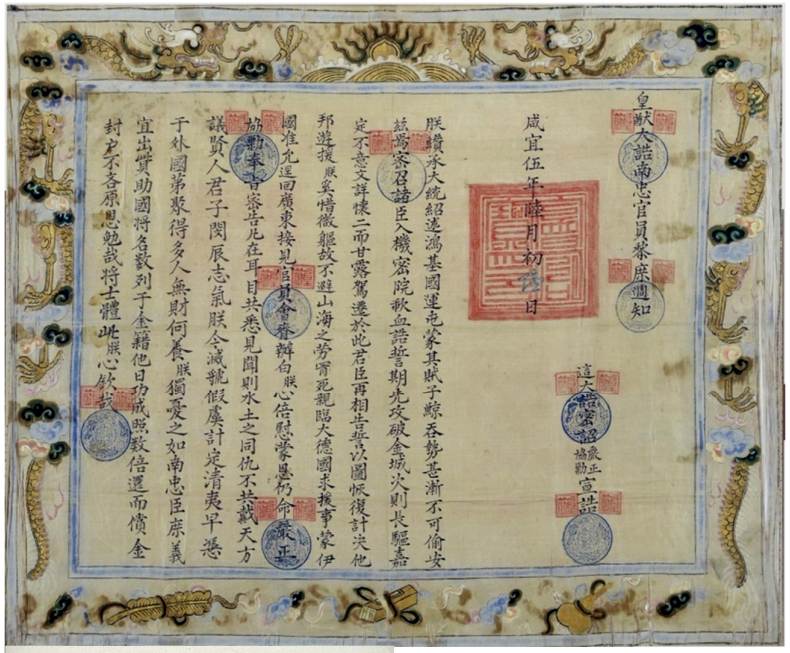

Tờ chiếu kêu gọi Cần Vương

◀ Vua Hàm Nghi

Nguyễn Văn Tường

Vua Hàm Nghi bị bắt

Tôn Thất Thuyết

Trương Chi Động

Tranh "Vua Hàm Nghi bị bắt" (trang trước) trích trong tuần báo *Le Monde illustré*, năm thứ 33, số 1665, phát hành ngày 23-02-1889. Tờ báo chú thích dưới tranh này như sau: *Annam ─ Capture du roi Ham Nghi par le capitaine Boulangier et le lieutenant de gendarmerie Bonnefoy. ● Dessin de M. L. Tynayre, d'après le croquis de M. R. de L.* (An Nam ─ Đại úy Boulangier và trung úy hiến binh Bonnefoy bắt giữ vua Hàm Nghi. ● Tranh vẽ của ông L. Tynayre, phỏng theo một vẽ phác của Mr. R. de L.

*"… Con thừa tự của tiên quốc vương nước Việt Nam Nguyễn Phúc Thì là Nguyễn Phúc Minh kính cẩn bẩm lên Quảng Tây phủ bộ viện thiên triều đại nhân các hạ xem xét. Xét hạ quốc vốn được thiên triều vun trồng, ban cho chức phận một phương đã mấy trăm năm qua. Tiên phụ Minh tôi là Nguyễn Phúc Thì đã bị bệnh qua đời vào tháng Sáu năm Quang Tự 9 (Quý Mùi, 1883), người trong hạ quốc đưa em ông ta là Nguyễn Phúc Thăng* 阮福昇 [Hiệp Hòa] *trông coi việc nước, được bốn tháng, Nguyễn Phúc Thăng tự thấy thân thể bệnh tật không kham nổi nên nhường lại cho con kế nghiệp của cha tôi là Nguyễn Phúc Hạo* 阮福昊 [Kiến Phúc] *lên kế nghiệp, đó chính là thân huynh của Minh vậy.*

*Ấy là vào tháng Sáu và tháng Mười Một năm Quang Tự 9 (Quý Mùi, 1883), mọi việc đã bẩm lên cho tổng đốc Lưỡng Quảng đại nhân và Vân Quý đốc bộ đường đại nhân khẩn khoản xin đề đạt cửu trùng ở xa không biết đã lên tới chưa.*

*Đến tháng Sáu năm Quang Tự 10 (Giáp Thân, 1884), tiên huynh của Minh là Nguyễn Phúc Hạo bị bệnh chết, di chúc cho Minh theo thứ tự mà lập nên, nối tiếp sự nghiệp của cha Minh, lo liệu việc nước để đợi ân mệnh.*



*Nay các tỉnh ở Bắc Kỳ của nước tôi đều bị người Pháp chiếm cứ, cửa biển dọc theo duyên hải đều bị họ phong cấm, thủy lục đều bị bế tắc, nạn gấp của hạ quốc, không thể bề trên không nghe đến. Thế nhưng trong mấy năm qua người Pháp thường gây sự với hạ quốc, tháng Bảy năm Quang Tự 9 (Quý Mùi, 1883), toàn quyền Pháp Hà La Mang* [Harmand] *đem binh thuyền xông vào bên ngoài đô thành của hạ quốc là cửa biển Thuận An, công phá các đồn lũy, ép phải ký hiệp ước 27 điều khoản để đổi điều ước cũ năm Giáp Tuất (1874).*

*Khi đó tang sự của tiên phụ vương Minh này là Nguyễn Phúc Thì chưa xong, trong ngoài đều sợ, không thể không theo. Đến tháng Năm năm Quang Tự 10 (Giáp Thân, 1884), tiên huynh vương của Minh* [Kiến Phúc] *đang lúc bệnh nặng, toàn quyền Pháp là Ba Đức Na* [Patenôtre] *lại đem thêm binh thuyền vào cửa Thuận An, bộ binh đột nhiên tấn công đô thành của hạ quốc, ép đổi lại hòa ước khác thay cho các điều khoản Hà La Mang đã định, lại ép lấy nguyên phụng tích phong quốc ấn đem nấu chảy. Y lại ép phải cho đem binh vào đóng ở trong thành nội và phế bỏ quan lại đang ở các tỉnh Bắc Kỳ, ép mấy vạn dân đinh xua ra chiến địa.*

*Mấy lần binh của thiên triều sang giúp đỡ thì hễ đến nơi nào, hoặc là lương thực trên đường đi, hoặc theo quân để nấu ăn, hoặc thông hỏi tin tức để do thám thì đều bắt hết một lượt, dân chúng nhiều phần bị thiêu giết cực tàn khốc. Người Pháp ở nước tôi lúc đầu tàm thực, sau muốn nuốt chửng. Mấy năm nay nhờ có thiên triều ra lệnh cho tướng đem quân qua để chủ trì nên họ cũng còn có chỗ e dè, đến khi thua trận mấy lần nên đành phải xin hòa và được chấp thuận, tưởng bọn họ sẽ mãi mãi không còn dám đè nén hạ quốc, mà tuân theo những điều khoản trong hòa ước, thế thì vua tôi hạ quốc cũng thật may mắn vậy.*

*Nào ngờ bọn họ nhân thế mà đắc chí, tháng Năm năm nay (Ất Dậu, 1885), đô thống của họ đột nhiên tăng thêm binh thuyền đưa tới, hợp với những thuyền đã có từ trước, tính chuyện bức chiếm để bảo hộ. Từ đó hành hoành hung bạo, thế không nhịn được nữa nên ngày 22 tháng đó cùng với bọn họ giao chiến, ước chừng bốn giờ, giết được số đông bọn chúng. Không ngờ chúng bắn đại pháo kịch liệt, sức của hạ quốc không chống nổi nên phải dẫn bầy tôi, chạy ra các tỉnh dựa vào núi mà đóng quân, kêu gọi dân chúng, bầy tôi trong nước lo chuyện chống lại.*

*Đến tháng Sáu (Ất Dậu, 1885) lập tức gửi thư kể rõ tình trạng bẩm lên quý phủ bộ viện đại nhân, cùng với Vân Quý đốc bộ đường đại nhân, cứ thực tình mà xin giúp đỡ. Thế nhưng đường sá khó khăn, e rằng chưa tới được. Nay Minh này đang đóng trong vùng núi non tỉnh Hà Tĩnh* [cách Bắc Kỳ bảy tám ngày đường], *thân hào các tỉnh đều thiết tha nhớ cũ nên đều tụ tập nghĩa binh đứng lên. Từ Thanh Hóa, Ninh Bình trở về bắc thì bị binh thuyền của họ chiếm cứ, hiệu lệnh khó thi hành nên sức lẻ loi khó mà tự lập, vậy mong tích phong quốc ấn như tổ tiên ông cha của Minh này từng nhận của thiên triều vậy.*

*Khi anh của Minh còn tại thế, quốc ấn cũng không giữ được, nay lại không bảo vệ được đô thành, đắc tội rất nhiều. Gần đây người Pháp lại ủng lập người khác lên làm quốc trưởng, cùng ở đô thành, mọi điều khoản đều tuân theo, thật là khinh khi coi rẻ tiểu quốc. Lại dám khinh mạn giềng mối của thiên triều, thật công pháp của các nước không thể nào dung tha được. Minh tuy tuổi còn nhỏ nhưng cũng còn chút trí năng, không thể không cố gắng. Thế nhưng đang lúc bôn ba nếu không dựa vào cái đức tái tạo của thiên triều thì không thể nào mưu tính gì được.*

*Vậy trông lên quý đại thần xem xét cái tình hình bức thiết của nước dưới, theo như thế mà thay mặt tâu xin cho, may được dụ chỉ chấp thuận mà ra lệnh cho tướng xuất quan, kể tội đánh dẹp. Hạ quốc nguyện hết sức đem quân sĩ mà đi theo. Lại mong được xá tội ban cho phong chương (quốc ấn phong cho) để dựa vào ân sủng mà hiệu lệnh người trong nước, thu phục cương thổ để được mãi mãi làm ngoại phiên mà giữ vững được lòng nhân nuôi nấng kẻ nhỏ của thiên triều, cái nghĩa cứu kẻ bị tai ương, vỗ về người bị nạn. Như thế thì không phải chỉ một mình Minh này ghi lòng tạc dạ không quên, mà trăm họ hạ quốc cũng đều đội ơn vô hạn vậy.*

*Nay xin hết lòng thành thật giãi bày tội để xin lệnh trên, tự biết là mạo muội quấy rầy, gửi thư không khỏi không trông ngóng. Thêm nữa quốc ấn đã bị bọn chúng ép lấy mất rồi nên điểm chỉ để giao cho tỉnh Lạng Sơn đệ nạp cho khỏi trở ngại mong được xét đến mà sớm ban cho phúc thư. Nay cúi bẩm.*

*Quang Tự 11 (Ất Dậu, 1885), ngày mồng 6 tháng Mười Một.*

*Nguyễn Phúc Minh.*[10]

**Tờ bẩm xin được cho sống tại Mục Mã, Bảo Lạc (khoảng nửa sau năm Bính Tuất, 1886)**

Theo lời trình của Trương Chi Động thì tiền tổng đốc Sơn Tây của Việt Nam là Nguyễn Đình Nhuận 阮廷潤 đã sai người là Vũ Khắc Khoan 武克寬 thay mặt đem sang Quảng Tây một tờ bẩm nhân danh các quan ở Bắc Kỳ nhưng lời lẽ là của Tôn Thất Thuyết (con dấu tham tán quân vụ), nguyên văn như sau:

(10) *Trung Pháp Việt Nam Giao Thiệp Đáng,* tập VI, văn kiện 2063 (Quang Tự 12, 1886), tr. 3595-3597.

*"… Tiền tỉnh lại Sơn Tây của Việt Nam là Nguyễn Đình Nhuận, tỉnh lại của Lạng Sơn là Lã Xuân Uy 呂春葳, tỉnh lại Cao Bằng là Nghiêm Xuân Phương 嚴春芳 cúi bẩm lên viên môn tổng đốc Lưỡng Quảng thiên triều Trương đại nhân xem đến.*

*Hạ quốc hồi tháng Năm năm ngoái (Ất Dậu, 1885) bị người Pháp áp bức nên tự quân nước tôi phải chạy trốn, đã đem tình hình do tổng đốc Vân Quý và tuần phủ Quảng Tây bẩm lên đề đạt nhưng chưa nhận được ân mệnh. Tháng trước ở sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh, lại soạn văn bản tuân theo lệ bẩm lên phủ bộ đường tỉnh Quảng Tây.*

*Đầu năm nay ngày mồng 6 sai người mang đến, bọn hạ chức tuân lệnh phụng nạp rồi sau đó chờ ở Nam Quan nhưng chưa được trả lời, sợ rằng sự việc khẩn cấp chưa đề đạt lên. Tự quân nước tôi chiêm ngưỡng lòng thành thiết tha, không thể tự kêu xin, bọn kẻ dưới nay sao nguyên văn bẩm lên do cung bảo Phùng [Tử Tài] chuyển lên quý bộ đường xem xét mong được coi đến.*

*Hạ quốc gặp phải nhiều nạn, thần dân không ai là không đau lòng, có điều như lửa cháy tới áo, khó mà tự mình lo liệu được. Tháng Mười Một năm ngoái (Ất Dậu, 1885), bọn chúng tôi cũng đã sai người mời đón tự quân đến vùng Mục Mã, Bảo Lạc, giáp với nội địa, dựa dẫm vào uy linh của thiên triều để mưu tính việc khởi sự lần nữa. Nào ngờ vùng đó hiện nay bị lính dõng địa phương chiếm cứ quấy nhiễu, nhà buôn Mục Mã là Lương Tuấn Tú 梁俊秀 đã dùng lời khuyên nhủ nhưng cũng không đến đâu.*

*Tự quân nước tôi sống ở Hà Tĩnh đã lâu, súng ống không có cách nào mua được nên muốn đến vùng biên giới Bắc Kỳ, nhưng không có một tấc đất nào yên ổn, sự thế nguy khốn quẫn bách như thế, mong cái lòng bao trùm khắp nơi của hiến đài mà không nhẫn tâm ruồng bỏ. Ngoại trừ bẩm riêng lên phủ bộ viện Quảng Tây xem xét, cũng liều mạo muội bẩm lên để mong chiếu cố tính toán mà tự quân nước tôi được dựa vào những vùng nội địa giáp với Mục Mã, Bảo Lạc thuận tiện cho việc điều động thần dân khôi phục nước cũ mà lệ thuộc vào thiên triều để làm phên giậu lâu dài thì hạ quốc rất là mong mỏi vậy.*

*Nếu như trông xuống mà thuận cho lời thỉnh cầu này thì xin mau trả lời rõ để dựa vào đó mà chuyển đạt cho tự quân nước tôi tuân theo biện lý. Tình hình nước tôi đang nguy cấp, lời lẽ không được mạch lạc, mong được lượng thứ cho."* [11]

Xem lá thư trước, chúng ta biết được triều đình Hàm Nghi đã yêu cầu nhà Thanh một số điểm sau đây:

- Xin lại một quốc ấn đã bị nấu chảy ngày 06-6-1884 (13 tháng Năm, Kiến Phúc nguyên niên)[12] để thừa kế vai trò phiên thuộc với nhà Thanh,

- Xin nhà Thanh cho quân sang, quân Cần Vương sẽ tiếp tay để cùng chống Pháp,

Yêu cầu này được viết từ cuối năm Ất Dậu (1885) và gửi sang nhà Thanh đầu năm Bính Tuất (1886) nhưng không được phúc đáp. Chỉ trong khoảng một năm, chúng ta cũng thấy một số biến chuyển như sau:

- Năm 1885, vua Hàm Nghi chỉ yêu cầu quân Thanh tiến sang

[11] *Trung Pháp Việt Nam Giao Thiệp Đáng,* tập VI, văn kiện 2063 (Quang Tự 12, 1886), tr. 3594-3595.

[12] Xem *Quốc Ấn, Từ An Nam Quốc Vương Đến Việt Nam Quốc Vương* (biên khảo của Nguyễn Duy Chính).

và nghĩa binh sẽ nhất tề hưởng ứng nhưng căn cứ của triều Nguyễn vẫn còn ở Hà Tĩnh gần kinh đô.

- Năm 1886, khi tình hình càng lúc càng quẫn bách, theo tính toán của Tôn Thất Thuyết, ông có ý định lập một căn cứ chiến đấu ở biên giới Trung Hoa rồi di chuyển vua Hàm Nghi lên Bảo Lạc để tiện việc phối hợp lực lượng.

## AN THÁP NHÓM CẦN VƯƠNG

### Đường lối giải quyết của tổng đốc Lưỡng Quảng

Tuy nhiên, báo cáo của Trương Chi Động lên Tổng Lý Nha Môn vẫn chỉ là tin tức nội bộ của họ, còn việc trợ giúp cụ thể như thế nào cho nhóm Cần Vương của Việt Nam thì nhà Thanh vẫn không hề lên tiếng, chỉ khuyên đãi bôi là nên cố gắng để có một nơi thờ cúng tổ tiên ở trong nước.

*"… Xét rằng Việt Nam từ lâu từng là phiên phong, vốn là thần tử của thiên triều. Từ thời Hàm Phong, Đồng Trị đến nay, nước đó mấy lần có giặc giã đều phải nhờ vào vương sư* [quân Thanh] *tiến đánh tiễu trừ được cả, phù lúc nguy, định lúc nghiêng, nước ta chưa ngày nào quên chuyện đó. Thế nhưng quốc vương nước kia mờ tối* [chỉ vua Tự Đức] *không biết cai trị giữ nước, năm trước từng cùng người Pháp mấy lần lập minh ước riêng, dần dần ra khỏi phên giậu, mất đất bại binh, tự gây họa hoạn.*

*Năm trước Điền Quế ra quân, bản bộ đường tuân theo dụ chỉ ra sức trù liệu kế sách cho Việt Nam, đưa quân vận lương, tính toán đủ đường nhưng nước kia chẳng hề sai một người, lo một xu đến trước quân bày tỏ bàn tính việc hai bên giáp công. Đợi đến khi đại binh phá địch ở Nam Quan, khắc phục Lạng Sơn, Trường Khánh, cũng không tập hợp nghĩa binh, hiệp trợ quan quân thừa cơ đánh giặc. Triều đình không nỡ để cho sinh linh phải chịu chinh chiến lâu năm nên mới bằng lòng cùng người Pháp bàn việc nghị hòa, nay cục thế đã định, nước đó đã thuộc về người Pháp bảo hộ.*

*Gần đây thế vẫn không lên thêm được nên mới bắt đầu xin cứu giúp, xét theo tình cảnh thì thật là đáng thương nhưng cơ hội đã đánh mất rồi không thể bổ cứu, minh ước đã rõ ràng đâu có thể nào nói khác được. Việc xin vùng Bảo Lạc, Mục Mã để cho quốc vương nước kia cư trú vốn không có trong điều ước, bản bộ đường thật e ngại không dám tâu lên xin, chỉ có thần dân ở nước kia tính đức lượng sức, đồng tâm hiệp lực cố mà duy trì để giữ được nơi tế tự.*

*Còn như việc quan Việt Nam là Vũ Khắc Khoan đường sá xa xôi đến đất Việt* [tỉnh Quảng Tây] *thì trông xuống cái ý hoài nhu của triều đình nên đã cho doanh vụ xứ truyền dụ đến quan nước kia biết rõ ràng, vỗ về cho ổn thỏa, cấp cho lộ phí, sai biền binh hộ tống. Lại phát cho viên quan Việt Nam một tấm hộ chiếu chuyển cho nhận lãnh rồi ra lệnh theo đường biển đến Liêm Châu, từ Thượng Tư, Ninh Minh đi Long Châu trở về Việt Nam. Lại do ty đạo chuẩn bị văn thư trả lời cho tiền tổng đốc Sơn Tây nước đó là Nguyễn Đình Nhuận biết. Hịch này ngoài việc phê phát ra cũng tư trình tương ứng lên quý nha môn, kính cẩn xin tra chiếu thi hành. Chiếu lục niêm đơn."* [(13)]

Bản án chung thẩm mà Trương Chi Động gửi lên nhà Thanh, tựu trung cũng không khác gì những quan điểm cố hữu thường nhắc đi nhắc lại, từ việc Lê Duy Kỳ chạy sang Trung Hoa đến

[(13)] *Trung Pháp Việt Nam Giao Thiệp Đáng,* tập VI, văn kiện 2063 (Quang Tự 12, 1886), tr. 3594-3595.

cách đối xử với anh em Nguyễn Quang Toản. Sau khi chặn hết mọi ngả để người Việt Nam không làm gì có thể phương hại đến tình hữu nghị mới giữa Pháp và Trung Hoa, họ Trương lại đưa ra một giải pháp đượm mùi nhân nghĩa của nước lớn. Đó là an tháp nhóm Tôn Thất Thuyết ở Quảng Tây.

**Định cư nhóm Tôn Thất Thuyết**

Có lẽ sau khi nghe tin vua Hàm Nghi đã bị Pháp bắt và tình hình càng lúc càng bi quan, Tôn Thất Thuyết và ban tham mưu của ông đành phải đánh nước bài sau cùng là sang Trung Hoa trực tiếp cầu viện. Không thấy tài liệu nào nói ông rời vua Hàm Nghi để ra đi từ bao giờ, chỉ biết rằng ông theo đường núi ra Thanh Hóa, ngược dòng sông Mã lên Lai Châu, sang Vân Nam và được tổng đốc Vân Nam đưa sang Quảng Tây. Những gì xảy ra sau đó được tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chi Động tâu lên Thanh đình để trình bày việc nhóm người Việt Nam được an tháp ngay tại Long Châu. Tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chi Động gửi văn thư ngày mồng 8 tháng Mười Một [Quang Tự 15, 1889] nói rằng:

*"Chiếu theo những việc từ trước, các quan Việt Nam Nguyễn Phúc Thuyết* 阮福說, *Trần Xuân Soạn* 陳春撰, *Ngụy Khắc Kiều* 魏克喬, *Trần Chi Đống* 陳之棟, *Hồ Quỳnh* 胡瓊 *dẫn theo binh dịch mười người đến tỉnh Việt* [Quảng Đông, Quảng Tây] *khai rằng bị người Pháp giảo quyệt khinh thị, hung hăng càn rỡ, bắt bớ trả thù nên vì thế mà phải đề đạt lên xin giúp đỡ. Việc này đã bàn luận từ lâu và định rằng khó có thể chuẩn thuận được nên đã sức cho cục phát ngân 500 lượng và ra lệnh cho lập tức quay về nước.*

*Thế nhưng quan nước Việt bẩm rằng đường đi khó khăn không cách nào trở về được nữa nên xin ở lại Khâm Châu tùy tiện sinh sống, cấp cho lương ăn khỏi đói khổ. Nay việc hoạch định biên giới ở Khâm Châu đã hoàn thành mà vùng giáp Hoa-Việt thì kẻ cướp qua lại rất nhiều nếu như bảo họ đến đây sinh sống thì việc phòng phạm khó mà chu toàn e rằng sẽ sinh rắc rối.*

*Thế nhưng đám quan nước Việt kia nay vào đường cùng không còn chỗ nào về, không thể không rộng lượng cho an tháp nên đã ra lệnh cho tạm sống ở trong tỉnh và sức cho cục cấp phát cho họ đồ ăn và tiền tiêu vặt, mỗi tháng tất cả 57 lượng 3 tiền 6 phân. Lại ra lệnh cho phó tướng chịu trách nhiệm hiệp Quảng Châu phái binh dũng đến nơi các quan người Việt ở đi tuần tra xét, không để cho họ được qua lại lai vãng với người ngoài, nay những người Việt đó sinh sống tại tỉnh cũng đã yên thân.*

*Có điều khuôn viên tỉnh lại gần kề với cửa biển nơi mà người Trung Hoa và người Tây Dương lẫn lộn, ở tại trong vịnh thì sáng tối lúc nào cũng có kẻ ra người vào, rất là phồn tạp, việc phòng phạm khó khăn, không thể không sinh chuyện nên không thể để tại Khâm Châu mà nơi khác cũng khó an tháp. Chỉ có ở địa phương La Định là nơi không có đường đi thông suốt, hẻo lánh xa xôi mà dân chúng cũng hiền lành nên đã sức cho hiệp phó tướng Quảng Châu phái binh dũng hộ tống các quan Việt Nam đến nơi đó sinh sống và ra lệnh cho văn võ phụ trách ở tỉnh thành ước thúc đề phòng, phái binh lính luân chuyển tuần phòng quan sát, không để cho họ giao thiệp với những người qua lại hay từ bên ngoài đến đây. Lại cũng cấm không cho tự ý rời khỏi châu thành để đến ở một nơi khác.*

*Nhà cửa cho họ ở thì do châu đó thay mặt thuê mướn còn tiền ăn và tạp dụng mỗi tháng phát cho 57 lượng 3 tiền 6 phân*

*và thêm cả tiền thuê nhà thì do châu ấy lấy tiền thuế quế mà cấp cho. Số người thì chỉ hạn cho mười lăm người lúc đầu đến đây không được tăng thêm. Tùy thời mà hiểu dụ bọn quan người Việt rằng nên biết an phận theo định mệnh chứ đừng mong mỏi chuyện giúp đỡ gì khác.*

*Vậy châu đó và doanh hãy thay phiên trông chừng, để họ khỏi bỏ đi mà không báo hay đến nơi khác gây rắc rối.*

*Còn việc các quan văn võ châu đó hỏi thì trừ việc phân biệt trên giấy tờ, các quan Việt* [Quảng Đông, Quảng Tây] *tương ứng theo danh hàm mà mỗi ngày cấp phát tiền ăn uống, tiêu pha theo danh sách trình lên.*

*Đây là danh sách gửi quý nha môn, kính cẩn xin tham chiếu để thi hành:*

*Chiếu lục niêm đơn, sao tên tuổi quan Việt Nam và người đi theo, cùng tiền ăn theo ngân số.*

Kê khai:

| | | MỖI NGÀY cấp tiền ăn | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| Nguyễn Phúc Thuyết | 阮福說 | 3 tiền | |
| Trần Xuân Soạn | 陳春撰 | 2 tiền | |
| Ngụy Khắc Kiều | 魏克喬 | 2 tiền | |
| Trần Chi Đống | 陳之棟 | 1 tiền 4 phân | |
| Hồ Quỳnh | 胡瓊 | 1 tiền 4 phân | |
| Vương Thế Cơ | 王世基 | 8 phân | Quản cơ |
| Nguyễn Tốn | 阮巽 | 8 phân | Cai đội |
| Nguyễn Duy Lập | 阮維立 | 8 phân | Cai đội |
| Trịnh Bá Tuyên | 鄭伯宣 | 8 phân | Tư vụ |
| Nguyễn Xuân Thắng | 阮春勝 | 8 phân | Đội trưởng |
| Lương Trinh | 梁楨 | 8 phân | Đội trưởng |
| Ngô Lễ | 吳禮 | 8 phân | Đội trưởng |
| Hà Văn Công | 何文功 | 6 phân | lính |
| Lê An | 黎安 | 6 phân | lính |
| Vương Đình Chính | 王廷正 | 6 phân | lính |

Tất cả trên đây tính cộng lại mỗi tháng tiền ăn là 51 lượng 6 tiền.

Mỗi tháng lại cấp cho tiền dầu đèn và lặt vặt 5 lượng 7 tiền 6 phân.

Tổng cộng chi mỗi tháng là 57 lượng 3 tiền 6 phân.[14]

**KẾT LUẬN**

Suốt trong mấy năm liền, nhóm Tôn Thất Thuyết vẫn lẩn trốn trong rừng, chia thành nhiều nhóm nhỏ khác nhau để tránh sự lùng bắt của Pháp và chờ đợi phản ứng từ phía nhà Thanh. Có lẽ với tin tức ít ỏi, những người kháng chiến Việt Nam không biết rằng nhà Thanh và Pháp đã giảng hòa và bận rộn với việc thi

[14] *Trung Pháp Việt Nam Giao Thiệp Đáng,* tập VI, văn kiện 2206 (Quang Tự 15, 1889), tr. 3808-3810.

hành hiệp ước Thiên Tân (1885). Đến năm 1888 thì tình hình giữa người Pháp và Trung Hoa đã không còn thế đối đầu như hồi năm 1883 khi vua Tự Đức mới mất.

Sau những trận hải chiến khốc liệt ở ngoài biển Phúc Kiến và Đài Loan, nhà Thanh biết rằng họ không mạnh như đã tự lượng giá. Sự thất thế quân sự đưa nhà Thanh tới việc thỏa hiệp với Pháp và từ bỏ can thiệp vào Việt Nam cũng là một trong những đổi chác có lợi cho họ, vừa ngoa ngôn với quốc dân rằng "*chấp thuận cho người Pháp cầu hòa*", vừa nhân đó đòi hỏi một số yêu sách (như việc không phải trả chiến phí cho người Pháp, chuyển giao một số kỹ thuật về điện và đường sắt, và nhất là để đổi lấy một số ưu đãi thuế má và thương mại, người Pháp sẽ nhường cho họ một số đất đai ở Bắc Kỳ…).

Về phía quân cần vương, tâm lý mòn mỏi nên Tôn Thất Thuyết tìm cách vận động sức mạnh trong nước để chống Pháp xuyên qua việc quyên góp tài lực, vật lực nên đã tung ra bản chiếu thư làm như vua Hàm Nghi đã xuất bôn để phối hợp với quân Thanh ở mạn bắc và kêu gọi toàn dân yểm trợ chống Pháp ở phía nam. Tuy nhiên, thực tế không xảy ra như mong đợi, vua Hàm Nghi thì vì nội gián nên bị người Pháp bắt (khoảng tháng 10-1888) nên chúng ta có thể nghĩ rằng kế hoạch chỉ do Tôn Thất Thuyết và ban tham mưu tưởng tượng ra, căn cứ vào những hiểu biết của họ trong chính sách ngoại giao truyền thống với Trung Hoa.

Còn triều đình Hàm Nghi sau ba năm kháng chiến (1886 đến 1889) thì càng lúc càng thêm bi đát. Những lá thư gửi sang Trung Hoa chỉ như hòn sỏi ném xuống biển hoàn toàn không thấy tăm hơi gì cả. Thực tế lúc đó, nhà Thanh đã ký hòa ước với Pháp và hai bên đang tiếp tục củng cố những giao ước sao cho có lợi nhất, không dại gì tiếp tay với nhóm cần vương của Việt Nam khiến Tôn Thất Thuyết phải đích thân chạy sang Tàu, nhân danh một phụ chính đại thần để xin giúp đỡ.

Những biến chuyển không đồng bộ, tin tức không cập nhật như việc vua Hàm Nghi đã bị bắt từ cuối năm 1888 và tờ chiếu Cần Vương tung ra cũng vào khoảng này khiến cho người sau cảm thấy hoang mang khi nhận định về giả thật của văn kiện, đồng thời kết án Tôn Thất Thuyết đã bỏ chạy để mưu cầu sinh lộ cho riêng mình.

Sau khi vua Hàm Nghi xuất bôn, người Pháp nhanh chóng đưa lên một ông vua mới, dễ điều khiển hơn và bộ máy hành chánh Nam triều vẫn vận hành như một phó sản để hoạt động trên toàn cõi Việt Nam. Về phần nhà Thanh, sau một số đụng độ ở Bắc Kỳ và vùng biên giới Quảng Tây, họ mau chóng nhận ra rằng nếu đàm phán với người Pháp sẽ dễ dàng có thêm một số quyền lợi hơn là tiếp tục đi theo đường lối bí mật liên kết với Việt Nam để chống Pháp cuối đời Tự Đức. Nhà Thanh nay nhắc đến người đứng đầu triều đình Huế cũng gọi là Việt Vương (chỉ vua Đồng Khánh), còn một Nguyễn Phúc Minh (Hàm Nghi) thì trước nay họ chưa công nhận và cũng không có lý do gì để công nhận. Đối với nhóm cần vương thì việc ủng hộ của dân chúng cũng chỉ danh nhiều thực ít còn guồng máy quan lại nay ngả sang tân vương, tuy chỉ là một ông vua không có thực quyền nhưng ít ra cũng ban phát cho họ được một số bổng lộc.

Giữa Pháp và Trung Hoa nay không còn đối đầu mà là tương nhượng, bận rộn với công tác thi hành các giao ước của hiệp ước Thiên Tân (1885) trong đó hai khoản quan trọng nhất là khám định biên giới và thiết lập các cửa thông thương giữa Bắc Kỳ với Quảng Tây, Vân Nam. Thế nhưng vì thiếu thông tin hay vì

chủ quan vẫn tin vào lòng tốt của thiên triều, nhóm Tôn Thất Thuyết đánh liều vượt biên sang Tàu để toan làm việc "*Thân Bao Tư khóc trước sân vua Tần*" xin đem viện quân về phục quốc. Chúng ta lại thấy hình ảnh của nhóm Lê Quýnh ngày nào cũng đã từng có tâm tư như thế.

Ở Hà Tĩnh, vua Hàm Nghi bị quân Pháp xông vào rừng bắt sống và khi biết chắc rằng đây chính là ông hoàng mà họ đang tìm, nhà vua bị đưa sang Alger an trí. Ở Quảng Tây, việc dung túng cho nhóm nhà Nguyễn hoạt động có thể đưa tới những bất lợi ngoại giao nên Trương Chi Động đưa những người chạy sang Tàu an tháp, với số lương đủ sống qua ngày.

Ngoại sử kể rằng, Tôn Thất Thuyết về sau hóa điên, chiều chiều ra bờ sông chém vào những tảng đá nên người Tàu gọi ông là "trảm thạch công". Khi ông qua đời, có người điếu một câu đối:

*Thù nhung bất cộng đái thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng Quận*

*Hộ giá biệt tầm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt táng Long Châu*.[15]

(Thù giặc không đội trời chung, vạn cổ danh thơm còn nơi Tượng Quận

Phò vua riêng tìm đất lặng, nghìn năm xương tàn gửi đất Long Châu.)

[15] Cố Nhi Tân, *Tiểu Truyện Danh Nhân: Tôn Thất Thuyết Và Những Văn Thân Trong Phong Trào Cần Vương*. Hà Nội: Hồng Đức, 2015, tr. 25-6. (Cố Nhi Tân là một bút danh khác của Phùng Tất Đắc, 1907-2008, thường được biết dưới tên Lãng Nhân.)



Câu trên có vẻ như khen sự quyết tâm chống Pháp của Tôn Thất Thuyết nhưng câu dưới ra chiều dè bỉu khi nói ông "*biệt tầm tĩnh địa*", bỏ vua mà đi lo riêng cho mình. Xét về thời thế lúc đó, những người chạy sang Trung Hoa nào khác chi những người tù giam lỏng nên có muốn cũng đành chịu chứ cũng không làm được gì hơn.

**NGUYỄN DUY CHÍNH**
*Tháng 10-2021*

PHỤ LỤC

# BẢN DỊCH CHIẾU CẦN VƯƠNG

Đại cáo về kế sách cho quan viên, dân chúng trung thành với nước Nam được biết

Hàm Nghi thứ 5, ngày mồng 6 tháng Sáu

Đại cáo bí mật tuyên chiếu đồng lòng nghiêm chỉnh tiễu giặc

Trẫm

Kế thừa dòng chính, tiếp nối nghiệp lớn, Gặp lúc vận nước truân chuyên.

Giặc mạnh dần dần thôn tính, Không thể ngồi yên.

Đành ban mật chiếu, Cho gọi các bầy tôi vào Cơ Mật Viện.

Cắt máu ăn thề

Trước tấn công vào kinh thành, Sau đó chạy về Gia Định.

Ngờ đâu

Văn Tường [Nguyễn] hai lòng, Cam Lộ đưa vào nơi ấy.

Vua tôi nay lại thề nguyền, Nhất quyết lo toan khôi phục.

Định kế sang nước khác xin giúp đỡ.

Trẫm không tiếc thân cỏn con, Chẳng ngại gian lao trèo non vượt biển.

Liều chết đích thân sang nước lớn cầu viện

May được nước kia bằng lòng, Chấp thuận cho về Quảng Đông.

Tiếp kiến quan viên, cùng nhau bàn bạc.

Trẫm trong lòng an ủi, Được lệnh nghiêm chỉnh cùng đánh giặc.

Nên nhận chỉ hãy bí mật cáo tri

Phàm những ai tai mắt có lòng hiểu biết, Ắt đất nước cùng một mối thù.

Không đội trời chung

Các hiền nhân quân tử có chí khí thương xót,

Trẫm nay kêu gọi giúp đỡ để thanh trừ di tặc, Quét sạch chúng ra khỏi nước.

[Thế nhưng] cần phải đông người, Không tiền tài lấy gì nuôi dưỡng.

Trẫm lấy làm lo

Nếu như bầy tôi trung nghĩa nước Nam, Ứng nghĩa đứng ra trợ giúp.

Để tên tuổi trong sổ vàng, Ngày sau công thành, sẽ chiếu theo sổ mà bồi hoàn lại.

Trả vàng, phong tước, Không quên ơn cũ.

Hãy gắng lên các tướng sĩ, Lòng trẫm như thế.

Khâm tai.

Nguyên văn:

皇猷大誥南忠官員黎庶週知 。

咸宜伍年陸月初陸日 。

這大誥密詔嚴正協勦宣誥 。

朕

纘承大統, 紹述鴻基 。國運屯蒙, 其賊子鯨 。

吞勢甚漸 。不可偷安 。

玆焉密召諸臣 。

入機密院 。歃血誥誓 。

期先攻破金城, 次則長驅嘉定 。不意文詳懷二,

而甘露駕遷於此 。

君臣再相告誓, 以圖恢復, 計决他邦遊援 。

朕

奚惜微軀, 故不避山海之勞 。冒死親臨大德國求援 。

事蒙伊國准允逕同廣東 。接見官員, 會賚辦白 。

朕心倍慰, 蒙恩仍命 。嚴正協勦, 奉旨密告 。

凡在耳目, 共悉見聞, 則水土之同仇 。

不共戴天, 方議賢人, 君子閔辰志氣 。

朕

今滅號假虞 。

計定清夷早, 憑于外國 。**茀**聚得多人, 無財何養 。

朕獨憂之 。知南忠臣 。

庶義宜出貲助國 。將名数列于金籍 。

他日功成,照数倍還 。而償金封户, 不吝原恩勉哉 。

將士體此朕心 。

欽哉 。

# ĐẾN VỚI NHAU

Thứ Tư 27-10-2021, lúc 15 giờ, tại Trung Tâm Mục Vụ (Tổng Giáo Phận SG-TpHCM) diễn ra Hội Ngộ Liên Tôn XI với chủ đề HIỆP LỰC GIẢI THOÁT NHÂN SINH. Quý đại biểu tham dự được Ban Tổ Chức biếu quà lưu niệm cùng với ba đầu sách của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo: **Chuyện Đạo Bình Dân** (Lev Tolstoy và Huệ Khải); **Gia Đình Đạo Đức Theo Giáo Lý Cao Đài** ─ song ngữ Việt-Anh, đối chiếu Cao Đài và Công Giáo (Huệ Khải); **Nói Với Một Người** ─ dành riêng quý vị yêu thơ (Huỳnh Văn Mười).

Ban Tu Thư & Ấn Tống hân hoan kính mừng Hội Ngộ Liên Tôn XI giữa hoàn cảnh đặc biệt (phòng chống dịch bệnh) đã thành tựu mỹ mãn với tràn trề hồng ân các Đấng thiêng liêng chan rưới.

# KINH SÁCH MỚI IN

*"... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện."* Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Bốn năm 2021 liên kết Nxb Hồng Đức:

**ĐẠO UYỂN ĐỒNG 2021** (**tập 40**), in 1.000 quyển. Do công quả **12,000,000 đồng** của quý ân nhân phương danh như sau:

| | |
|---|---|
| 1. ĐH CHƠN MINH SƠN (Chưởng Quản Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, Trà Vinh). Gởi đợt 175. | 5,000,000 |
| 2. ĐT D. T. B. H. (TT Bình Thạnh, Trảng Bàng, HTCĐ Tây Ninh). Gởi đợt 175. Hồi hướng và cầu nguyện thân mẫu (ĐT Nguyễn Thị Cẩn) an lạc, hạnh hưởng hồng ân Thầy Mẹ dìu dắt tu hành. | 2,000,000 |
| 3. ĐT LÊ THỊ MINH NGUYỆT (TT Đô Thành, HTCĐ Ban Chỉnh Đạo): Gởi đợt 175. | 1,000,000 |
| 4. ĐH NGUYỄN THANH THỪA. TT Trung Đức (HT Truyền Giáo CĐ). Gởi đợt 175. Hồi hướng giác linh bà Cố, ông bà Nội, Cô Bác, Cha Mẹ. | 1,000,000 |
| 5. ĐT TÂM DIỆU HƯƠNG. TTi Tân Minh Quang. Gởi đợt 175. | 1,000,000 |
| 6. ĐT TRẦN THỊ KIM DUNG. TTi Tân Minh Quang. Thạnh Lộc, Q 12. Hồi hướng giác linh song thân (ĐH Trần Văn Phòng, ĐT Nguyễn Thị Mân). Gởi đợt 170, 171, 172, 173. | 2,000,000 |

## PHƯƠNG D□NH QUÝ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

**Đợt Một Trăm Bảy Mươi Lăm: Từ ngày 01-10-2021 đến ngày 30-10-2021**

| | |
|---|---|
| 1. ĐT LÊ THỊ MINH NGUYỆT (TT Đô Thành, HTCĐ Ban Chỉnh Đạo). Gởi 21-10. | 1,000,000 |
| 2. ĐT D. T. B. H. (TT Bình Thạnh, Trảng Bàng, HTCĐ Tây Ninh). Gởi 29-10. Hồi hướng và cầu nguyện thân mẫu (ĐT Nguyễn Thị Cẩn) an lạc, hạnh hưởng hồng ân Thầy Mẹ dìu dắt tu hành. | 2,000,000 |
| 3. ĐH NGUYỄN THANH THỪA. TT Trung Đức (HT Truyền Giáo CĐ). Hồi hướng giác linh bà Cố, ông bà Nội, Cô Bác, Cha Mẹ. Gởi 25-10. | 1,000,000 |
| 4. PHÒNG SÁCH THANH CHÂU. Bà Rịa – Vũng Tàu. Gởi 30-10. | 500,000 |
| 5. ĐH CHƠN MINH SƠN. (Chưởng Quản Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, Trà Vinh). Gởi 29-10. | 5,000,000 |
| 6. ĐT TÂM DIỆU HƯƠNG. TTi Tân Minh Quang. Gởi 22-10. | 1,000,000 |

| | |
|---|---|
| 7. Đạo hữu TRẦN HỒNG PHƯƠNG. TTi Tân Minh Quang. Hồi hướng giác linh Phạm Hồng Châu. Gởi 22-10. | 1,000,000 |
| 8. ĐT TRẦN THỊ KIM DUNG. TTi Tân Minh Quang. Thạnh Lộc, Q 12. Cầu nguyện cho sức khỏe bào huynh (ĐH Trần Văn Hoa). Gởi 28-10. | 1,000,000 |
| Tổng cộng: **12,000,000 VNĐ** | |

Ban Ấn Tống kỉnh thành biết ơn tất cả quý đạo hữu ân nhân đã tin cậy trợ duyên để Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo tiếp tục hành đạo bền bỉ.

Do hậu quả dịch bệnh, việc phát hành gặp trở ngại không ít; tạm thời số lượng sách ấn tống buộc phải giảm xuống.

Kỉnh thành cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn lành phúc huệ đến quý ân nhân và cửu huyền thất tổ của tất cả quý vị.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN ĐÔNG 2021
HUỆ KHẢI *chủ biên*

Chịu trách nhiệm xuất bản
*Giám đốc*: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
*Tổng biên tập*: LÝ BÁ TOÀN
*Biên tập*: PHAN THỊ NGỌC MINH

*Sửa bản in*: LÊ ANH MINH
*Vẽ bìa & Trình bày*: THIỆN TÂM LNL (CQPTGLĐĐ)

In 800 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường15, quận Tân Bình, TpHCM.
✆ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 7-2021/CXBIPH/60-1/HĐ
Số QĐXB của NXB: 1100/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 05-11-2021.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-814-1

*Thư từ, bài viết, thỉnh sách, xin gởi về*: daidaovanuyen@gmail.com
*Bản sách PDF trên Internet, xem tại*: http://thuvienhactrang.vn